Tác giả : *NGUYỄN CHU-KIỀU*
(em ruột của Nguyễn Du)

QUÂN TRUNG ĐỐI

Một áng văn Nôm cổ



ĐÔNG NAM Á

QUÂN TRUNG ĐỐI

Một áng văn Nôm cổ

Tác giả : *NGUYỄN CHU-KIỀU*
(em ruột của Nguyễn Du)

QUÂN TRUNG ĐỐI

Một áng văn Nôm cổ

Hiệu đính và chú giải : g.s. *NGHIÊM TOẢN*
Bình điểm : *Đạm Trai, Tử Bình*
Trình bày : *Võ Thu-Tịnh*



ĐÔNG NAM Á

Mục lục

Lời nói đầu

Quân-trung-đối là một truyện văn Nôm viết theo thể lục-bát của Nguyễn Chu-Kiều, em ruột Nguyễn Du, sáng tác vào đầu thế kỉ thứ XIX, mà giá trị văn chương, theo giáo-sư Nghiêm Toản, thì "xấp xỉ cỡ Nhị-độ-mai ". Song những truyện Nôm "xấp xỉ cỡ Nhị-độ-mai " trước đây, như Trê Cóc, Sãi vãi, Trinh Thử, Phan Trần, Lục Vân-Tiên... đều được lưu truyền phổ biến rộng rãi, duy quyển Quân-trung-đối nầy, suốt thời gian qua, lại bị mai một, đến nay vẫn không thấy được ai nhắc tới.

Theo chúng tôi biết, hiện nay có 3 ấn bản Quân-trung-đối được lưu trữ ở Thư viện Quốc-gia Pháp, ở trường Viễn-đông Bác-cổ (Paris) hay ở Học-viện Nghiên-cứu Hán Nôm (Hà-nội): Bản do Lễ Môn Đường ở Hà-nội in năm Tự-đức Kỉ Mão (1879) (1), bản do hiệu Quảng-thành ở Nam-định in năm 1910 (2), và bản do nhà in Văn-minh ở Hải-phòng in năm 1911(2).

Các ấn bản nầy đều ghi đề sách là "*Trung-quân-đối diễn ca* " (chứ không phải Quân-trung-đối) (3) và không có ghi tên tác giả.

Vào khoảng năm 1922, khi thân-sinh tôi, húy là Võ Hoành, làm việc tại phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an, đã sao chép được một bản tên là "Quân-trung-đối", có ghi rõ tác giả là Nguyễn Chu-Kiều, em ruột của Nguyễn Du. Khi về hưu, được nhàn rỗi, thân-sinh tôi đem ra đọc và có ghi thêm vào bên cạnh chính văn, một vài dòng nhận xét, hoặc đề nghị sửa đổi một vài chữ, vài câu, theo lối gọi là "bình điểm" hay "nhuận sắc" của các nhà Nho ngày xưa.

Đến năm 1959, trong khi tòng học tại Đại-học Văn-khoa Saigon, tôi có trình bản chép tay của thân-sinh tôi cho giáo-sư Nghiêm Toản xem. Người đem so sánh với các bản đã ấn hành năm 1910 và năm 1911 để hiệu đính chính văn, chú giải các danh từ, điển tích và nhận xét phê bình. Công trình biên khảo của giáo-sư đã được đăng thành nhiều kỳ, trong tạp-chí Luận Đàm ở Saigon, từ năm 1961 (bộ I, số 4) cho đến năm 1962 (bộ II, số 9).

Ngày nay, truyện "Quân-trung-đối", và ngay cả các bài của giáo-sư Nghiêm Toản đăng trong Luận Đàm vào các năm 1961-1962 ấy, cũng không thể tìm được một cách dễ dàng.

Vì vậy, chúng tôi thấy cần cho in lại công trình biên khảo của giáo-sư Nghiêm Toản cùng bản văn Quân-trung-đối đã được giáo-sư hiệu đính, chú giải, để phổ biến, bảo tồn cho một di sản Hán Nôm khỏi bị mai một, và để đồng bào có dịp thưởng thức một áng văn cổ, hoặc để dùng làm tài liệu cho những người muốn nghiên cứu văn học hay văn học sử nước ta sau nầy.

Công trình hiệu đính chính văn, chú giải danh từ, điển tích, nhận xét phê bình sơ kết của giáo sư Nghiêm Toản thật chu đáo, chính xác, giờ đây chúng tôi chỉ làm công việc trích lại *nguyên văn* hầu hết các mục chính yếu mà thôi.

Chúng tôi thấy không cần thiết in lại phần "Phụ lục" trình bày về cuộc đời một số nhân vật mà giáo-sư trích dẫn lại từ các truyện kiếm hiệp hay lịch sử Trung-hoa, vì xét các sự tích ấy không liên hệ gì bao nhiêu với cốt truyện của Quân-trung-đối.

Vì điều kiện ấn loát không cho phép, chúng tôi cũng không thể in lại một số chữ Hán (phần nhiều là tên người, tên đất...) mà giáo-sư đã ghi thêm vào bên cạnh chữ Việt ở các mục "Chú thích".

Nhưng tội lớn nhất của chúng tôi là bất cẩn để thất lạc bản chính truyện Quân-trung-đối viết bằng chữ Nôm mà thân sinh tôi đã sao chép, làm mất đi một tài liệu quí báu giúp cho công cuộc dò lại và đối chiếu các bản phiên âm sau nầy.

Về các bản văn mà thân sinh tôi đã chép lại được ở Nghệ-an, ngoài chính văn truyện Quân-trung-đối, có kèm theo một bài Tựa của Thanh-bối Cúc-khê-phu và một bài Bình-dẫn viết năm Giáp Ngọ (1834) của Nguyên-Lập Đạm-Trai. (4)

Bài Bình-dẫn của Đạm-Trai xác nhận rằng: tác giả Quân-trung-đối là Nguyễn Chu-Kiều, em ruột Nguyễn Du và ông có con trai là Nguyễn Toản đậu Tam giáp Đồng tiến sĩ thứ năm, khoa Nhâm Thìn (1832), hiện đang làm quan Viên-ngoại-lang (1834).

Bài Tựa của Thanh-bối Cúc-khê-phu cho biết từ lúc gặp nhau lần cuối cùng ở Tiêu-sơn cho đến nay đã 20 năm. Và theo Thanh-bối Cúc-khê-phu thì hẳn Chu-Kiều đã mượn Quân-trung-đối để nói lên một tâm sự u-ẩn mà ông không thể bày tỏ rõ ràng ra được.

Căn cứ vào các chi tiết dẫn ra trong hai bản Bình-dẫn và Lời Tựa nầy, chúng tôi xin mạo muội thêm vào dưới đây một vài nhận xét nhỏ về lai lịch cũng như về tâm sự của tác giả đã ký thác trong tác phẩm Quân-trung-đối, như sau:

1.– Về lai lịch của tác giả

a/ Chu-Kiều (là tên hiệu chớ không phải tên thật), em ruột Nguyễn Du, là ai?

Theo tài-liệu của Nguyễn Lộc trong "*Nguyễn Du, con người và cuộc đời* ", (nhà Xuất-bản Đà-nẳng, 1990), thì Nguyễn Nghiễm,

thân sinh của Nguyễn Du, có 21 người con cả trai lẫn gái (N.L., sđd, tr. 17) và bảy bà vợ: *chính thất* là bà Đặng thị Dương (mẹ của Nguyễn Khản), và *thứ thất* có các bà: Đặng-thị (em gái của bà Đặng thị Dương), Trần thị Tần (mẹ ruột của Nguyễn Du), Nguyễn thị Xuân, Phan thị Diên, Hồ thị Ngạn, Hoàng thị Thược. (N.L., sđd, tr. 36, 37)

Bà Trần thị Tần sinh hạ được năm người con: Nguyễn Trụ, Nguyễn Đề (còn có tên là Nguyễn Nể), Nguyễn thị Diên, Nguyễn Du, Nguyễn Ức. Năm Tân Mão (1771) Nguyễn Trụ mười lăm tuổi, thi hương đậu tứ trường, được bổ làm Hồng-lô tự-thừa, một thời gian sau thì mất. (N.L., sđd, tr. 31)

Năm 1776, Nguyễn Nghiễm qua đời, năm 1778 bà Trần thị Tần, mẹ của Nguyễn Du cũng qua đời, để lại bốn người con là Nguyễn Đề mới có 17 tuổi, Nguyễn thị Diên 15 tuổi, Nguyễn Du 12 tuổi, Nguyễn Ức 11 tuổi. (N.L., sđd, tr. 43)

Khi Nguyễn Huệ Tây-Sơn ra Bắc, đại phá quân Thanh, Lê Chiêu-Tống chạy sang Trung-quốc. Ba anh em Nguyễn Đề, Nguyễn Du, Nguyễn Ức chạy theo không kịp, liền quay trở lại và cùng chia tay mỗi người đi về một ngả:

– Nguyễn Đề về lại quê mẹ ở Hoa-thiều,

– Nguyễn Du về quê vợ ở Thái Bình,

– Nguyễn Ức về quê vợ ở *Thuận-thành (Bắc-ninh), rồi định cư luôn* ở đấy. (N.L., sđd, tr. 76, 80)

Như vậy *em ruột* của Nguyễn Du (cùng một cha, một mẹ) chỉ có một người *là Nguyễn Ức*. Nguyễn Ức thua Nguyễn Du một tuổi, nếu Nguyễn Du sinh 1776 thì Nguyễn Ức phải sinh vào năm 1777.

b/ *Nguyễn Ức có phải là thân sinh của Nguyễn Toản, Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn không? Nếu phải, thì ông quả là tác giả của cuốn Quân-trung-đối.*

Nay xét trong *Quốc triều hương khoa lục* ấn hành năm Thành-thái Quý Tị (1893) và *Quốc triều khoa bảng lục*, ấn hành năm Thành-thái Giáp Ngọ (1894) thấy có ghi rõ:

"Nguyễn Tản (Toản) người xã Tiên-điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ-an, *nhà ở xã Cẩm-chương thuộc Bắc-ninh,* đậu Cử nhân khoa Mậu Tý (1828) trường Thăng-long, rồi đậu Đồng Tiến-sĩ khoa Nhâm Thìn (1832) làm quan tới chức Viên-ngoại-lang, bị miễn".

Mà như đã thấy trên đây, *Nguyễn Ức, em ruột Nguyễn Du đã định cư tại Bắc-ninh từ trước,* nên có thể cho rằng Nguyễn Toản là con của Nguyễn Ức, với điều kiện là Đạm-Trai đã dùng chữ "*đệ*" (trong mấy chữ "*Lễ bộ hữu Tham-tri Nguyễn hầu chi đệ*" ở bài Bình-dẫn) với nghĩa là "anh em cùng một cha, một mẹ".

Trong khi chờ đợi truy tìm lại để *xuất xứ* các dữ kiện mà Nguyễn Lộc đã dẫn ra, chúng xin *tạm thời* kết luận rằng :

"Tác-giả Quân-trung-đối *có thể* là Nguyễn-Ức, em ruột Nguyễn Du, người làng Tiên-điền, Thanh-hóa, nhà ở Bắc-ninh. Và Nguyễn Ức đã sáng tác Quân-trung-đối trong khoảng 20 năm, từ năm gặp Thanh-bối Cúc-khê lần cuối cùng ở Tiêu-sơn cho đến trước năm Giáp Ngọ là năm Đạm-Trai viết bài Bình-dẫn".

2.– Về tâm sự của tác giả trong Quân-trung-đối

Trong lời Tựa, Thanh-bối Cúc-khê phu cho rằng Nguyễn Chu-Kiều đã mượn *Quân-trung-đối* để thác gởi nỗi lòng u ẩn của mình:

"*Ôi ! lời là tiếng nói của lòng, mà văn dùng để khiến cho lời nói được đầy đủ. Văn chương người đời cổ thường mượn truyện trai*

*gái, chồng vợ, hoàn toàn cốt **để gởi ý vào.** Tại sao? Vì rằng trong đạo vua tôi, bè bạn, vợ chồng, đều lấy Nghĩa mà hợp với nhau; chỗ nầy có tình mà **không nói được ra**, ắt tạm mượn chỗ kia để gởi tình, ngõ hầu nỗi lòng ngay thực ở bên trong, người ta có thể lượng xét cho được vậy. Cuốn Quân-trung-đối diễn ra quốc ngữ hoặc cũng thác gởi, như người đời xưa thác gởi, có phải vậy chăng?*"

Cái tình không thể nói ra được ấy là gì ? Gia-đình của anh em Nguyễn Du, Nguyễn Ức mấy đời làm quan với triều nhà Lê và được trọng đãi một cách đặc biệt. Thế mà khi Nguyễn Huệ và nhà Nguyễn đến, thì chỉ có một mình Nguyễn Quýnh (anh em khác mẹ với Nguyễn Du) đứng lên chống lại, nên bị quân Tây Sơn giết chết (N.L., sđd, tr. 101), còn anh ruột của Nguyễn Du là Nguyễn Đề, trước làm quan với nhà Lê, nay lại ra làm quan với Tây-Sơn và được Tây Sơn phái đi sứ Trung-hoa hai lần (N.L., sđd, tr. 134, 135); cả đến Nguyễn Du, không tán thành hành động của Nguyễn Đề, song cuối cùng cũng phải ra làm quan với nhà Nguyễn, và cũng được phái đi sứ ở Trung-hoa...

Riêng Nguyễn Ức, theo bài Bình-dẫn của Đạm Trai, thì " *Ông tránh loạn Tây Sơn, giấu mình trong nghề làm thuốc, bèn thôi không cầu ra làm quan. Ông giữ vững chí mình, yên với cảnh nghèo; đem đạo phải và thẳng ngay ra dạy con...*"

Và đây là một đoạn Nguyễn Lộc trình bày lại không khí giữa anh em Nguyễn Đề, Nguyễn Du, Nguyễn Ức lúc bấy giờ:

"*Trong họ Nguyễn nầy, ông (Nguyễn Đề) vẫn thầm phục hai người làm thơ hay, nhất là Nguyễn Du, em ông, và thứ nhì là Nguyễn Hành, con Nguyễn Điều, cháu gọi ông bằng chú ruột. Nhưng thơ của Nguyễn Hành có cái gì đó, ông phục mà không*

thích. Hình như nó gay gắt quá, đồng thời lại cũng ủy mị quá. Và ông không bao giờ thổ lộ với ai điều nầy, nhưng nói cho đúng, cái Nguyễn Đề khó chịu nhất là lúc nào Nguyễn Hành cũng công kích nhà Tây-Sơn một cách không che đậy, trong khi đó thì chính ông lại đang cọng tác với nhà Tây-Sơn. Nguyễn Đề đã đọc bài thơ của Nguyễn Hành viết về cái chết của Nguyễn Quýnh (bị Tây-Sơn giết). Ông và Nguyễn Du đều thương xót Nguyễn Quýnh, nhưng cách Nguyễn Hành ca tụng Nguyễn Quýnh ông thấy như để đả kích những người cọng tác với nhà Tây-Sơn như ông. Quả là Nguyễn Đề có lúng túng, ông vừa cảm thấy mình ra cọng tác với Tây-Sơn là chính đáng, đồng thời lại luôn luôn có mặc cảm với những người xung quanh về việc cọng tác ấy. Lần nào gặp Nguyễn Du, Nguyễn Đề cũng bằng cách nầy, cách khác, xa xôi bóng gió có ý thanh minh với em, và việc sau chuyến đi sứ (sang Trung-hoa) lần thứ hai, ông xin về nghỉ dài hạn, một phần cũng vì lý do ấy... " (N.L., sđd, tr. 135, 136)

Sống trong một hoàn cảnh khó xử, một gia đình thế phiệt Nho phong, mà con cháu lại có kẻ ứng xử trước thời cuộc trái với luân thường đạo lý cổ truyền, thì Nguyễn Ức không khỏi bị uất hận và buồn tủi. Nhưng làm sao có thể bộc lộ nỗi niềm riêng tư ấy ra?

Hẳn ông đã mượn câu chuyện về tình duyên giữa Đậu Tuyến-Nương và La Thành, để gián tiếp phô bày và nhấn mạnh vào sự tương phản giữa tấm gương "trung trinh" trong Quân-trung-đối với hành vi "bội ước" của nàng Kiều trong Đoạn-trường Tân-thanh. Đồng thời, cũng để thanh minh vì sao ông đã chọn một cuộc sống thanh bần không cầu thi cử xuất chính và ngụ ý trách hai anh mình, là Nguyễn Đề và Nguyễn Du, đã "*đưa người* (vua Lê) *cửa trước, rước người* (Tây Sơn, chúa Nguyễn) *cửa sau*" như cô con gái nhà họ Vương lúc ở lầu xanh.

Thanh-bối Cúc-khê-phu là một bạn thân của Chu-Kiều, chắc đã hiểu được nỗi lòng thầm kín của ông, nên trong bài Tựa mới khẳng định rõ ràng có một tâm sự u ẩn gởi gắm trong Quân-trung-đối mà tác giả không thể nói rõ ra được.

Quân-trung-đối được sáng tác trước năm Giáp Ngọ (1834) dưới triều vua Minh Mạng (1820 - 1840) là một "vị vua độc đoán nhất của nhà Nguyễn" (5), lại quá nghiêm khắc, ngay cả với các bậc khai quốc công thần (như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt); mà đồng thời trong nước lại còn nhiều người vẫn tưởng nhớ và mong khôi phục lại nhà Lê. Đến năm 1833 (một năm trước khi Đạm-Trai viết bài Bình-dẫn Quân-trung-đối), Lê Duy Lương, dòng dõi nhà Lê, nổi lên chiếm nhiều châu huyện thuộc tỉnh Ninh Bình. Minh Mạng sai Tạ Quang Cự đem quân bắt Lê Duy Lương về kinh trị tội, và sau đó đày con cháu nhà Lê vào các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

Trong hoàn cảnh chính trị gay go, nghiêm trọng như thế, mà Quân-trung-đối lại có gói gắm một tâm sự "hoài Lê", thì hẳn không thể nào công khai đem lưu hành mà không bị chính quyền nhà Nguyễn khép vào tội phản nghịch. Chúng tôi cũng tự hỏi rằng không biết có phải vì tâm sự "hoài Lê" trong Quân-trung-đối, mà con trai của tác giả, Nguyễn Toản, đậu Tiến-sĩ, ra làm quan đến chức Viên-ngoại-lang, lại bị miễn chức chăng?

Phải đợi đến trên bốn chục năm sau, đến cuối đời vua Tự-đức, năm 1879, một nhà in ở Hà-nội mới đem Quân-trung-đối ra xuất bản, sau khi đổi tên lại là "Trung-quân-đối diễn ca", và bỏ qua không ghi tên của tác giả.

Thật ra "Quân-trung-đối" và "Trung-quân-đối" đều cùng một nghĩa như nhau: "Giữa (trung) đám ba quân (quân) mà kết thành

đôi lứa (đối)", song viết "Quân-trung" là theo cú pháp (sắp ngược chữ) của Trung-hoa, còn viết "Trung quân" là theo cú pháp (sắp xuôi) của Việt Nam, cả hai đều diễn tả một ý là "giữa / ba quân". Ở đây, cách ghép các từ Hán Việt ("trung" và "quân") đã được Việt hóa. Có phải đó cũng là ảnh hưởng của phong trào "dùng chữ Nôm thay thế chữ Hán để sáng tác", như trong bài Trần-tình của Nguyễn Trường Tộ đã chủ trương từ mười năm trước đó chăng ? (6)

Đến đầu thế kỉ XX, nước ta đã bị Pháp thôn tính. Các phong trào ái quốc như Duy Tân, Đông-kinh Nghĩa-thục,, đứng lên công khai hô hào dùng chữ quốc ngữ để phổ biến sách báo, khai hóa dân trí, canh tân xứ sở, đồng thời cũng ngấm ngầm hoạt động tổ chức kháng chiến; và đến năm 1908, ở Quảng Nam dân chúng biểu tình đòi giảm thuế... Trong bối cảnh hăng say ấy, vào năm 1910, 1911, các nhà in ở Nam-định và ở Hải-phòng, tái bản "Trung-quân-đối diễn ca", không ghi tên tác giả, mỗi trang, nửa trên in bản chữ Nôm, nửa dưới in bản phiên âm bằng chữ quốc ngữ.

Có thể lúc bấy giờ, tâm sự gói gắm trong Trung-quân-đối không còn nhằm về "hoài Lê" xa xôi nữa, mà nặng hẳn về hai chữ "trung trinh" để đề cao tinh thần yêu nước, kháng chiến giải phóng đất nước, một hoài vọng muôn thủa của toàn thể nhân dân ta.

Như vậy, việc Quân-trung-đối được in vào những năm 1879 và 1910, 1911, không phải là một tình cờ. Tâm sự ký gởi trong Quân-trung-đối trước sau vẫn là "tinh thần trung trinh". Song đã tùy theo nhu cầu của mỗi thời đại mà lần thứ nhất (1879) đặt trọng tâm vào "hoài Lê", hai lần sau (1910, 1911) nhằm vào tinh thần "phục quốc". Và hẳn vì muốn giữ an toàn chung cho mình và cho người cầm bút, nên nhà xuất bản đã đổi tên truyện "Quân-trung-đối" ra "Trung-quân-đối diễn ca" và không ghi tên họ tác giả.

Trong lúc đó, các nguyên bản Quân-trung-đối *chép tay*, có ghi tác giả là Nguyễn Chu-Kiều, em ruột Nguyễn Du, thì được cất giữ và lưu truyền trong họ Nguyễn Tiên-điền. Đến khoảng năm 1922, đồng bào Nghệ-an, vì cảm tình đối với thân-sinh chúng tôi, nên đã đưa ra một trong các bản chép tay nầy, cho sao chép lại.

Thô thiển một vài ý kiến, gọi là góp phần nhỏ mọn vào công việc tìm hiểu một áng văn Nôm cổ, mà thân sinh tôi đã sao chép và ân sư tôi đã dày công biên khảo, chú giải, hiệu đính chính văn, đồng thời cũng gọi là để đền đáp lòng tin cậy của thân thuộc đồng hương với tác giả Quân-trung-đối, đã dành cho thân-sinh chúng tôi.

Paris, mùa thu 1994
VO THU-TINH

(1)- *Di sản Hán Nôm Việt-Nam thư mục đề yếu* (Catalogue des livres en Hán Nôm) do Trần Nghĩa và François Gros biên soạn, Nxb Khoa học Xã-hội, Hà-nội, 1993, t.3, tr. 429.
(2)- Xem "Giới thiệu Quân-trung-đối" của g.s. Nghiêm Toản dưới đây.
(3)- Đó là một chủ trương Việt hóa các "từ ghép" Hán Việt, thường gặp trong ngôn ngữ ta, như: Từ Hán là "nhiệt náo", ta đổi lại thành "náo nhiệt"; Hán:"lợi quyền", ta: "quyền lợi"; Hán: "mạo tướng", ta: "tướng mạo"; Hán: "cử tiến", ta: "tiến cử"; Hán: "xuất sản", ta: "sản xuất", v.v...
(4)- Xem bản dịch các bài Tựa và bài Bình-dẫn ở phần dưới đây.
(5)- Lê Thành Khôi, *Histoire du Việt Nam des origines à 1858*, Paris, SudestAsie, 1981, p. 382.
(6)- Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ, Con người và di thảo*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 254 - 258.

Giáo-sư NGHIÊM TOẢN

Giới thiệu Quân-trung-đối

Quân-trung-đối là một cuốn truyện bằng văn lục bát, dựa vào cốt truyện Trung-hoa (như *Nhị-độ-mai, Phan-Trần, Hoa-tiên-ký...*), kể lại việc La Thành con La Nghệ, và Đậu Tuyến-nương con Đậu Kiến-Đức, đính hôn trên trận, trước chia lìa sau đoàn tụ, và như vậy, kiêm cả hai tính chất: dã sử, diễm tình.

Truyện đã được xuất bản hai lần:

1. *Bản A* : của Đỗ Hạ-Xuyên, in năm 1910, tỉnh Nam-định, phố Bắc-ninh, hiệu Quảng-thành, số nhà 20. Nhưng mặt bìa lại đề là: *Trung-quân-đối diễn ca* (chớ không phải *Quân-trung-đối).*

Sách gồm 110 trang giấy Tây, bìa không kể, trang nào cũng nửa trên in chữ Nôm, nửa dưới in Quốc-ngữ; ngoài bìa có vẽ hình hai tướng, một trai một gái, đối nhau trước cửa thành, trên đề hai chữ nho "Lạc-thọ". Bản nầy còn lưu trữ tại trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-nội, số Q. 8°121 (8), đo được 11 phân tây chiều rộng và 15 phân tây chiều dài.

2. *Bản B* : in năm 1911, trên giấy Tây, do nhà in Văn-minh, tại Hải-phòng, ngoài bìa đề : *Trung-quân-đối ca*, của Xuân-Lan phiên âm ra quốc-ngữ và xuất bản. Bản nầy còn lưu trữ tại trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-nội, số Q. 8° 121 (7), và cùng một kích thước 11 phân x 15 phân rưỡi.

Hai bản *lại đóng chung làm một* mang số AB. 121 (AB là dấu hiệu của các thư viện dành riêng cho loại sách chữ Nôm).

Vì việc xuất bản, ấn loát còn sơ sài, nên không biết rõ truyện viết năm nào, tác giả là ai. Tôi đang để ý tìm kiếm thì may đâu ngày năm kia (1959) được ông bạn Võ Thu-Tịnh (1) cho mượn một bản chép tay (vốn là của gia bảo, tiền nhân để lại).

Bản nầy chép trên giấy bản, ngoài bìa đề ba chữ *Quân-trung-đối*, bên trong chép rõ tác giả Nguyễn Chu-Kiều, hiệu Lạc-am, người Hoan-châu, diễn ra Quốc-ngữ và Nhữ Nguyên-Lập, hiệu Đạm Trai, người Ái-châu chấm và phê bình.

Sách gồm có:

a)– một bài Tựa của Thanh-bồi Cúc-khê-phu,

b)– phần Mục lục ghi mười hai hồi,

c)– phần *Chính truyện* có chép thêm lời bình hoặc ở bên câu chính văn, hoặc ở trên đầu trang,

d)– một bài Bình dẫn của Nhữ Nguyên-Lập (Đạm-Trai).

Nhờ ở bài Tựa và nhất là bài Bình-dẫn, chúng ta *biết chắc tác giả Nguyễn Chu-Kiều là em ruột Nguyễn Du*, đã viết Quân-trung-đối khi ở Tiêu-sơn (Kinh-Bắc); chúng ta còn biết cả ông không cầu ra làm quan và chuyên về nghề thuốc; ông lại có con đậu tiến-sĩ khoa Nhâm Thìn (1832) và đang làm Lại-bộ Viên-ngoại lang. (2)

Tôi rất mừng và vội đem giới thiệu cuốn *Quân-trung-đối* nầy, tôi sẽ lần lượt:

I – Lược thuật câu chuyện tình duyên giữa La Thành và Đậu Tuyến-nương;

II – Phiên âm và dịch nghĩa bài Tựa và bài Bình-dẫn;

III – Hiệu đính chính văn Quân-trung-đối, căn cứ vào ba bản: bản A số Q. 8° 121 (8), bản B số Q° 121 (7) của trường Viễn-đông Bác-cổ và bản chép tay – *tôi gọi là bản C* – của ông Võ Thu-Tịnh trao cho.

Tôi xin nói ngay là: Bản chép tay (C) có 1130 câu, dài hơn bản A 40 câu và dài hơn bản B 42 câu. Trong ba bản, chữ, câu sai khác nhau rất nhiều. Hai bản A, B in các câu văn liên tiếp từ đầu đến đuôi, còn bản chép tay (C) phân chia ra mười hai hồi rõ rệt.

Những câu phê bình trong bản chép tay, tôi sẽ dịch và để xuống phần chú thích với chữ C in kèm, đặt trong dấu ngoặc.

Tôi xin thành thực cảm ơn ông Võ Thu-Tịnh đã có thịnh tình nhã ý trao cho bản viết tay với cả một tập phiên âm và dịch ra quốc ngữ; tài liệu quí báu – *gia bảo* – ấy đã khiến tôi hăm hở làm trọn vẹn nốt công việc của tiên nho để lại; vì trong biển học mênh mông, tất cả chúng ta có biết và nói được điều gì đi chăng nữa, đều là nhờ ơn người đi trước mở lối, chỉ đường.

Sau phần hiệu đính, tôi sẽ có phần phê bình đại cương về cuốn truyện và các vai; tôi cũng sẽ quay trở lại nói kỹ về tác giả, người viết tựa, người chấm và phê bình và bậc tiên nho đã chép tay, tùy theo kết quả những sự tìm tòi, tôi biết đến đâu thưa đến đấy.

Nghiêm Toản cẩn chí

(Luận-Đàm , bộ I, số 4, Saigon, 1961)

(1)- Ông cho biết bản nầy do chính tay Cụ Cố sao lại. Cụ Cố húy là Võ Hành (Võ Hoành), đậu Thủ-khoa Cử-nhân trường Thừa-thiên, khoa Quý-Mão (1903), và đậu Phó-bảng khoa Canh-Tuất (1910) cùng với các cụ Hoàng Tăng Bí, Bùi Kỷ và cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác, hiện làm Giáo-sư trường Đại-học Văn-Khoa Sàigòn.

(2)- Ông tên là Nguyễn Toản, đậu Tam-giáp Đồng Tiến-sĩ thứ Năm, khoa Nhâm Thìn (1832).

Vấn đề hiệu đính Quân-trung-đối

Đúng theo phép thường, tôi phải lựa chọn bản nào xét thấy gần nguyên cảo nhất, dùng làm bản chính, rồi đem những chữ, những câu không giống, ở các bản khác, chép xuống dưới phụ thêm vào.

Nhưng ở đây, hai bản in của trường Bác-cổ Viễn-đông và bản chép tay của cụ Bảng Võ Hoành đều bị sửa chữa qua nhiều bậc tiên nho, nên tôi đành *phá cách*, lựa lấy những chữ, những câu đối với nguyên cảo có lẽ còn gần, ở cả trong ba bản.

Dù sao, người đọc vẫn có thể tự mình khôi phục lại hiện trạng ba bản ấy; đến như *phần phê bình* trong bản chép tay của cụ Bảng Võ, thì tôi đành chịu, không thể hoàn toàn quyết định hẳn câu nào do Nhữ Đạm-Trai viết, vì cụ Bảng Võ rất có thể tự mình sửa chữa hoặc thêm lời bình luận; tuy nhiên chắc chắn phần lớn vẫn do ngòi bút Nhữ Đạm-Trai.

Nghiêm Toản

Phàm lệ về hiệu đính chính văn – Đánh dấu từ a, b, c,... đến z; rồi từ aa, ab, ac ... đến az; từ a'a a'b, a'c... đến b'z; từ b'a, b'b, b'c....đến b'z; từ c'a, c'b, c'c... đến c'x là hết, để chỉ chỗ nào trong câu, mà ở các bản khác, cũng câu ấy các chữ lại chép khác đi. Ví dụ: trong câu 54:

" *Nghề nhà cung ngựa* ao, gấp người mười phần"

Xem ở cuối hồi, mục "Hiệu đính", sẽ thấy ghi : "*–ao)* A: Kiếm trường nỏ cứng; B: Kiếm trường cung đoản". Nghĩa là ở bản A, câu 54 nầy chép: "*Kiếm trường nỏ cứng*, gấp người mười phần", và ở bản B, câu 54 nầy chép là:"*Kiếm trường cung đoản*, gấp người mười phần", vân vân...

Lời tựa của Thanh-bối Cúc-khê-phu (1)

Tôi cùng anh Chu-Kiều họ Nguyễn, nói về dòng dõi cao sang danh tiếng và tài năng khí phách, tưởng không cần phải so sánh. Quá đội ơn mắt xanh đoái tới, bèn cùng kết bạn chơi với nhau. Từ buổi họp mặt tại non Tiêu, đến nay lâu đã hơn hai mươi năm trời, "trăng lặn soi rường nhà", (2) sao hay không nhớ nhung nhắc nhở ?

Bữa trước, có người Thăng Long về, đưa thư của anh nhờ mang đến, và quyển *Quân-trung-đối* diễn ra quốc ngữ (3), anh bảo tôi xem có chỗ lầm thì sửa và đề tựa; tôi nâng lên coi một lượt như thấy mặt anh. Nhân được biết rằng giờ đây sách trăm nhà anh cũng rộng xem, cho đến những câu chuyện nhàn đàm bên chén rượu và tiểu thuyết tầm thường anh đều đọc tới.

Ôi ! lời là tiếng nói của lòng, mà văn dùng để khiến cho lời nói được đầy đủ. Văn chương người đời cổ thường mượn truyện trai gái, chồng vợ, hoàn toàn cốt để gởi ý vào. Tại sao ? Vì rằng trong đạo vua tôi, bè bạn, vợ chồng, đều lấy Nghĩa mà hợp với nhau; chỗ nầy có tình mà không nói được ra, ắt tạm mượn chỗ kia để gởi tình, ngõ hầu nỗi lòng ngay thực ở bên trong, người ta có thể lượng xét cho được vậy. Cuốn *Quân-trung-đối* diễn ra quốc ngữ hoặc cũng thác gởi, như như người đời xưa thác gởi, có phải vậy chăng?

Xem như La Thành, con người ở chốn ăn mỡ thịt, mặc lụa là, Đậu Tuyến-nương, một nhân vật trong làng mày mực đậm, mặt phấn thoa, trên trận gặp nhau tình cờ, bèn đính ước hôn nhân; giữa khoảng trai gái, ấy cũng là tình thường "*mày đẹp mắt trong*", muốn cùng nhau thỏa lòng mong ước.

Lại thêm thành Tùy lửa dậy, gặp cơn ly loạn, sáu năm chia cách, tơ tình dễ dứt, một sang một khổ, thường sinh ra cảnh mây

trắng muôn đen. Tuy nhiên, đây đấy giữ vững một niềm, rốt cuộc lại được tốt đôi, há chẳng phải là Tình khẩn thiết trung thành, mà Nghĩa dốc tâm thuần hậu? Thế mà có những người kết giao "xe nón", (4) khi thường cùng nhau hòa hợp, nhưng rồi phạm lỗi "vỗ gươm ném đá", (5) chỉ trong chớp mắt rã rời tan nát, ấy là lòng dạ gì như vậy? Nghèo chơi với nhau còn thế, các trường hợp khác, suy ra đủ thấy rõ ngay. Vậy thì Tình Nghĩa trong *Quân-trung-đối*, há nên coi thường đấy sao? Huống hồ Tào phi chết vì chữ *Tòng*, tướng Phiên mắc lưới, sống vì ưa *May*, cô em Hoa thay chị, tròn chữ *Nghĩa*. Hạ vương thấy mặt rể nơi cửa *Thiền*, vỏn vẹn trong mười hai hồi, mà có biết bao nhiêu sự việc: khiến cho ta đáng kính, đáng hãi, đáng mừng, đáng xót, lòng người, thói đời, đọc qua đều có thể tưởng tượng ra được, há hoàn toàn chỉ bảo là thác gởi mà thôi !

Còn đến cách dàn bày thì cẩn mật chặt chẽ, đến nơi đến chốn, động tác tiến triển theo thứ tự ngay ngắn trọn vẹn, văn viết bắt, buông có phép, việc chính yếu, việc hiếm lạ, từ việc nầy dẫn sinh ra việc nọ, âm hưởng tiết điệu lại đầy đủ như kèn trống hợp hòa.

Trong văn chương, *Quân-trung-đối* thực là có nghệ thuật già dặn của văn Trung-hoa; ví bằng lấy đem bày vào mặt trận văn Nôm nước nhà, âu cũng là một cánh quân hùng mạnh. Ấy vậy làm bài tựa.

Thanh-bối Cúc-khê phu viết.
(Dịch nghĩa: Nghiêm Toản)

(1)- Xem bản chữ Hán và phiên âm bài Tựa ở phần Phụ-lục dưới đây.
(2)- *Trăng lặn soi rường nhà* : dịch từ chữ Hán "Ốc lương lạc nguyệt", lấy trong bài thơ *Mộng Lý Bạch* của Đỗ Phủ: "Lạc nguyệt mãn ốc lương, Do nghi kiến nhan sắc" (Nhượng Tống dịch: "Xa nhà trăng lặn dọi soi, Còn như nhác thấy mặt người năm xưa")
(3)- *Quốc ngữ*: tức là *tiếng* của *nước* ta, tiếng Việt Nam, (viết bằng chữ Nôm). Ở đây không phải *chữ quốc ngữ* dùng mẫu tự la-tinh để phiên âm.

Lời bình dẫn truyện Quân-trung-đối (1)

Mùa hè năm Giáp Ngọ, ta đến trường dạy tại huyện An-lạc, được cùng ông Lạc-am Nguyễn, gặp nhau ở nhà láng giềng gần bên nhà huyện; ông tuổi cao, đức lớn, vẻ tinh thuần như un đúc cả vào.

Ông người làng Tiên-điền, tỉnh Nghệ-an, là em quan Hữu Tham-tri bộ Lễ, Nguyễn Hầu, đời Gia Long (2), và là nghiêm đường quan Nghè khoa Nhâm Thìn, hiện đang làm Viên-ngoại-lang bộ Lại. (3) Dòng dõi trâm anh, gia thế từ xưa cao vọi; thủa nhỏ ông tránh loạn Tây-sơn, giấu mình trong nghề làm thuốc, bèn thôi không cầu ra làm quan. Ông giữ vững chí mình, yên với cảnh nghèo; đem đạo phải và thẳng ngay ra dạy con, vui vẻ muốn nơi sân hòe ắt có kẻ làm nên, và rốt cuộc lệnh lang đã khiến cho ý muốn ấy được thành; hạc nội yên hưởng cảnh thung dung, đất An-lạc thật là nơi vui vẻ vậy.

Đầu mùa đông, ông cùng với ta uống rượu bàn văn; trong khoảng nói cười, chợt nhắc tới thơ Nôm, nhân đưa ra cho ta coi cuốn Quân-trung-đối ông đã diễn âm trong những ngày thường, và bảo ta chấm và bình phẩm.

Ôi ! Diễn âm nước ta đã có từ lâu, tác giả như rừng vậy. Nhưng gần đây, tác phẩm hay truyền lại, ngoài Phan Trần, Sãi Vãi không thấy có mấy. Từ Đoạn-trường Tân-thanh xuất hiện, ngàn xưa có một, như món gỏi, chả, ngon, làm cho cả một thời sướng thích.Ông Phạm Lập-Trai đã đề thơ vịnh, để ghi lại việc hay. Đoạn-trường Tân-thanh là của anh ông nổi trận trống kèn, nay lại có Quân-trung-đối lên tiếng nối theo. Nói về nguy nga, nghiêm chỉnh, tươi đẹp, dồi dào, dường như ông phải nhường anh;

nhưng nếu xét về cốt cách thuần hậu, nhã nhặn dịu dàng, ông thực đủ xưng hùng, làm địch thủ lợi hại của anh; vả cũng khó phân biệt anh, em, ai hơn, ai kém.

Ta đọc rồi, thêm càn vào những lời bình điểm xằng bậy; nhân trong cuốn có chỗ nói đến tình trai gái, bèn đem những lời phường chèo đùa bỡn mà vẽ vời tô điểm, để "cào, gãi ở ngoài hia", tuy không đủ nói hết chỗ cần cốt của tình ý trong văn, nhưng một trò hề đưa lên sân khấu, nghìn người xem đều phải phì cười, thì cũng có thể nói ta làm một trò cười cho bậc người thấy rộng vậy.

Vả lại, càng đáng cười hơn nữa: trai gái con nhà võ biền hợp thành vợ chồng là một chuyện tầm thường nhỏ nhặt, mà lời bình luận tới đây pha trộn, kéo xen vào, đến trang điểm bằng quẻ Kinh Dịch, tiết mục Kinh Lễ, ca dao Kinh Thi ! Lại không những có thế thôi! Còn đem việc vua Thần-Nghiêu đời Đường (4), việc vua Thần-Tông đời Lý ra so; dẫn bọn Trần Bình (5), Ngụy Vô-Tri (6), Tư-mã Tương-Như (7), Lý Mật (8) ra sánh; lại không những có thế thôi! còn dẫn cả đến Từ Thế-Tích (9) làm bề tôi trung thuận, Đường Nhị-lang (10) định yên bốn cõi; "ở trong cái nhỏ mà thấy cái lớn" là phép thường vốn có trong lúc làm văn. Song lời nông cạn nối liền, chọc cười làm miệng há má rung, khiến đang ăn sặc sụa phì cơm ra, hoặc bảo rằng đùa cợt, khôi hài như thế là khéo, giỏi.

Tuy nhiên, ông làm nghề thuốc nhỏ mọn mà học thức chất chứa sâu kín; ta từng thấy thơ văn ông làm, có vẻ cao vọi như bậc học giả danh tiếng; không chịu rong ruổi đua đòi theo cùng hạng người thường. Vậy thì chắc ông chứa sâm truật trong giỏ thuốc bằng cỏ lau, mà cam tâm chịu sống với nghề thầy lang cho đến già; ông dựng cờ vỗ trống trên đàn văn mà sự đẽo gọt trau chuốt cuốn truyền kỳ nầy thực đã làm phát hiện ra hết vẻ sắc nhọn.

Hoặc gặp buổi trăng trong, yên ủi lòng mình nơi quán khách; lên cao rót chén rượu cúc, tưởng ông đã tự cười khi nhìn cuốn

Quân-trung-đối. Ôi ! há duy chỉ riêng có một ta đã tự cười những lời ta bình điểm mà thôi !

Năm Giáp Ngọ, tiểu xuân (tháng mười),
người tỉnh Thanh-hoa, *Nguyên Lập Đạm-Trai*
đề ở chỗ trường dạy học (An-lạc).
(Dịch nghĩa: Nghiêm Toản)

(1)- Xin xem nguyên văn chữ Hán và phiên âm của bài *Bình dẫn truyện Quân-trung-đối* nầy ở phần Phụ-lục dưới đây.
(2)- Nguyễn Du.
(3)- Nguyễn Toản (Tản), con của Nguyễn Chu-Kiều, đậu Tiến-sĩ khoa Nhâm Thìn (1832) và đang làm (1834) Lại bộ Viên-ngoại-lang.
(4)- *Đường Thần-Nghiêu* : miếu hiệu Đường Cao-tổ, tức Lý Uyên (618-626 T.L.)
(5)- *Trần Bình* : ở đất Dương-võ, làm tướng theo phò Hạng Võ. Lúc Hồng-môn hội yến thấy Hán Bái-công, biết sau nầy làm nên công nghiệp, nên không chịu bày mưu hại Hán Bái-công.
(6)- *Ngụy Vô-Tri* : tiến Trần Bình lên Hán vương dùng. Giáng Quân dèm là Bình từng ăn cắp của chị dâu và hay ăn tiền các tướng. Hán vương hỏi Vô-Tri. Vô-Tri nói: "Thần tiến là tiến người giỏi. Bệ hạ hỏi là hỏi về tính nết. Nay một người giữ chữ Tín đến như Vĩ sinh là tột bực (Vĩ sinh hẹn với tình nhân dưới cột cầu, tình nhân không đến, vừa thủy triều lên, vẫn nhất định ôm cột cầu chịu chết cho tròn chữ Tín) hỏi có ích gì cho đời?" Hán vương khen phải và vẫn tin dùng Trần Bình. Sau Trần Bình có công to, phong Hộ-dũ hầu, Bình chối, nói: "Nếu không có Vô-Tri, thần há được tiến cử lên theo giúp Vua?". Nên Vô-Tri cũng được Vua Hán ban thưởng.

Phụ chú : Sử về sau có lời khen Hán vương: "Đế hoát đạt, đại độ, thông minh, ái nhân, *tri nhân thiện dụng*... ngũ tãi nhi thành đế nghiệp"= Hoàng-đế rộng rãi, độ lượng, thông minh, có lòng nhân ái, lại biết người để dùng...(tức là không câu nệ, tùy theo sở trường, sở đoản của từng

người mà dùng cho đúng chỗ)... (nên khởi nghĩa dấy binh) chỉ năm năm mà thành được nghiệp đế vương. (V.T.T.)

(7)- *Tư-mã Tương-Như* : tự Trường-Khanh, đời Hán, hay chữ, giỏi thuốc, đàn hay, dùng đàn Cầm Tâm đàn khúc *Phụng cầu hoàng*, Trác Văn Quân nghe cảm, đêm bỏ nhà trốn theo. Tương Như còn nghèo, mở quán rượu sống qua ngày. Về sau Tương-Như muốn lấy thiếp, Văn Quân làm khúc *Bạch đầu ngâm*, Tương-Như nghe cảm, thôi không lấy thiếp nữa.

(8)- Lý Mật: người đời Tùy, gặp buổi loạn, cùng Địch Nhượng giữ Lạc-khẩu, xưng Ngụy vương, rất được lòng kẻ sĩ, xa gần hưởng ứng. Sau bị Vương Thế-Sung đánh thua, hàng Đường, được phong Quan-lộc-khanh, nhân thất vọng, lại phản Đường, bị giết.

(9)- *Từ Thế-Tích* : tức là Từ Mậu-công, một trong hàng khai quốc nguyên huân và bề tôi rường cột của ba triều vua nhà Đường (Cao-tổ, Thái-tông, Cao-tông Võ Hậu).

(10)- *Đường Nhị-lang* : tức là Tần Thúc-Bảo (Tần Quỳnh); trong Thuyết-Đường, còn gọi là Thái-bình-lang.

Lược thuật cốt chuyện (1)

(Phân đoạn theo mục lục trong bản C)

1.– **Hồi thứ Nhất** : *Đậu Tuyến-Nương thay áo lánh sang quê người* (câu 1 đến câu 40).

Về đời Tùy Đường, ở Bối-châu có Đậu Kiến-Đức, con nhà dòng dõi, là một bực anh hùng. Họ Đậu sinh một gái tên gọi Tuyến-Nương, nhan sắc đẹp và tài giỏi không ai bằng.

Mô côi mẹ, được cha nâng dắc; nhưng vì nổi tiếng đẹp, nên nàng có tên trong sổ bị tuyển vào cung Tùy đế. Không đủ vàng hối lộ để khỏi bị tiến nạp vào cung, nên Kiến-Đức phải bảo nàng cải trang, lánh sang ở tạm cùng con gái Đơn Hùng-Tín (Nhị Hiền) là Ái Liên, vì Hùng-Tín Nhị-Hiền và Kiến-Đức là bạn chí thân.

2.– **Hồi thứ hai** : *Đậu Kiến-Đức dấy quân xưng Hạ-chúa* (câu 41 đến câu 62).

Rồi Kiến-Đức dấy nghiệp xưng Hạ vương, đóng đô tại Lạc-thọ thành, lại cưới thêm một trắc thất họ Tào và phong Tuyến-Nương làm công chúa Dũng-An.

Tuyến-Nương tự luyện riêng một đội nữ binh cho mình để giúp việc chinh phạt của cha; và chưa nghĩ đến việc lập gia đình.

3.– **Hồi thứ ba : *Đánh U-châu, trên ngựa hẹn duyên lành*** (câu 63 đến câu 232).

Có sứ nhà Đường bên Tấn-dương tới ước hẹn với Kiến-Đức cùng công phá Quang Trung; nhưng Tuyến-Nương bàn với cha

rằng sợ La Nghệ ở U-châu thừa hư đánh úp, nên quyết kế dẹp yên mặt U-châu trước, rồi sau mới tính đến việc đánh Quan-trung.

Nhưng quân tiên phong của Đậu Kiến-Đức bị La Thành (con của La Nghệ) đột kích và đốt phá trại. Vừa Tuyến-Nương cùng đoàn nữ binh tiếp ứng đến nơi, Thành trông thấy, thầm khen nhan sắc của nàng. Hai người giao tranh trong hơn hai mươi hiệp ngang tay, nên cùng phục nhau vì tài và đem lòng cảm mến nhau.

La Thành muốn thử lòng nàng, bèn bắn sang một mũi tên đã vứt bỏ đầu nhọn; Tuyến-nương dơ tay đón bắt, thấy có khắc tính danh là La Thành, bèn đáp lễ lại bằng một viên đạn vàng có khắc rõ tên họ của nàng, bắn vào bông mũ La Thành.

La Thành đề nghị giải hòa, và ngỏ lời cầu hôn. Tuyến-nương nói xin chờ lệnh vua cha. Hai bên dùng tên, đạn vừa bắn nhau đó làm của tin, để đính ước, rồi cùng thâu quân. Đậu Kiến-Đức đem quân quay trở về, đi đánh Quan-trung, theo đúng chương trình đã từng hoạch định.

Thời gian trôi qua, thấm thoát đã hai năm, hai bên La Thành và Đậu Tuyến-nương đều nặng tình thương nhớ nhau, song vì giữa hai bên đang giao tranh cừu địch, cho nên khó mà liên lạc với nhau được. Vừa có sứ Quan-trung là Tề Quốc-Viễn đến mừng thọ La Nghệ, sắp ra về, La Thành sực nhớ mình có người bạn tên Tần Thúc-Bảo quen thân với Nhị Hiền (Đơn Hùng-Tín) là chỗ thâm giao với Đậu Kiến-Đức, chắc Thúc Bảo có thể nhờ Nhị Hiền giúp cho việc cầu hôn Tuyến-Nương được. La Thành liền viết một bức thư trao cho Tề Quốc-Viễn đem về đưa lại cho Tần Thúc-Bảo.

4.– **Hồi thứ tư** : *Đánh Diêm-Cương, trong trận được tin hay* (câu 233 đến câu 328).

Về phần Đậu Tuyến-Nương ngày đêm thương nhớ La Thành. Muốn cho khuây khỏa, nàng xin vua cha cho đi hành hương ở một

ngôi chùa tại núi Tây. Trên đường về, đến đồi Diêm Cương gặp một đoàn quân người Đột-Quyết, hai bên đánh nhau, nàng bắt được hai viên tướng. Tra hỏi thì một tên là Hoa Mộc-Lan, nữ cải nam trang tòng quân để thay cha ứng dịch, Tuyến-Nương cảm lòng hiếu thảo của Mộc-Lan nên cùng nhau kết nghĩa chị em; còn tên tướng kia lại là Tề Quốc-Viễn, từ Quan-trung đi mừng thọ La Nghệ về. Muốn chứng tỏ tình ngay, Tề Quốc-Viễn trình bức thư của La Thành nhờ y đưa lại cho Tần Thúc Bảo.

Tuyến-Nương xem thư mới rõ La Thành nhờ Tần Thúc Bảo, Nhị-Hiền Đơn Hùng-Tín đứng lên làm mối cho nàng và La Thành. Biết câu chuyện không thể nào thành tựu được vì hai họ đang là thù nghịch, tranh chấp nhau, hơn nữa nàng không dám đem chuyện giao ước của mình giữa trận với La Thành là tướng bên phe thù địch, mà trình lên vua cha, cho nên Tuyến-nương quyết ý hy sinh. Nàng tráo đổi thư khác, sửa lại là La Thành nhờ Thúc Bảo làm mối Ái-Liên, con của Nhị-Hiền Đơn Hùng-Tín cho mình. Nhưng trong lòng Tuyến-nương buồn khổ vô cùng, và cuộc tình duyên giữa nàng với La Thành đành hẹn lại kiếp sau vậy.

5.– **Hồi thứ năm** : *Đậu Kiến-Đức, một trận bị bắt ở Hổ-Lao* (câu 329 đến câu 351).

Sau đó, Đậu Kiến-Đức xuất binh Tây chinh, tiến về ải Hổ-lao; vừa qua Ngưu-khẩu bỗng bị quân Đường đánh úp. Lỡ cơ thất trận, tình hình không cách nào cứu vãn được; muốn cho quân sĩ mình khỏi bị tàn sát, Đậu Kiến-Đức ra hàng và bị bắt nhốt vào xe tù.

Được tin chồng bị bắt, Tào phi dặn dò mọi việc lại với Tuyến-Nương, rồi uống thuốc độc tự tử để khỏi bị nhục về sau.

6.– **Hồi thứ Sáu** : *Đậu Tuyến-nương một mình vào lạy trước sân rồng* (câu 352 đến câu 472):

Đậu Tuyến-Nương giải tán đội nữ binh và cùng Mộc-Lan vào bệ kiến vua Đường, để xin chịu chết thế cho cha. Vua Đường ngợi khen lòng hiếu thảo của Tuyến-Nương và không những tha tội cho Đậu Kiến-Đức, mà còn muốn dùng Kiến-Đức làm phên dậu cho nhà Đường, nhưng Kiến-Đức tạ ơn và xin được đi tu. Vua Đường cũng chiều lòng và ban cho một cảnh chùa để tham thiền.

Đậu hoàng-hậu nghe chuyện, cho đòi Tuyến-Nương và Mộc-Lan vào cung xem mặt. Sau khi hỏi rõ thân thế lai lịch, hoàng-hậu nhận Tuyến-Nương làm cháu (vì cùng một họ Đậu), lại muốn giữ ở trong cung để ngày sau gây dựng cho. Tuyến-Nương lạy tạ ơn, nhưng xin được về quê cư tang trả nghĩa Tào thị. Hoàng hậu chuẩn tấu, cấp thêm cho hành lý và một trăm lạng vàng.

Tuyến-Nương ra gặp cha. Đậu Kiến-Đức dặn dò mọi việc, rồi hai cha con khóc lóc chia tay.

7.– **Hồi thứ bảy** : *Về nước cũ, cô gái hiếu trả nghĩa bà Phi hiền* (câu 473 đến câu 516):

Tuyến-Nương về Lạc-thọ, cảnh nước mất nhà tan gợi nên bao mối thương tâm hoài cảm. Nàng cư tang thủ hiếu, cùng Mộc-Lan ở một gian lều dựng lên bên cạnh mồ của Tào thị. Ngày đêm sầu khổ, hết lo nghĩ cho cha, Tuyết-Nương lại nhớ thương La Thành, không rõ việc mình đổi bức thư gửi cho Tần Thúc Bảo kết quả như thế nào? Ái-Liên và La Thành có thành đôi lứa được hay không?

8.– **Hồi thứ tám** : *Về làng cũ, chị lớn trối trăng cùng em gái* (câu 517 đến câu 608).

Mộc-Lan xin phép Tuyến-Nương về thăm nhà. Tuyến-Nương tặng một trăm lạng vàng, cấp cho hai tên nữ tỳ để theo phục dịch rồi gửi một bức thư, và chiếc tên bị bẻ mũi nhọn trên trận ngày

trước, nhờ trao lại cho La Thành. Mộc-Lan thề quyết làm đúng như lời, để đền ơn Tuyến Nương.

Về đến nhà mới hay cha mẹ đã qua đời, chỉ còn có mỗi một cô em gái là Hựu-Lan. Chưa kịp định này lên đường đem thư của Tuyến-Nương đến cho La Thành, thì bỗng có tên Man tặc đến ép duyên buộc Mộc-Lan phải làm tiểu thiếp, đe rằng nếu không thuận thì sẽ giết hết họ hàng. Cùng đường, Mộc-Lan liền giao tên và thư của Tuyến-nương lại cho Hựu-Lan nhờ thay mình, để chuyển đến tận tay La Thành cho khỏi phụ ân Tuyến-nương. Rồi Mộc-Lan gieo mình xuống giếng tự tử. Hựu Lan cho một nữ tỳ về báo tin cho Tuyến-nương hay và định ngày, cùng với tên nữ tỳ còn lại, lên đường đi U-châu để đưa thư và tên cho La Thành.

9.– **Hồi thứ Chín** : *Đưa thư tình, gái đổi bận đồ trai* (câu 609 đến câu 784):

Sau khi an táng Mộc-Lan xong, Hựu-Lan cùng tên nữ tỳ cải nam trang đi U-châu tìm La Thành. La Thành đang xót lòng chờ đợi và ngạc nhiên vì sao thư gửi nhờ Thúc-Bảo và Nhị-Hiền làm mối lại không thấy trả lời, nay cơ đồ họ Đậu bị đổ nát, không biết thân thế Tuyến-nương bây giờ ra sao, thì bỗng thấy Hựu-Lan đem tên và thư của Tuyến-Nương đến. Đọc thư thấy Tuyến-Nương xin cởi bỏ lời thề trên ngựa ngày xưa, vì hiện nay giữa La Thành và nàng, sang hèn đã khác hẳn nhau, không như trước nữa.

La Thành đau khổ, không biết tính thế nào, thì vừa La Nghệ đến chơi; sau khi hỏi rõ nguồn cơn, liền bảo với con rằng việc ấy rất dễ giải quyết. Tuyến-Nương nay là thân thích của Hoàng hậu, ắt có thể dâng biểu lên xin Hậu-cung đứng ra tác thành cho.

Khi La công đi về rồi, La Thành xem lại thư của Tuyến-Nương thấy đề "gửi nhờ Nghĩa muội đem đến", ngắm kỹ lại Hựu-Lan, thấy quả là con gái giả trai, nhan sắc xinh đẹp không kém

Tuyến-Nương, liền cật vấn và mấy phen thử thách Hựu-Lan. Trước còn kiếm thế dối quanh, cuối cùng Hựu-Lan đành phải đem sự thực trình bày. La Thành tìm cách nài ép lứa đôi, Hựu-Lan đem lời quyết liệt, lẽ chính đường ngay, và nói nàng cũng sẽ tự tận như Mộc-Lan, chớ không chịu sống mà phải mang lấy ô danh. Khiến La Thành phải nể nang, không dám coi thường, và truyền dọn phòng riêng cho nàng với tên nữ tỳ theo hầu, tiếp đãi rất kính cẩn.

10.– **Hồi thứ Mười** : *Tới viếng tang, chàng rể buộc duyên xưa* (câu 785 đến câu 940):

La Thành định về triều xin Hậu cung can thiệp, như lời La công nói. Hựu-Lan bảo nếu vào triều xin chiếu mệnh ép buộc Tuyến-Nương ngay, mà không đến thăm Tuyến-Nương trước, thì hóa ra La Thành quá "vô tình" với nàng! Sở dĩ Tuyến-Nương gửi trả tên và xin cởi bỏ lời thề xưa chỉ là để thử ý thôi. La Thành nên sang Lạc-thọ điếu tang Tào phi, gặp mặt Tuyến-Nương và xin nối lại ước cũ trước đã; chỉ khi nào nàng quyết tình phản đối thì mới dâng biểu về triều. La Thành đồng ý nghe theo.

Về phần Tuyến-Nương, được tên nữ tỳ đi theo hầu Mộc-Lan quay về báo tin, mới hay Mộc-Lan đã chết rồi, nên ngày đêm đau đớn tiếc thương. Còn Hựu-Lan, khi đến Lạc-thọ, thì vào gặp Tuyến-Nương trước, kể lại mọi sự tình đã xảy ra. Tuyến-Nương đón tiếp rất ân cần và cùng nàng kết nghĩa chị em như với Mộc-Lan ngày xưa.

Sau đó La Thành vào lễ trước linh sàng Tào thị, Tuyến-Nương bận đồ tang ra lạy trả, xong rồi lui vào nhà trong, hạ lệnh bày tiệc khoản đãi. La Thành nhờ con hầu chuyển đạt ý mình xin vẹn tròn ước cũ; nhưng Tuyến-Nương từ chối, lấy lẽ ngày nay sang hèn khác biệt, vả lại ở trên còn có Đậu Hoàng hậu chủ trương, nàng không dám tự chuyên.

11.– **Hồi thứ Mười một** : *Lạy đền rồng, cung thẩm buộc giây tơ* (câu 941 đến câu 1080):

La Thành đành phải về Trường-an, trước hết ghé thăm Tần Thúc-Bảo, lại gặp Tề Quốc-Viễn ở đấy, cùng nhắc lại chuyện xưa. Tần Thúc-Bảo đưa cho xem bức thư do Tề Quốc-Viễn trao lại, La Thành nhận nét chữ không phải của mình, mà giống nét chữ trong thư Tuyến-Nương do Hựu-Lan vừa đem đến, mới vỡ lẽ Đậu Tuyến-Nương đã chịu hy sinh quên thân mình mà vun xới cho La Thành và Ái Liên thành đôi lứa (nhưng Ái Liên đã có chồng từ trước rồi).

Hôm sau Tần Thúc-Bảo vào chầu Hậu cung. Đậu Hoàng hậu giáng chỉ đòi Tuyến-Nương về bệ kiến. Tuyến-nương ép Hựu-Lan cùng đi một lượt. Tuyến-Nương vào chầu Hoàng hậu. Hoàng hậu tán thành cuộc nhân duyên giữa La Thành, Tuyến-nương và ra lệnh định ngày thành hôn. Tuyến-Nương tâu rõ chuyện Mộc-Lan và Hựu-Lan, nhân xin cho Hựu-Lan cũng được về làm dâu họ La, một cửa với mình. Hoàng-hậu triệu Hựu-Lan vào xem mặt và hết sức ngợi khen, rồi chuẩn tấu. Sau khi cử hành xong hôn lễ, ba người, La Thành, Tuyến-Nương, Hựu-Lan, đến thăm Đậu Kiến-Đức ở chùa, rồi trở về U-châu, một nhà sum họp, đầm ấm, vui vẻ.

12.– **Hồi thứ Mười hai** : *Ải lang tạnh khói, rót rượu tế bên mồ* (câu 1081 đến câu 1130):

Về sau, La Thành được phong Tổng-quản, cầm binh đi đánh Sóc phương. Tuyến-Nương cũng ra trận giúp chồng.

Dẹp giặc xong, vợ chồng cùng Hựu-Lan về quê tế mộ Mộc-Lan, và từ đấy cả ba cùng nhau yên hưởng vinh hoa, phú quý.

(1) Phần Tóm-lược nầy, chúng tôi đã phân đoạn theo Mục-lục ghi trong bản C, và xin mạn phép dựa vào bài "Lược thuật cốt chuyện" của giáo sư

Nghiêm Toản để khai triển thêm. Các phân đoạn nầy có đoạn quá dài, có đoạn quá ngắn, chúng tôi vẫn giữ đúng như chính văn đã sao chép được của người xưa.

Quân-trung-đối

Bản đã được g.s. Nghiêm Toản
hiệu đính căn cứ theo các bản A, B, C.

Hồi thứ Nhất

Đậu Tuyến-nương thay y phục, lánh sang quê người

(Đậu Tuyến-nương dịch phục tỵ tha hương)

1. – Ngồi rồi ngẫm sự xưa nay (1),
Thực ra khuôn tạo [a]. khéo thay thợ trời.
Sanh người [b] ắt [c] có từng đôi,
Lọc lừa cân nhắc, chẳng sai tơ hào.

5. – Trước ai đã biết thế nào,
Rồi ra [d] đến lúc ghép [d] vào mới hay.
Quyển vàng lần mở [e] song mây (2),
Tùy-Đường (3) lục (4) cũ thấy đây rành rành.
Đời Tùy vừa thủa thăng [g] bình (5),

Bối-châu (6) sớm đã [h] trổi [i] sanh anh hùng.
Vốn là [i'] họ Đậu nhà dòng,
Tên là Kiến-Đức, tót [i"] trong bực thường.
Buồng đào sanh một Tuyến-nương,
Mai thua cách quý, nguyệt nhường vẻ trong (7).

Đoan trang vả có tư dung,
Chữ tài chữ sắc, dứt [k] nhòng (8) thuyền quyên (9).
Tuyết sương sớm rã [l] chồi huyên (10),
Nhà thung [m] (11) nâng dấc [n] giữ dìn một tay.
Như hoa xuân đã đến ngày,

Như hương chẳng đợi gió bay mà nồng (12).
Vua Tùy ngày mới [o] sáu cung (13),
Phi tần (14) chưa mấy má hồng thừa ân (15).
Chiếu ban mấy kẻ nội [p] thần (16),
Kén vàng, chọn ngọc, xa gần đòi nơi.

Nghe nàng tư sắc khác vời,
Kể tên đầu [q] sổ, đòi người vào cung.
Túi tham tham chẳng hay cùng,
Hoàng kim trăm lạng, ướm lòng chẳng xuôi.
Dở dang khôn nhẽ tới lui,

Nàng vâng nghiêm phụ cũng dời chân đi [r].
Dặm trường tìm đến cố tri (17),
Tên là Hùng-Tín, họ là họ Đơn.
Biểu danh (18) tên chữ Nhị-Hiền,
Vốn là bạn cũ kim lan (19) một nhà [s].

Buồng hương sinh t một tố nga,
Hoa sen nhường mặt, đặt là Ái-Liên (20).
Cùng nàng thế nghị (21) nên u quen,
Chị em hôm v sớm kết nguyền dan tay.
Quê người lần lữa tháng ngày,

Quang âm x (22) thấm thoắt đã đầy hai đông.

Chú thích

(1)- Từ câu 1 trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Nhất: "Đậu Tuyến-nương dịch phục tỵ tha hương" = *Đậu Tuyến-nương thay áo lánh quê người.*

(2)- *Song mây* : dịch chữ "vân song" là phòng đọc sách. Vân là một thứ cỏ thơm, lấy hoa lá nó gấp vào sách cho khỏi mọt.

(3)- *Tùy Đường* : tên hai triều đại Trung Hoa; nhà Tùy (581-617 sau C. Ng.) và nhà Đường (618-907 sau C. Ng.). Tùy Đường là khoảng cuối nhà Tùy, đầu nhà Đường (bắt đầu thế kỉ thứ VII).

(4)- *Lục* : sao chép; biên chép; sách vở.

(5)- *Thăng bình* : cũng như "thái bình", nghĩa là rất yên ổn. Nếu dùng chữ "thừa bình" thì có nghĩa là cảnh yên ổn, có trật tự nối tiếp nhau.

(6)- *Bối-châu* : đặt ra từ đời Bắc Chu; đời Tùy Đường đổi làm quận Thanh-hà (hiện nay là huyện Thanh-hà, thuộc tỉnh Trực-lệ).

(7)- Câu 14 nầy làm cho ta liên tưởng tới câu: "Mai cốt cách tuyết tinh thần" (câu 17) và câu "Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da" (câu22) trong *Đoạn-trường Tân-thanh* của Nguyễn Du.

(8)- *Dứt nhòng* : "Nhòng" là chữ xưa, nghĩa là loài, giống. "Dứt" là dứt, hết.

(9)- *Thuyền quyên* : nói người con gái, đàn bà đẹp đẽ dễ thương. *Dứt nhòng thuyền quyên* là ý nói trong hàng đàn bà đẹp, hết hẳn không ai có

được sắc, tài như vậy. Hai câu 15 và 16 nầy, cụ Tử Bình (tên hiệu của cụ Võ Hoành) đề nghị sửa là:

Cung tên nức tiếng má hồng,
Chữ tài, chữ sắc, anh hùng thiền quyên.

(10)- *Rã chồi huyên* : "Rã" là rời ra, tan ra, rớt ra từng mảnh một. *Rã chồi huyên* là nói mẹ chết.

Phụ chú : *Huyên* chỉ người mẹ. *Huyên* là tên một loại cỏ, theo người xưa, có tính chất làm giải được ưu phiền (như người mẹ hay an ủi con). *Kinh Thi* có câu : "Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối" nghĩa là: Ước được cây cỏ huyên, để bảo đem trồng nó ở đằng sau (nhà). "Nhà sau" hướng về phía Bắc là nơi ở của phụ nữ, của mẹ, do đó gọi mẹ là "*nhà huyên*" hay "*huyên đường*". *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "*Nhà huyên* chợt tỉnh hỏi: "Con có gì?" (câu 224) (V.T.T.)

(11)- *Nhà thung* : chính là chữ "*xuân*" mà người ta thường viết nhầm ra; trỏ cha.

Phụ chú về chữ "thung" : Theo *Trang sử* : Thời thượng cổ có giống cây gọi là "*đại xuân*", cứ 8.000 năm là một mùa xuân, 8.000 năm là một mùa thu. Người sau nhân gọi cha là "*xuân*" hay "*xuân đường*" (nhà xuân) là có ý mong cha được tuổi thọ như cây ấy. Chữ Hán hai chữ "*xuân*" và "*thung*" viết chỉ khác nhau có một nét nhỏ, nên hai chữ "*xuân*" và "*thung*" thường đọc và dùng lẫn lộn nhau. *Đoạn trường Tân Thanh* có câu: "*Xuân đường* kíp gọi sinh về hộ tang" (câu 534). (V.T.T.)

(12)- Hai câu 19, 20 nầy, Đạm Trai phê là: "Dấm sẵn một ngòi bút để dẫn tới hồi sau cho công tử La nghe tiếng".

(13)- *Ngày mới sáu cung* : ngày mới lập ra, đặt ra 6 cung.

(14)- *Phi tần* : những vợ thứ của vua.

(15)- *Thừa ân* : chịu ơn, nhận ơn,. Được vua yêu.

(16)- *Nội thần* : quan hầu ở trong cung vua; cũng gọi là nội giám, nội thị, hoạn quan.

(17)- *Cố tri* : người quen cũ.

(18)- *Biểu danh* : cũng như "biểu tự", tức là tên chữ. Đời xưa, "*danh*" là tên chính; "*tự*" là tên nêu rõ đức của mình ra.

(19)- *Kim lan* : bạn thân quý.

Câu 34 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Xưa từng cung mã bút nghiên một nhà.

(20)- Câu 36 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Mặt dường sen nở, tên là Ái Liên.

Đạm Trai phê: "Đem ra hai chữ Ái Liên, dấm sẵn một ngòi bút, để dự bị việc Tuyến-nương sửa thư ở hồi dưới".

(21)- *Thế nghị* : bạn chơi với nhau hết đời nầy sang đời khác.

(22)- *Quang âm* : áng sáng và bóng tối; nghĩa là ngày giờ (hết sáng rồi tối; hết tối rồi sáng).

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *a)* C: khuôn đúc. – *b)* A,B: sanh ra.– *c)* A,B: đã.– *d)* C: rồi sau.– *đ)* B: khép.– *e)* C: mở trước.– *g)* C: thừa bình.– *h)* A,B: Ở Ô-châu mấy (mới).– *i)* A: đĩnh; B: dõi.– *i')* C: họ là.– *i")* A: khác; B: suốt (tột).– *k)* C: rất.– *l)* A: đã; B: đỗ.– *m)* A,B: thông.– *n)* A: dức; C: dắt.– *o)* A: ngày kén.– *p)* A,B: lão.– *q)* A,B: vào.– *r)* A,B đều có 4 câu 27, 28, 29, 30 nầy; trong bản C rút lại, chỉ có hai câu:

Dùng bài hối hóa chẳng xong;
Lánh mình ông với cùng nàng ra đi.

– *s)* Trong bản C, câu 32, 33, 34 chép là:

Có người họ Thiện vốn thì bạn quen;
Biểu danh tên gọi Nhị-Hiền;
Cùng làng hồ hải anh em một nhà".

– *t)* C: có.– *u)* A,B: đã.– *v)* A,B: khuya.– *x)* A,B: thoi đưa.

Hồi thứ Nhì

Đậu Kiến-Đức dấy quân, xưng là Hạ chúa

(Đậu Kiến Đức khởi binh xưng Hạ chúa)

Chợt đâu binh lửa đùng đùng (23),
Đậu-công thoắt [y] đã động lòng bốn phương (24).
Gươm thiêng, cờ nghĩa mở mang,
Hà gian (25) mấy quận binh lương đều về [z].

Điềm trời nhân [aa] được ngọc Khuê (25'),
Dựng thành [ab] Lạc-thọ, chính vì Hạ-vương.
Dao loan (26) mới nối [ac] khúc Hoàng [ad],
Hiền-phi [ad] Tào-thị giữ giàng việc trong (27).
Định trăm quan, đặt sáu cung [ae],

Dũng-An (28) Công-chúa sắc phong cho nàng [ag].
Lầu son ngày dệt thoi vàng [ah],
Tuổi đà đôi chín [ai], sắc nhường một hai [ak] (29).
Thuyền quyên [al] lại đủ mọi tài,
Nghề nhà cung ngựa [am], gấp người mười phân (30).

Năm trăm luyện tập nữ quân,
Từng theo đánh dẹp, cõi gần phương xa (31).
Bông đào [an] rờ rỡ vẻ [ao] hoa,
Lòng trên hằng ước nghi gia duyên lành.
Báu Tề ngọc Triệu còn dành, (31')

60. – Mũi tên ap bắn lọt tước bình chưa ai (32).
Những là cân sắc, cân tài (32'),
Những là (33) binh giáp việc ngoài ngổn ngang.

Chú thích

(23)- Từ câu 41 trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Hai: "Đậu Kiến-Đức khởi binh xưng Hạ Chúa" = *Đậu Kiến-Đức dấy quân, xưng là vua Hạ.*
(24)- Câu 42 khiến ta nhớ đến câu: "Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương" trong *Đoạn-trường Tân-thanh* (câu 2214).
(25)- *Hà-gian* : tên huyện; đời Tùy dùng làm trị sở quận Hà-gian (thuộc tỉnh Trực-lệ).
(25')- *Ngọc Khuê* : Theo sử, có người dâng lên Đậu Kiến-Đúc một chiếc ngọc khuê màu huyền. Thuộc-quan Khổng Đức-Thiệu thưa: " Thủa trước vua Vũ nhà Hạ chịu sách mệnh của Trời (để cai trị muôn dân), Trời ban cho ngọc khuê màu huyền. Nay điềm lành cùng với vua Vũ giống nhau, vậy nên xưng nước ta là Hạ". Đậu Kiến Đức nghe theo, và tự xưng là Hạ vương. (Nghiêm Toản, *Luận Đàm*, Bộ II, số 4-5, Saigon, 1961, tr. 82).
(26)- *Dao loan* : do chữ Hán "*loan giao*", một thứ keo để gắn phím đàn, người ta thường dùng điển ấy để nói về tình xưa nghĩa cũ đã bị gián đoạn đi mà nay nối lại được. (Theo lời chú trong truyện Kiều của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo).
(27)- Hai câu 47,48 nầy, Đạm Trai phê: "Đem ra việc Tào-phi, dấm sẵn một ngòi bút, để dự bị việc Tuyến-nương để tang giữ mộ ở hồi dưới".
(28)- *Dũng-an* : Đạm Trai phê: "Phong tên hiệu thực lạ lùng; có chữ "nam" dưới chữ "*dũng*", có chữ "nữ" dưới chữ "*an*", cốt để ở phần hạ văn sau nầy, giữa trai và gái xảy ra thêm nhiều truyện".
(29)- *Sắc nhường một hai* : sắc đẹp nhường như là: một nhìn nghiêng thành, hai nhìn nghiêng nước. Nếu theo bản C mà chép: "Sắc càng họa hai" thì ta nên hiểu là: "Sắc càng đẹp, họa may ra mới có hai người như thế"; nghĩa là ít khi có, hiếm có.

(30)- Hai câu 53, 54 nầy, cụ Tử-Bình đề nghị sửa là:

Lại thêm cung mã mọi tài,
Bắn xa trăm thước, gấp người mười phân.

(31)- Hai câu 55, 56 nầy, Đạm-Trai phê: "Nhà Đường có quân nương-tử, nhà Hạ có quân con gái, đủ biết đàn bà không phải không dũng cảm, giỏi việc giao tranh. Thơ Đỗ Phủ có câu: "Đàn bà tại trong quân, sợ khí thế không lên". Nay trong quân Hạ-chúa đời Tùy, có phụ nữ mà khí mạnh càng tăng, thực là điều lạ!"

(31')- Câu 57 "*Báu Tề, ngọc Triệu còn dành* " ý nói: những người tài giỏi nước Tề, những kẻ giàu có nước Triệu muốn cưới nhưng nhà gái chưa quyết định ưng thuận, còn để dành đó. 1) Nguyên chữ "*báu*" lấy theo câu: "Sở quốc vô dĩ vi bửu, duy dĩ thiện nhân vi bửu" (Nước Sở không có gì quí báu, chỉ lấy người tài giỏi làm của quí báu), về sau nói rộng ra, dùng chữ "*báu nước*" để chỉ *người tài giỏi*, chẳng hạn như ở Hoa Tiên có câu " Rẩy run báu nước, hương trời sánh nhau" (để chỉ trai tài, gái sắc được may mắn gặp nhau). 2) Còn chữ "*ngọc*" lấy theo câu ở *Cổ Nhạc Phủ* : "Hoàng kim vi quân môn, bạch ngọc vi quân đường" (Lấy vàng làm cửa, lấy ngọc làm nhà), về sau nói rộng ra, dùng chữ "*ngọc đường*" chỉ *nhà phú quí*. Trong *Đoạn Trường Tân Thanh* có câu: "Ấy ai hẹn ngọc thề vàng, Bây giờ kim mã ngọc đường với ai?" (câu 2869, 2870). (V.T.T.)

(32)- *Tước bình* : Truyện Đậu-Hậu (Đường thư) chép: "Cha sinh ra Hậu, tên Đậu Nghị, thường nói: "Đứa con gái nầy có tướng lạ, vả kiến thức kẻ thường không sánh kịp, há nên cẩu thả, đem gả cho người". Nhân vẽ hình hai con khổng tước (con công) trên bức bình phong, mời những người đến cầu hôn bắn hai mũi tên, trong khi Đậu Nghị khấn thầm: "Ai bắn trúng mắt công sẽ gả". Hơn mười người tới bắn đều không hợp cách. Sau rốt Lý Uyên đến, bắn mỗi phát trúng một mắt khổng tước, vì thế Hậu sánh duyên cùng Lý Uyên tức về sau là Lý Cao-tổ "- Nay dùng điển *bắn lọt tước bình* để trỏ việc kén rể, gả con. Khổng tước thuộc loại phượng, tức là con công; người sau nói "bắn sẻ" là lầm, tỉ dụ như trong câu *Cung oán ngâm khúc* : "Làng cung kiếm rắp ranh bắn sẻ".

Hai câu 59, 60 nầy, Đạm Trai phê: "Sớm dấm sẵn một ngòi bút, để dự bị việc bắn tên ở hồi dưới tại U châu."
(32')- Câu 61 nầy khiến ta nhớ tới câu: "Đắn đo cân sắc cân tài" trong *Đoạn-trường Tân-thanh* (câu 639).
(33)- *Những là* : chỉ những, chỉ lo bận rộn về việc... (theo lời chú của cụ Tử-Bình).

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *y)* B: trót; C: thốt.– *z)* Hai câu 43, 44 nầy, trong hai bản A,B chép thành bốn câu như sau:

Đất bằng một (B: nổi) tiếng sấm vang;
Đòi nơi đất lở khói tan ù ù !
Một tay gây dựng cơ đồ;
Hà Nam, Hà Bắc mấy chu (châu) đều về".

– *aa)* A,B: điềm lành có.– *ab)* B: dựng nên Nhạc-thọ.– *ac)* B: mới nỗi (nổi ?).– *ad)* A: vàng.– *ađ)* A,B: trắc phòng.– *ae)* A,B: nàng thì khuya sớm màn nhung.– *ag)* A: rõ ràng; B: rỡ ràng.– *ah)* A,B: cảnh xuân một đóa hải đường.– *ai)* A: đôi tám.– *ak)* C: sắc càng họa hai.– *al)* A,B: nghề nhà.– *am)* A: kiếm trường nỏ cứng; B: kiếm trường cung đoản.– *an)* A,B: yêu đào.– *ao)* A,B: nở.– *ap)* C: tên cung.

Đánh U-châu, trên ngựa hẹn duyên lành

(Công U-châu, mã thượng đính lương nhân)

Chợt tin có [aq] sứ Tấn-dương (34),
Quan-trung [ar] (35) cùng ước hai đường tiến binh.

Dưới cờ [as] bàn chước Tây chinh,
Dạy nàng cũng phải lấy binh tùy tòng.
Gửi rằng [as]: "Nay đánh Quan-trung,
Ắt là tướng mạnh binh ròng (36) [at] viện đi (37).
U-châu (38) giáp cõi Bắc thùy (39),

La-công giữ đấy chưa về mệnh [au] ta (40).
Nữa khi ngự giá phương xa,
Còn e mặt ấy ắt là thừa hư (41).
Lộ trình (42) kể nhị tuần dư,
Ngoài chưa hẳn định lại chờ [av] (43) giữ trong.

Chẳng bằng đánh trước La-công,
Dẹp yên rồi tiến Quan-trung cũng vừa."
Nghe lời tính lọt binh cơ,
Tức thì xuống [ax] lịnh trỏ cờ [ay] Bắc chinh.
Ruổi xông vừa tới Châu-thành [az].

Tiền phong mấy đội chia doanh [ba] lập đồn.
Chiêng vàng đã gác đầu non,
Trung quân Hạ-chúa hãy còn ở xa.
Đồng hồ vừa quá canh ba,
Trên thành nghe tiếng thanh la mấy hồi.

Tư bề hỏa pháo dậy [bb] trời,
Doanh kia trại nọ bời bời [bc] bay tro (44).
Giữa trời sát khí (45) mù mù,
Thiếu niên một tướng, ngựa ô giáp vàng.
Dọc ngang [bd] một cán thần thương,

Ra đâu giết [bd'] đấy đã quang như tờ [bd].
Phương Đông vừa sáng mờ mờ [be],
Nữ quân một đội kéo [bg] cờ mới [bh] lên .
Dưới cờ Công-chúa đương tiên (46),
Tuyết đông lưỡi kích, ráng [bh'] xuyên áo hồng (47).

Gió đưa [bi] sang sảng loa đồng,
Nghe nhường lanh lảnh trên không tiếng thiều (48).
"Viên nào sao được lung lao? (49)
Nghĩ mình tay [bk] chấu sức [bl] nào chống xe [bl']." (50)
Nhác trông gai ốc sởn ghê,

Sao tư sắc (51) ấy mà uy phong (52) nầy? (53)
Lạ lùng con mắt xưa nay,
Người nầy mà bỗng [bm] gặp đây chẳng ngờ (54).
Nghĩ ra mới nhớ ngày xưa,
Nghe đồn rằng Đậu tiểu-thư khác thường [bn].

Dũng-an Công-chúa Tuyến-nương,
Tài trời, sắc nước, hai đường gồm hai [bo].
Hẳn âu người ấy chẳng sai,
Chữ dung đã vậy chữ tài thực chăng?
Trước quân [bp] ra ngựa [bq] đáp rằng:

" La Thành tiếng cả đã lừng U-châu (55)
Dưới đời [br] đâu chẳng biết ru,
Sức chi [bs] mà dám tranh đua cõi nầy?"
Dứt lời trống trận giục ngay,
Bên giăng Nhất tự, (56) bên bày Ngô công, (57)

Bên thời một cán Thanh long,
Bên thời song kích vẫy vùng dọc ngang.
Ruổi rong ra trước chiến trường, (58)
Bên nàng ngựa bạch, bên chàng ngựa ô. (59)
Thốt như rồng cuốn ù ù,

Thốt như chim liệng tuyệt mù xa xa [bt].
Hai mươi hồi-hợp [bu] vào ra,
Đọ tài ai kém ai là bao lăm.
Đấy trông đây cũng khen thầm,
Đây trông đấy cũng khó nhầm [bv] được nhau. (60)

Tàn hồng [bx] (61) đã dựng đỉnh đầu,
Trận quân kể mấy giờ lâu chưa dời. (62)
Trên yên tài đã biết tài,
Dưới cờ người lại trông người mà mê.
Dừng quân ra [by] hiệu trống kỳ,

Trêu ngươi [bz] hầu lấy chước gì cho nên.
Cầm cung chàng bẻ mày [ca] tên, (63)
Trương [cb] cung mới bắn thử xem ướm lòng [cc]. (64)
Bên tai thoảng tiếng [cd] giây cung,
Tên kia đã bắt vào trong tay nàng,

Nhìn xem thấy chữ [cd] rõ ràng,
La Thành tên họ nét vàng chưa phai. (65)
" Tên nầy há phải bắn chơi ?
Mày tên sao lại [ce] kiêng [cg] người bẻ đi ?
Chừng trong trăm bước xa gì,

Biết lòng mà lại để chi bận [ch] lòng!"
Vén tay mới ráng cánh [ci] cung,
Đè chừng đỉnh mũ trong [ck] vòng bắn sang [cl].
Chóp [cm] vàng cất lấy [cn] đạn vàng,
Nhặt xem thấy chữ Tuyến-nương rành rành.

Trên tay hạt ngọc liên thành, (66)
Đạn nầy ắt cũng có tình chẳng không. (67)
Tiện đây chẳng chút cạn [co] lòng,
Người nầy hầu [cp] dễ tương phùng mấy phen. (68)
Thừa cơ mới tiến [cq] dần lên,

Rằng: " Nhà ta vốn [cr] trấn biên [cs] Bắc-thùy,
Cõi ai [ct] xâm lấn chưa [cu] hề,
Chẳng hay lân quốc việc gì sang [cv] đây ?
Bốn phương quân [cx] lũy (69) còn đầy,
Tranh hành (70) chi vội cõi nầy dậu phên [cy]? (71)

Dám xin ngả giáo, dừng yên,
Cùng hòa hai nước, cho tuyền ba quân. (72)
May sao nên nghĩa Tấn Tần, (73)
Chọn ngày hương lửa hòa thân (74) dưới thành."
Thoạt nghe [cz] nàng đã lọt tình,

Lựa lời người [da], lấy ý mình đáp sang.
Thưa rằng: " Lợi hại đôi đường,
Một lời dẫn dụ nhẽ thường đã ghi [db]. (75)
Lời xưa có chữ chiến nguy, (76)
Lòng nầy há phải muốn chi tranh hành.

Chỉn nay vâng mệnh đánh thành,
Bài hòa chưa dám [db'] một mình quyết nên.
Dù khi [dc] cuốn giáp cởi yên,
Thế nào thời cũng tại trên Phụ-hoàng. "
Nghe lời như gợi [dd] gan vàng,

Tìm lời căn vặn nói sang quyết tình.
" Đã rằng chẳng muốn binh tranh, (77)
Một lời hổ có chứng minh hai vừng [dđ]. " (78)
Nàng nghe chưa kịp nói năng [de],
Đoái trông quân tiếp sau lưng [dg] đã gần.

Một hồi trống giục thu quân,
Vừng ô lãng đãng [dh] đã vần sang [di] Tây.
Chàng rằng: " Vội ruổi chia [dk] tay,
Vật chi để mấy lời nầy làm ghi ? "
Thưa rằng: " Nào biết lấy gì ?

Đạn vàng ở [dl] đấy, đây thì đã tên. " (79)
Chàng còn thề thốt [dm] cẩn quyền, (80)
Một lời bái biệt (81), muôn nghìn ái ân.
Dặm trường nàng đã thu [dn] quân,
Trông theo [do] chàng hãy [dp] tần ngần như ngây.

Ngọn cờ phơi phới gió lay,
Dưới cờ chân ngựa cát bay mịt mù [dq].
Thẳm chừng [dr] (82) mới giở ngựa ô,
Mấy hồi trống giục [ds] quân thu về thành.
Nàng thì về tới quân doanh, (83)

Dưới màn [dt] mới gửi quân tình (84) vân vi. (85)
Dạy rằng: " Ta vốn đã nghe,
La Thành tên ấy khéo [du] nghề dụng binh;
Quân ta đã đột tiên thanh, (86)
Chẳng nên lâu đóng cửa thành làm chi [dv];

Âu là ta trở quân về,
Tây chinh (87) ta quyết một bề cho xong.
Tới khi đã được [dx] Quan-trung,
Thời U-châu [dy] đã ở trong tay rồi ".
Quân trung mới phát hỏa bài, (88)

Truyền cho các đạo trong ngoài hồi binh [dz].
Cho hay một đoạn chung tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong [đa]. (89)
Dưới thành đã giãn việc nhung [đb], (90)
La Thành luống hãy bên lòng ngổn ngang.

Người đâu tài sắc mọi đường,
May đâu trong áng (91) chiến trường gặp nhau.
Giao tranh ra mặt địch cừu, (92)
Giáp binh chưa dễ bắt cầu sông Ngân.
Trăm năm đành cậy xoay vần,

Việt Hồ (93) đã vậy , Tấn Tần (94) còn sai.
Bạn ta xảy nhớ, một người,
Có Tần Thúc-Bảo quen nơi Nhị-Hiền.
Nhị Hiền từ thủa thanh niên,
Vốn cùng Hạ-chúa (95) kết nguyền giao ca.

Việc nầy như giúp cho ta,
Thì hai người ấy hoặc là nên chăng. (96)
Bằng nay binh lửa tưng bừng,
Xa xôi ai kẻ trông chừng trao tin.
Tháng ngày thấm thoắt như tên,

Hai thu lòng những tấc nguyền (97) trông mong.
May vừa có sứ Quan-trung,
Mới sang hạ thọ (98) La-công chưa về.
Nguyên người sứ ấy họ Tề,
Với Tần Thúc-Bảo vốn thì bạn quen.

Lòng mừng nay được thông tin,
Hay đâu chẳng bởi thiên duyên xoay vần.
Vội vàng sai đón hành nhân, (99)
Phong thư một bức ân cần (100) trao tay.
Rằng: " Phiền đưa bức thư nầy,

230.– Nên chăng thì cũng kíp chầy báo tin."
Hành nhân chịu lấy vân tiên, (101)
232.– Dặn dò chàng hãy cần quyền (102) một hai đc.

Chú thích

(34)- Từ câu 63 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ ba: "Công U-châu, mã thượng đính lương nhân" = *Đánh U-châu, trên ngựa hẹn duyên lành.*

Tấn-dương : nay là huyện Thái-nguyên, tỉnh Sơn-tây; nơi khởi nghĩa của Đường Cao-tổ.

(35)- *Quan-trung* : nay là phần đất tỉnh Thiểm-tây, ở khoảng giữa 4 cửa ải: Đông: Hàm-cốc; Tây: Tản-quan; Bắc: Tiêu-quan; Nam: Vũ-quan. (Theo Từ Quảng).

(36)- *Binh ròng* : ròng nghĩa là nguyên chất, không pha trộn thứ khác. Binh ròng là quân chính quy, đã luyện tập, không lẫn lộn người ngoài (theo lời chú của cụ Tử Bình).

(37)- *Viện đi* : cụ Tử Bình đề nghị sửa là: *theo đi.*

(38)- *U-châu* : châu U thuộc phía đông bắc tỉnh Trực-lệ và phía tây bắc tỉnh Phụng-thiên bây giờ (tức là gồm một phần đất tỉnh Hà Bắc và cả tỉnh Liêu-ninh ngày nay).

(39)- *Bắc-thùy* : ven cõi phía Bắc.

(40)- *Chưa về mệnh ta* : chưa thần phục ta; chưa chịu theo mệnh lệnh của ta.

(41)- *Thừa hư* : nhân lúc người ta vô tình, không để ý; *hai câu 71, 72 nầy*, Đạm Trai phê: " Lúc nầy Tuyến-nương lo U-châu La Thành thừa hư đánh Lạc-thọ thành, về sau La Thành biết "lấy lợi ở sự đánh nhanh", việc binh như thế là gặp tay đối đầu ngang sức".

(42)- *Lộ-trình* : đường mình theo mà đi.

(43)- *Chờ* : lo giữ bên trong, đề phòng, đợi kẻ địch tới mà đón đánh, không chịu để cho kẻ địch thừa hư.
Bản C chép là "*trừ*", cụ Tử Bình cắt nghĩa là "bỏ" việc dìn giữ mặt trong.

(44)- Hai câu 85, 86 nầy, Đạm Trai phê: " Chú rể ban đêm chợt đến, tin tức thanh thế cực lớn!".

(45)- *Sát khí* : cái khí âm u, sầu thảm, chém giết của chiến tranh.

(46)- Về hai câu 92, 93 nầy, Đạm Trai phê: " Năm trăm quân son phấn khiến cho hồn công tử tiêu tan. Khách má hồng ra khỏi cửa ắt che mặt ra vẻ e thẹn ngượng ngùng, vậy mà khi lâm trận thì hăng hái dấn thân đi trước, thách thức giao tranh, con gái như vậy, gây một tiếng cười cho duyệt giả". (dịch thoát theo bản C).

(47)- Lưỡi kích sáng, trắng như tuyết đọng lại; áo hồng như pha sắc mây vàng khi có ánh mặt trời dọi vào.

(48)- *Thiều* : tên một khúc nhạc của vua Thuấn nhà Ngu. Đây trỏ tiếng nói êm ái, dịu dàng.

(49)- *Lung lao* : lung là hung dữ. Lung lao cũng như lung lăng, nghĩa là hung dữ, ngang ngược.

(50)- Về câu 97, 98 nầy, Đạm Trai phê: " Trong hôn lễ, "vấn danh" là bên nhà trai hỏi họ tên người con gái. Trong quân lễ, "vấn danh" là con gái hỏi họ tên con trai, kỳ!".

Hai câu 97, 98 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Người kia tài giỏi thế nào,
Lớn chi cánh chấu, sức nào chống xe !

(51)- *Tư sắc* : dáng dấp thùy mị và vẻ đẹp của người đàn bà.

(52)- *Uy phong* : thái độ, dáng vẻ tôn nghiêm khiến người ta kính sợ.

(53)- Về câu 99, 100 nầy, Đạm Trai phê: " Đây là vẻ đẹp như hoa khiến cho trông thấy rụng rời! chứ không phải nghe danh tiếng mà "lạnh lòng" sợ hãi."

(54)- Câu 102, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Người đâu mà bỗng gặp đây tình cờ !

(55)- *U-châu* : xem lời chú số 38.

(56)- *Nhất tự* : chữ nhất. Một lối bày trận, theo một hàng ngang, thẳng, dài, như chữ "nhất".

(57)- *Ngô công* : con rết. Một lối bày trận, cong queo như hình con rết.

Về hai câu 113, 114 nầy, Đạm Trai phê: " Trận có *vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn*, vốn theo phép Ngũ hành ảnh hưởng lẫn nhau; chữ *nhất* là

thẳng, *con rết* là ngòng ngoèo, thế là tương sinh, cho nên giữa hai người, sự hơn thua không quyết định được."

(58)- Câu 117 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Ruổi rung trong chốn chiến tràng.

(59) Về câu 118 nầy, Đạm Trai phê: " Màu *trắng* của ngựa với vẻ *trắng* của người, lấy gì để phân biệt nhau? nhưng trong con mắt của La Thành, lý ưng tự đã có sự chia ra rõ rệt."

(60)- Câu 124 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Đây trông đấy cũng khó cầm lòng nhau.

(61)- *Tàn hồng* : mặt trời.

(62)- Về hai câu 125, 126 nầy, Đạm Trai phê: " Trong trận pháp, có trận Địa-Thủy, Sư (Khảm – nước – ở dưới, Khôn – đất – ở trên, là quẻ Sư). Ở đây, *Trai trẻ* ở trong (Cấn ở dưới), *Gái trẻ* ở ngoài (Đoài ở trên), nên lập thành trận Trạch-Sơn-Hàm (vì quẻ Hàm là do Trạch – đầm, chằm ở trên – cùng với Sơn – núi ở dưới – hợp lại). Hàm có nghĩa là vợ *chồng chính đạo*, tức là lấy trận "Cọp ăn" làm quẻ "Bói phượng". Cũng hay!"

(63)- *Mày tên* : phần bằng sắt hay bằng đồng, nhọn, chắp vào đầu cái tên.

(64)- Về hai câu 131, 132, Đạm Trai phê: " Đường Cao-tổ dùng lối bắn tên làm mối (xem lời chú số 32) lấy được Đậu-hậu, La công-tử cũng dùng lối bắn tên làm mối, sau nầy lấy được Đậu Tuyến-nương. Đại để con gái nhà họ Đậu có thói quen ưa thích bắn tên, đáng tức cười."

(65)- Sau câu 136 nầy, cụ Tử Bình đề nghị thêm vào hai câu, và đổi hẳn câu 137, như sau:

Nghĩ rằng trong lúc đua tài.
Tranh hơn, ai cũng như ai trên đời.
Bắn tên cốt để hại người,"
Mày tên sao lại...

(66)- *Liên thành* : Trong *Sử-ký*, truyện Lạn Tương-Như có chép: "Đời vua Huệ-văn nước Triệu, được ngọc bích của họ Hòa nước Sở; vua Tần Chiêu-vương nghe tiếng, sai sứ đem thư cho vua Triệu, nguyện xin đem mười lăm thành đổi lấy ngọc bích", do vậy có thành ngữ *ngọc liên thành*".

(67)- Về đoạn 12 câu (135-146) nầy Đạm Trai phê: " Tư-mã Tương-Như khêu gợi Trác Văn-Quân bằng tiếng "đàn lòng", La Thành khêu gợi Tuyến-nương bằng một "mũi tên", một đàng thì tên bắt được nơi tay, một bên thì tiếng đàn rung cảm ứng lại ở trong lòng, trong khoảng đôi bên, đều có cái gì "còn lại". Hai người (La, Đậu) phô trương tài nghệ, đặt bày tô điểm, thêm một trò vui" (*dịch thoát, theo bản C*).

Đạm Trai lại phê: " Tên bỏ mày, tỏ rõ không chủ tâm ở thịt da, đạn nạm vàng tỏ rõ "có lợi cùng chung một tấm lòng", chút ý riêng tây đối lại với nhau, gợi cười cho kẻ đọc".

(68)- Về hai câu 147, 148 Đạm Trai phê: " Vừa thấy đạn đã cầu được chả chim tức khắc, La công-tử toan tính sao mau lẹ như vậy? một cười! " (*dịch thoát*).

(69)- *Quân lũy* : thành đất cao, dùng về việc binh.

(70)- *Tranh hành* : hành là cân, đồ dùng để làm cho ngang bằng nặng, nhẹ. Tranh hành là giành giựt lấy cái thế nặng nhẹ, hơn thua.

(71)- *Dậu phên* : dịch chữ *phiên ly*, là bờ rào che ở chung quanh. Đây trỏ nước chư hầu che chở, bao bọc nước lớn.

(72)- Cụ Tử Bình phê: " Câu nầy là *khách*".

(73)- *Tấn Tần* : hai nước ở Trung Hoa, đời Xuân Thu; nhà vua hai nước ấy thường mấy đời liền kết hôn cùng nhau. Đây nói hai họ kết hôn. Về câu 157 nầy, cụ Tử Bình phê: " Câu nầy là *chủ* ".

(74)- *Hòa thân* : cùng nhau quyết định không tranh giành nhau và cùng nhau kết hôn.

(75)- Về hai câu 161, 162 Đạm Trai phê: "Xét cho cùng, La Thành chỉ cầu "thành" (lứa đôi), mà Đậu Tuyến-nương cũng khéo dẫn "sợi chỉ" tình (tình "tuyến") – Đạm Trai đã *chơi chữ* với hai chữ *Tuyến* và *Thành*.

(76)- *Chiến nguy* : đánh nhau là việc hiểm nghèo.

(77)- *Binh tranh* : giành nhau hơn kém, được thua, bằng quân đội, khí giới.

(78)- *Chứng minh hai vừng* : mặt trời, mặt trăng sáng soi suốt thấu để nhận thực cho.

(79)- Về hai câu 179,180 nầy, Đạm Trai phê: "Bên trai nạp thái (lễ đưa đồ dẫn cưới) bằng tên, bên gái hứa hôn bằng đạn vàng, dùng binh khí trong quân làm lễ vật đính hôn, kỳ !"

(80)- *Cần quyền* : tha thiết, khẩn khoản, gắn bó.
(81)- *Bái biệt* : nói lời để chia tay, rất kính cẩn.
(82)- *Thẳm chừng* : trông chừng, vời trông đã xa lắm.
(83)- *Quân doanh (dinh)* : dinh quân. Ngày xưa cứ năm trăm quân là một dinh (doanh).
(84)- *Quân tình* : tình hình việc quân; các việc xảy ra trong khi đánh nhau.
(85)- *Vân vi* : đầu đuôi câu chuyện.

Cụ Tử Bình phê: " Câu 190 nầy viết lối *tỉnh bút*, nghĩa là tóm tắt thâu gọn ngòi bút."

(86)- *Đã đột tiên thanh* : đã được tiếng trước, đã bỗng nhiên đánh trước người rồi, đã giành trước được sự tấn công bắt chợt rồi, thì phải rút lui; ở lâu lại, có nhiều nguy hiểm. Trong bản C lại chép là "*đã lụt tiên thanh*" nghĩa là thế lợi đầu tiên đã hụt, đã đuối, đã mất. Đánh người ta khi bất ngờ mà không thắng được, tất nhiên đóng quân ở lại sẽ nguy. Cũng xuôi.

Về hai câu 193, 194 nầy, Đạm Trai phê: " Cha mẹ chồng đều điếc cả! Ví khiến nữ quân cứ đóng ở dưới thành, lại càng yên! Một cười!"

(87)- *Tây chinh* : kẻ trên đem quân đi đánh kẻ dưới có tội, gọi là *chinh*. Ở đây ý nói đem quân sang đánh phía Tây.
(88)- *Hỏa bài* : bài bằng gỗ dùng để truyền lệnh quan rất cần kíp.
(89)- Trong *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Cho hay là giống hữu tình;
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong. (Câu 243, 244).

(90)- *Giãn việc nhung:* ý nói việc đánh nhau đã nới bớt, đã thưa bớt, đã lỏng lẻo bớt, không còn khẩn cấp, nghiêm nhặt như buổi đầu.

Về hai câu 203, 204 nầy, Đạm Trai phê: "Nhớ người đẹp chừ, không thể quên!"

(91)- *Áng* : nơi, chốn.
(92)- *Địch cừu* : giặc thù đối chọi với mình.

Về hai câu 207, 208 nầy, Đạm Trai phê: "Sao không sai người đi trao chiến thư, đòi cho được nữ quân ra đánh? Một cười!"

(93)- *Việt Hồ* : Việt ở phía Nam, Hồ ở phía Bắc, ý nói xa xôi, cách trở.
(94)- *Tấn Tần* : xin xem lời chú thích số 73.
(95)- *Hạ-chúa* : chúa nước Hạ, tức là Đậu Kiến-Đức.

(96)- Về mấy câu 211- 216 nầy, Đạm Trai phê: " Tần Thúc-Bảo là bề tôi nhà Đường, không đời nào có thể vì việc riêng giao thông với nước thù địch. Nếu quả chịu giao thông thực, thì còn vị Lão thần La-công ở đó, sẽ xử sự ra sao? Công-tử mê hoặc vì tình, thành ra không nghĩ đến lẽ nên chăng, thực đáng cười! Ví nếu là Đậu Tuyến-nương, ắt đã sớm hiểu lẽ ấy".

(97)- *Tấc niềm* : tấc lòng tưởng nghĩ chuyên chú vào việc gì.

(98)- *Hạ thọ* : đem lễ vật chúc tụng người ta ăn mừng sống lâu, nhiều tuổi.

(99)- *Hành nhân* : người đi sứ.

(100)- *Ân cần* : gắn bó, khẩn khoản, tình ý chu đáo.

(101)- *Vân tiên* : tờ giấy có vẽ mây để viết thư, hoặc để chép thơ.

(102)- *Cần quyền* : khẩn khoản, gắn bó.

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *aq)* A,B: thấy sứ.– *ar)* C: đất Quan.– *as)* C: dưới màn.– *as')* A,B: dặn nàng–- *at)* B: tướng dũng; A,B: binh hùng.– *au)* A,B: tay ta.– *av)* B,C: lại trừ.– *ax)* A,B: hạ lịnh.– *ay)* A: chỉ cờ; C: định kỳ.– *az)* A: hai tuần quân mới tới (B: đến) thành.– *ba)* A,B: chia binh.– *bb)* A: ngất trời.– *bc)* A,B: một hồi.– *bd)* A: đột xông; B: đột xung.– *bd')* A: lướt.– *bđ)* Trong bản C, câu 90 nầy đổi hẳn đi, rồi tiếp theo vào 10 câu như sau (rồi mới đến câu 91):

90.– Nhiên nhiên tướng mạo, đường đường uy phong.
Hạ quân phi báo đồn trung,
Bài sai các đạo đều cùng tiến lên.
Nàng rằng: " Con chuột nhỏ nhen,
Vội gì đã ráng nỏ ngàn cân chi.
Tôi tuy phận mọn nữ nhi,

Dưới màn vả dự truy tùy việc binh.
Xin đem một đội đến thành,
Thử xem giặc ấy binh tình những sao."
Biết con tài chẳng sút nào,
Lấy cờ lệnh tiễn bèn trao bấy giờ.

91.– Phương Đông vừa...

– *be)* B: lờ mờ– *bg)* A: trỏ cờ.– *bh)* C: vừa.– *bh')* A,B: sáng.– *bi)* A,B: tiếng vàng.– *bk)* B: cánh.– *bl)* B: khôn.– *bl')* B: che.– *bm)* A,B: cũng.– *bn)* A,B: đồn rằng họ Đậu, tiểu thư một nàng.– *bo)* C: hồng nhan vẫn chất lầu trang; lại thêm võ nghệ chẳng nhường tài trai.– *bp)* A,B: xe.– *bq)* A,B: mặt.– *br)* A,B: thành.– *bs)* A: gì.– *bt)* từ câu 113 đến câu 120, hai bản A,B chép như sau:

113.– Nghe lời gan nổi, ruột đầy,
Phải ra tay trước, phen nầy mấy xong.
Ầm ầm giục ngựa (B: súc mã), hoa đồng,
Như rồng cuốn nước, như hồng bay mây.
Thuyền quyên đã dám dang tay,
Ngứa (B: ngợ) con mắt mới, trang đài tướng quân.
Đùng đùng gió cuốn bụi trần,
Giọc ngang một cán thương (B: sang) thần xông pha.

– *bu)* A: hội hợp; B: hơn hiệp.– *bv)* A,B: khó nhằm.– *bx)* A,B: tàn vàng.– *by)* A: mấy; B: mới.– *bz)* A,B: trêu ai.– *ca)* A,B: mũi.– *cb)* A,B: dương.– *cc)* A,B: ướm xem thử lòng.– *cd)* A,B: thoảng tai nghe tiếng.– *cđ)* A,B: đã thấy.– *ce)* A,B: mũi kia chẳng nhẽ.– *cg)* A: kình.– *ch)* A: nợ.– *ci)* A: uốn cánh; B: ráng thần.– *ck)* A: giữa.– *cl)* B,C: ngang.– *cm)* C: chóp.– *cn)* C: khạc nảy.– *co)* A,B: bận.– *cp)* C: đã.– *cq)* A: bước; C: khoản (?).– *cr)* B: ở.– *cs)* A: bên.– *ct)* C: ngoài.– *cu)* A,B: chẳng.– *cv)* B,C: lại.– *cx)* A: doanh.– *cy)* B: trạo phiên (?).– *cz)* A,B: nghe nhời.– *da)* A,B: nhủ người vâng.– *db)* bản C đổi chữ *ghi* ghép ra chữ *minh* và không có hai câu 163, 164.– *db')* A,B: dễ.– dc) A,B: dù mà.– *dd)* C: cổi.– *dđ)* bản C, ba câu 170,171,172 nầy đổi, chép như sau:

Lận sòng nhân lấy lời nàng nguyện ngay;
Rằng: " Hòa thân ước từ nay,
Non vàng làm chứng lời nầy chẳng sai."

– *dc)* C: nàng nghe lặng chửa trả lời.– *dg)* C: đến nơi.– *dh)* lảng vảng; B: lẵng đẵng.– *di)* A: vần về; B: gần về.– *dk)* C: phân.– *dl)* A,B: đã.– *dm)* A: thề thoắt (?); B: thề thuyết.– *dn)* A: lui; B: ruổi.– *do)* A,B: chừng.– *dp)* A,B: đã.– *dq)* C: mù mù.– *dr)* A: tần ngần; B: phiên (?) chừng.– *ds)* C: cố giốc.– *dt)* A,B: dưới cờ.– *du)* C: thiện.– *dv)* C: đồn binh lâu dưới kiên thành cũng nguy.– *dx)* C: đặng.– *dy)* A: thời phên dậu; B: thì Phiên đan.– *dz)* hai câu 199, 200 nầy, bản C chép: " Trướng nhung bàn bạc đêm dài; Bừng tưng mới định khải hồi hưu binh".– *đa)* A,B: cho ra.– *đb, đc)* trong hai bản A,B không có 30 câu (203-232) nầy, và thu ngắn lại, chỉ còn có 8 câu như sau:

La Thành từ giở về nhà,
Đường kia nỗi nọ xiết là ngổn ngang.
Người sao gặp gỡ giữa đường,
Phận sao đôi ngả, Sâm Thương cách vời.
Tình sao dễ ngán (A: gắn) khôn lời (A: dời),
Vội sao chưa kịp một nhời riêng tây.
Nỗi niềm khôn gượng làm khuây,
Ngày dài năm suốt sầu đầy bể vơi.

Thu lại như thế, câu truyện không được đầy đủ rõ ràng, và không ứng với đoạn 6 câu 285-290 ở dưới; mấy câu nầy sẽ trở thành tối nghĩa. Vì vậy chúng tôi chép theo bản C.

Hồi thứ Tư

Đánh Diêm-cương trong trận được tin hay

(Chiến Diêm-cương trận trung đắc giai tín)

Tình nầy [đd] há chỉ riêng ai, (103)
Chung tình ắt cũng có người tình chung.

Nàng từ trở ngọn cờ hồng,
Ly sầu (104) một gánh chất chồng yên câu. (105)
Đeo sầu về chốn trang lâu,
Ngày chầy bóng ác, đêm thâu ngọn đèn.
Dấu tình ai để chiếc tên,

Biết bao bể hẹn non nguyền ở đây.
Nhớ người quên cả tháng ngày,
Xuân qua hạ lại đã đầy hai đông.
Chước nào khuây khỏa tấm lòng,
Sầu nầy đợi gỡ cho xong còn chầy. (106)

Có chùa nghe [dd] ở non Tây,
Thừa nhàn (107) nàng mới định [de] ngày hành hương. (108)
Dưới màn [dg] thỉnh chỉ Phụ-vương,
Một chi binh mã ruổi sang rừng thiền [dh]. (109)
Cầm thông, phách suối, mõ quyên,

Tưởng chiều bát ngát xui nên bồi hồi.
Tham thiền (110) hành lễ đã rồi [đi],
Ra về [đk] vừa tới [đl] giữa đồi Diêm-cương [đm],
Thì vừa Đột-quyết (111) binh sang,
Giáp công (112) một trận sấm vang nửa ngày. (113)

Một cơn ngói vỡ [đn] tro bay,
Hai tên tướng giặc bắt ngay trận tiền. (114)
Đem về tra hỏi họ tên,
Một tên vào trước [đo] vẻ xem khác thường.
Mảnh đào phân phất hơi sương [đp],

Mặt hoa [đq] lóng lánh dưới gương Quảng-hàn.
Khấu đầu bày tỏ [đq'] nguồn cơn:
Họ Hoa dòng bé [đr], Mộc-Lan (115) tên hèn.
Nữ nhi đâu việc [đs] cung tên,
Liều mình ra chốn trận tiền thay cha.

Lạc loài chút phận dã hoa, (116)
Muôn trông mưa tưới [đt] móc sa thế nào".
Khen rằng: " Tên họ lạ [đt'] sao!
Hoa nào hơn vẻ, lan nào đọ thanh.
Trọng vì một tấm hiếu thành,

Phòng [đu] khuê ta kết bạn lành chị em."
Truyền cho đổi áo [đv] thay xiêm,
Thị tỳ ra rước nàng lên trên nhà. (117)
Một tên sau lại hỏi tra,
Đem vào tới trước thềm hoa [đx] thoắt quỳ [đy].

Rằng là: Quốc-Viễn họ Tề,
Tôi Đường nhỏ mọn [dz] chức thì Hộ-quân. (118)
Nay thời [ea] làm kẻ [eb] hành nhân,
Sai sang hạ thọ lão thần La-công.
Lễ rồi trở lại Quan-trung,

Đường về xảy [ec] gặp giữa trong chiến trường.
Lượng trên dù chẳng [ed] xét tường, (118')
Tờ La công-tử rõ ràng còn đây." (119)
Điều đâu thốt chạm [ed] niềm tây,
Mượn điều thử [ee] lấy tờ [eg] nầy xem qua.

Dưới đèn vừa mở tờ hoa,
Nào hay trong [eh] ấy lại ra việc mình. (120)
Kể từ những thủa đánh thành,
Kể từ những thủa [ei] đinh ninh thề nguyền.
Chỉ hồng chưa kẻ dất [ek] duyên,

Vậy xin [el] Thúc-Bảo, Nhị-Hiền giúp công.
Liền tay mở mở phong phong,
Hàng hàng chữ gấm, giòng giòng hạt châu. (121)
Quan sơn chống vác [em] (122) bấy lâu,
Xa xôi ai biết còn đâu lòng nầy.

Đã diều tranh đánh bấy nay,
Hòa thân (123) ai giúp việc nầy cho nên.
Dẫu mà nhắn cậy Nhị-Hiền,
Tơ duyên [en] chưa dễ trao bên mặt thù [eo].
Tình riêng chút nỗi [ep] hẹn hò,

Dám đem làm chuyện [eq] mà thưa Phụ-hoàng. (124)
Thôi thôi ra sự quải gàng [er], (125)
Lửa hương nguyền ấy nợ chàng thân sau. (126)
Phận ta dầu [es] vậy cũng dầu, (127)
Để người chiếc bóng bên cầu (128) sao [et] yên.

Bạn ta có một Ái-Liên,
Tuổi xanh còn chửa định nguyền thất gia. (129)
Ví đem người ấy thay ta,
Bên tài bên sắc cũng là vừa đôi [eu].
Tiện đây ta đổi một lời,

Lấy người nghĩa cũ đền người tình riêng [ev].
Bút hoa bèn thảo [ex] vân [ey] tiên, (130)
Cậy [ez] Tần Thúc-Bảo đưa tin Nhị-Hiền.
Rằng: "Xin hỏi lấy Ái-Liên,
Để cùng công-tử kết duyên Tấn Tần". (131)

Thư rồi lại phó (132) hành nhân, (133)
Thêm cho ngân lạng (134) trung quân tha về.
Ai thêu ra mối tình chi ?
Dứt đi, mà lại bề bề chưa xong [ga].
Dưới đời dễ mấy anh hùng,

Trăm năm một hội tương phùng (135) dễ sao [gb] ?
Tên, cung còn dấu ước giao, (136)
Duyên ai mà lại xe vào cho ai !
Sầu trong tỏ nét ra ngoài,
Vẻ đào nhường lợt [gc], vóc mai thêm gầy. (137)

325.– Ngổn ngang tình gd nọ, nỗi nầy,
Phụ-vương nay lại định gd ngày Tây chinh. (138)
Nàng thời gd' hơi dịu dịu (139) mình,
328.– Ban cùng Tào-hậu ge lấy binh gg giữ thành.

Chú thích

(103)- Từ câu 233 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Tư: "Chiến Diêm-cương trận trung đắc giai tín" = *Đánh Diêm cương trong trận được tin hay.*

(104)- *Ly sầu* : nỗi buồn rầu thương nhớ vì chia lìa cách biệt nhau.

(105)- *Yên câu* : yên ngựa câu. Ngựa non, hai tuổi, khỏe mạnh gọi là ngựa câu.

(106)- *Đoạn -trường Tân-thanh* có câu:

Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy" (câu 544).

Đạm Trai phê: "Nhớ công tử chừ, không dám nói ra lời".

(107)- *Thừa nhàn* : nhân lúc thong thả.

(108)- *Hành hương* : đi lễ chùa.

Về hai câu 245, 246 nầy, Đạm Trai phê: "Giá ngôn xuất du, dĩ tả ngã ưu" = nói rằng ra đi chơi, để gạt bỏ nỗi ta lo buồn. (Đạm Trai đã trích ra đây câu cuối thiên *Tuyền thủy* thứ 14, trong 19 thiên thơ *Bội, Quốc phong*).

(109)- Về hai câu 247 248 nầy, Đạm Trai phê: "Khổ vì tình! Phật hay cứu khổ, nên không thể không đem mối tình ra giải bày với Phật, nghĩ Đậu Tuyến-nương thực cũng đáng thương."

(110)- *Tham thiền* : vào hầu các vị đạo cao, đức trọng để học về đạo Phật. Cũng có nghĩa là học theo phép thiền định, tức là phép *yên lặng, chuyên nhất tư tưởng.*

(111)- *Đột quyết* : giống người ở các sa mạc phía Bắc Á-châu (đời Tùy Đường), sau khi bị Hồi-Hột tiêu diệt, dư chúng rời sang ở Trung Á, Tây Á; đến sau vào Tiểu Á-tế-á. Dưới triều Minh, diệt Đông La Mã, dựng nên nước Thổ-nhĩ-kỳ.

(112)- *Giáp công* : hai bên quân địch ráp gần nhau mà đánh nhau.
(113)- Về hai câu 253, 254 nầy, Đạm Trai phê: " Lần trước, vì *đánh* mà được tên của Công-tử, lần nầy, vì *đánh* mà được thư của Công tử; đại để Đậu-nương *lợi ở đánh* ! Một cười!"
(114)- Đạm Trai phê: " Chớ có nhận lầm! Hai vị băng nhân đã tới!"
(115)- *Hoa Mộc-Lan* : tên một người con gái đời xưa. Gặp lúc động viên, cha nàng có tên trong sổ trưng binh. Vì cha đã già, nàng cải trang, đi theo việc quân, sau 12 năm trời, trở về, người ta mới biết nàng là con gái. Nàng ở thời đại nào, có rất nhiều giả thuyết: Diêu Oánh thì nói nàng ở về thời Hiếu Văn, Tuyên Võ nhà Bắc Ngụy; Tống Tường-Phượng thì nói nàng ở vào thời Tùy Cung-đế; Trình Đại-Xương thì nói nếu nàng không ở về đời Tùy thì ắt ở đời Đường. Quê hương của nàng các sách chép cũng không giống nhau. Ngay đến họ nàng, sách thì chép họ Ngụy, sách thì chép họ Châu, ở đây chép họ Hoa là theo Từ-thanh-viên truyền-kỳ của Từ Vị.
(116)- *Dã hoa* : bông hoa ở ngoài nội; lời nói khiêm nhường, Cung-oán ngâm-khúc có câu :" Lan mấy đóa lạc loài sơn dã" (câu 181).
(117)- Về đoạn mấy câu 259-272 nầy, Đạm Trai phê: "Trong quân một phen gặp gỡ, chợt bỗng cách xa, thì chuyến đi của hai người (Tề, Hoa) cũng chưa biết sẽ ra thế nào? Ví bằng không gặp Tề hành-nhân, ắt mối tình gắn bó của La Công-tử không thể tự dưng đến được với Đậu công-chúa. Mà nếu không được Hoa Mộc-Lan thì ngày sau thư tình ở Lạc-thọ cũng không có đường lối nào truyền tới phương Bắc; đủ biết hai kẻ bị bắt, bị tra hỏi, tức là hai người làm mối; song ông bà mối lại xuất hiện ở đám tù binh. Ấy bởi con Tạo vốn trớ trêu, đồng thời con Tạo cũng "*nên việc*" cho người, và đây là một đoạn văn làm "*sáng mắt*" người xem, lại cũng là đoạn văn "thay đổi xương cốt" cực kỳ huyền diệu!"
(118)- *Hộ-quân* : chức quan võ đời Tùy. Ở các vệ, hộ quân tức là phó tướng; sau đổi là Hổ-bôn lang-tướng. Đời Đường dùng hiệu Hộ-quân để thưởng những người có công trạng nhưng không giữ chức vụ gì trong quân.
(118')- Về câu 281 nầy, cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Lượng trên dù muốn xét tường.

(119)- Đạm Trai phê: " Hà tất phải trình thư ? Sao không xuất trình công văn nhận thực ông là sứ nhà Đường; hay sao ông không tự chứng minh bằng cách làm luôn một bài thư *Mừng thọ* ? Một cười!
(120)- Đạm Trai phê: " Lý Thần-tông mỗi khi tướng sĩ thắng trận lại cho là nhờ Phật. Đậu-nương lúc nầy ắt cũng cho rằng ở Diêm-cương chiến thắng là nhờ phép Phật độ trì."
(121)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu." (câu 1316)

(122)- *Quan san chống vác* : quan là cửa ải; san là núi; chống vác là chống đỡ gánh vác. Ý nói gánh vác giữ gìn đất nước, chống với kẻ thù.
(123)- *Hoà thân* : xin xem lời chú số 74.

Về hai câu 293, 294 Đạm Trai phê: "Lời nói tâm phúc chân thành" (lời nói chân thực tự đáy lòng phát ra).

Về hai câu 295, 296 Đạm Trai phê: " Trông thấy lẽ phải cực rõ."

(124)- Hai câu 299, 300 cụ Tử Bình đề nghị sửa là:

Tình riêng để lỗi hẹn hò,
Dám đem truyện trẻ bày cho Phụ-hoàng.

(125)- *Quải gàng* : cũng viết như *gàn quải*, nghĩa là ngăn trở, ngang trái, *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu: "Ông tơ gàn quải chi nhau" (câu 549).
(126)- Về mấy câu 297-300, Đạm Trai phê: " Con gái đã chung tình với ai thì dù là người chí thân cũng không chịu đem việc thực ra giải bày; cho nên ít khi được thỏa dạ ước mong, mà bệnh tình thành ra không thuốc chữa. Chẳng riêng gì Tuyến-nương như vậy, xưa nay những kẻ lâm vào cảnh ấy không sao kể xiết, bậc làm cha mẹ không nên không biết rõ để mà đề phòng".
(127)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu: "Phận dầu, dầu vậy cũng dầu " (câu 697).
(128)- *Chiếc bóng bên cầu* : Lấy ở điển Vĩ-sinh. Trong Hán-thư, truyện Đông-phương-Sóc có câu: " Giữ chữ Tín như Vĩ-sinh". Lời chú rằng: "Vĩ-sinh là kẻ sĩ giữ chữ Tín, đời xưa; từng ước hẹn với một người con gái ở dưới cầu; đợi, nhưng người bạn gái không tới, gặp nước lên, chết đuối". Vĩ-sinh là họ kép (hai chữ), có nghĩa là "sinh ra sau rốt". Hoặc có thuyết bảo Vĩ-sinh là Vĩ-sinh Cao (Xem Luận-ngữ, thiên Công-dã Tràng, thứ 5,

chương 23). Trong Nhị-độ-mai, bản dịch bài thơ Mai-sinh họa bài thơ tiễn biệt của Hạnh Nguyên ở Trùng-đài, có câu: "Ấp cột thêm buồn phận Vĩ-sinh." Ở đây, Tuyến-nương cho rằng: "Để La Thành phải chờ đợi mình, thực không thể nào yên dạ!"

(129)- *Thất gia* : chữ trong *Kinh Thi*, thiên *Chu Nam*, thơ *Đào yêu*. Ý nói vợ chồng. Lời truyện của Chu Hy rằng: "Thất là nơi chỗ ở của vợ chồng. Gia là nói chung tất cả phần ở bên trong cửa." (Cửa có hai cánh).

(130)- *Vân tiên* : xin xem lời chú số 101.

(131)- *Tấn Tần* : xin xem lời chú số 73.

Về đoạn mấy câu 305-314 nầy, Đạm Trai phê: "Tuy ắt như mây, ta không để lòng" (chữ trong *Trịnh phong*, thơ *Xuất kỳ Đông môn*). Thực vậy, đã không chung tình, sao hay nài ép được? Tuyến-nương hành động như thế, không phải yêu Ái Liên mà cũng không phải muốn nên việc cho La Thành. Chẳng qua thư tới, nói rõ việc riêng trong quân, lại sợ rằng hai nước thù nghịch, hôn nhân không thành, mà tình riêng đổ bể, rước lấy sự cười chê, nên phải che đậy, thoái thác để cho xong chuyện. Đấy chính là chỗ Tuyến-nương xảo quyệt, dấu diếm; đọc sách, chớ để cho nàng dối gạt được chúng ta."

(132)- *Phó* : trao cho.

(133)- *Hành nhân* : xin xem lời chú số 99.

(134)- *Ngân lạng* : bạc đúc thành từng lạng (lượng). Lạng là một phần mười của một nén. Mỗi lạng cân 37,783 grammes.

Về hai câu 315, 316 nầy, Đạm Trai phê: "Tề Quốc-Viễn đem thư nói về việc hôn nhân của Tuyến-nương tới, vốn là ở trong mộng rồi; lại đem thư nói về việc hôn nhân của Ái Liên, đi, vẫn lại cũng ở trong mộng nữa. Đường đường một vị sứ giả, tới, đi, đều ở trong mộng, đáng cười!"

(135)- *Tương phùng* : gặp gỡ nhau.

(136)- *Ước giao* : hẹn nhau cùng kết hợp với nhau.

(137)- *Về hai câu 323, 324 nầy*, Đạm Trai phê: "Một khối tình muốn làm tan đi không được, muốn vứt bỏ đi không đành, sự việc vốn phải nên như thế."

(138)- *Tây chinh* : xin xem lại lời chú số 87.

(139)- *Dịu dịu* : hơi yếu, hơi kém sức khỏe.

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A,B,C

– *đd)* AB: tình kia.– *đđ)* A,B: ngay.– *đe)* A,B: xem.– *đg)* A,B: dưới cờ.– *đh)* A,B: lầu thuyền (chắc chép sai, vì không có nghĩa).– *đi)* A,B: vừa rồi.– *đk)* A,B: quân về.– *đl)* A,B: vừa đến.– *đm)* A,B: viêm quan.– *đn)* B: ngói lở.– *đo)* A,B: bắt được.– *đp)* A: phơ phất hơi sương; C: mảnh bào lọt giọt (lột dội?) dầm sương. *đq)* B: Mặt gương.– *đq')* C: bày kể.– *đr)* A: dòng mọn.– *đs)* A,B: đâu dám.– *đt)* A: mưa sái (chắc là chữ rưới, chép sai).– *đt')* C: hay.– *đu)* C: buồng.– *đv)* B: sửa áo.– *đx)* A: sân hoa.– *đy)* bốn câu 271-274 nầy, bản C thu lại, chỉ còn chép có hai câu:

Lan đà bái ta lên thềm,
Chực sau mới hỏi một tên là gì?

– đz) A: tôi thì bé mọn; B: Tôi thời bé nhỏ.– *ea)* A: nay tôi.– *eb)* A,B: vâng mệnh.– *ec)* C: đi.– *ed)* C: chửa.– *ed)* A: chợt động; B: thoắt rõ.– *ee)* A,B: ta.– *eg)* B: điều.– *eh)* A,B: tờ.– *ei)* A,B: nỗi.– *ek)* A,B: ai kẻ dứt.– *el)* A,B: nên.– *em)* A,B: Quan-trung đồng bác.– *en)* C: tơ thân.– *eo)* C: tay thù.– *ep)* A,B: tình duyên chút phận.– *eq)* A,B: dám đâu vì chuyện.– *er)* A: cường; B: càng.– *es)* A: dầu đành; B: sao dầu.– *et)* C: bao.– *eu)* A: phải van (? chắc sai); B: phải doan (duyên).– *ev)* hai bản A,B đều đổi hai câu 309, 310 nầy, chép là:

Tiện đây ta bắc cầu Lam,
Duyên nầy phải mượn ta làm mới nên.

– *ex)* A,B: viết.– *ey)* C: một.– *ez)* A,B: nhắn.– *ga)* sáu câu 313-318 nầy bản C đổi ra là:

Cửa đào nghe có Ái Liên,
Nhờ tay Thúc-Bảo (*cụ Tử Bình đề nghị sửa là: Nhờ tay "trên giá" lấy nghĩa "băng nhân" là người làm mối*) dắt duyên chỉ hồng.
Thư rồi lại lấy niêm phong,
Trả cho hành khánh thong dong hồi trình.

Phong thư đánh dứt mối tình, (*cụ Tử Bình đề nghị sửa là*: "*Bút đao cắt dứt mối tình,*)

Niềm riêng canh cánh bên mình chưa xong.

– *gb)* hai câu 319,320 nầy, các bản A,B đều chép là:

Duyên nầy sau có hay không,

Thời rằng trước chẳng đèo bòng phải nao."

– *gc)* A,B: nhạt.– *gd)* A,B: đoạn.– *gđ)* A: kén; C: cất (?).– *gđ')* A,B: vì.– *ge)* A,B: thị.– *gg)* A,B: thủ.

Hồi thứ Năm

Đậu Kiến-Đức một trận, bị bắt ở Hổ-lao

(Đậu Kiến-Đức nhất trận hệ Hổ-lao)

Cho hay một ngọn lửa huỳnh, (140)

Sáng chi là mấy, mà tranh mặt trời [gh].
Tuế tinh (141) ứng tượng [gi] (142) có nơi,
Lòng trời nhường ấy, sức người được [gk] sao ?
Hạ-vương từ chỉ ngọn đào [gl], (143)
Ba quân thẳng ruổi [gm] Hổ-lao (144) cõi ngoài.

Vừa qua Ngưu-khẩu dặm dài,
Quân Đường đâu đã ngất [gn] trời kéo ra.
Anh hùng khi đến thế sa,
Thà mình chịu khuất, chẳng thà hại quân.
Bá, vương ra mặt hàng thần,

Hạm xa (145) cầm ở trung quân nhà Đường. (146)
Nghe tin Tào-hậu kinh hoàng, (147)
Dưới cờ đòi lại nhủ nàng đinh ninh [go].
Rằng: " Từ Đức Bác (148) dấy binh,
Năm thu phá trận đánh thành [gp] như chơi [gq].

Hưng vong việc ấy bởi trời,
Anh hùng ắt chẳng phải người tôi ai [gr].

Chị thời trước xuống tuyền đài, (149)
Đón chờ xe hạc, theo đòi dấu tiên. (150)
Phận ai [gs] tòng nhất (151) đã [gt] yên,

350.– Sau nầy xử biến kinh [gu] quyền mặc em!" (152)
Thốt thôi đổi [gv] áo thay xiêm,
352.– Chuốc đầy chén ngọc, nằm im [gv'] giấc vàng. (153)

Chú thích

(140)- Từ câu 329 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Năm : "Đậu Kiến-Đức nhất trận hệ Hổ-lao" = *Đậu Kiến-Đức một trận, bị bắt (trói) ở Hổ-lao.*

Lửa huỳnh : lửa đom đóm; ý nói sức nhỏ bé không đáng kể.

(141)- *Tuế tinh* : Sao Mộc, sao Thái-tuế, dùng để bắt đầu tính vòng 12 năm.

(142)- *Ứng tượng* : cái hình trạng lộ ra ngoài, báo trước và phù hợp với một việc, một biến cố xảy đến.

(143)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu: " Ba quân chỉ ngọn cờ đào" (câu 2299).

(144)- *Hổ-lao* : tên đất xưa, hiện thuộc Tây-bắc huyện Thành-cao, tỉnh Hà-nam, vua Mục-vương nhà Chu ra Trịnh-phố, đi săn; trong khoảng cỏ lau có cọp. Cao Bôn-Nhung bắt sống được cọp đem dâng nộp. Vua sai nhốt vào cũi, nuôi ở Đông-ngu. Về sau đất ấy thành ra có tên là Hổ-lao.

(145)- *Hạm xa*: xe tù. Riêng chữ "hạm" có nghĩa là "cái cũi".

(146)- Về mấy câu 337, 340 nầy, Đạm Trai phê: "Hạ-vương chính tự mình đem quân đi giúp Vương Thế-Sung, thanh thế lẫy lừng, chưa từng bị thua thiệt hư hao; thế mà chỉ một phen đổ ngã, đến nỗi bị cầm tù, thực là trời xanh xui khiến vậy. Nhưng Hạ-vương có bị thất bại thì "Quân Trung Đối" mới nên truyện được, âu cũng là do bởi ý trời."

(147)- *Kinh hoàng* : hoảng hốt sợ hãi. Cả hai chữ "kinh" và "hoàng" đều có nghĩa là "sợ".

(148)- *Đức bác* : Chữ "đức" có nghĩa là tôn kính, như người ta thường nói "đức Vua","đức Quan-Âm Bồ-tát". Chữ "bác" có nghĩa là "cha", như trong câu ca dao:

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công *bác* mẹ sinh thành ra em.

Vậy "đức bác" ở đây là trỏ "đức Vua Cha" (Đậu Kiến-Đức).

(149)- *Tuyền đài* : phần mộ (theo Từ Hải). Tức là chỗ hoàng tuyền (suối vàng), hay cửu tuyền (chín suối). *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Mối tình mang xuống tuyền đài chưa tan" (câu 710).

(150)- Câu 348 nầy ý nói Tào-hậu đón chờ xe hạc, dấu tiên của Đậu Kiến-Đức ở chốn suối vàng, vì tin chắc rằng anh hùng như Kiến Đức ắt không chịu khuất phục làm tôi Lý Thế-Dân, và đành cam một chết.

(151)- *Tòng nhất* : do thành ngữ: "tòng nhất chi chung". Theo luân lý, đạo đức cổ truyền, thì người đàn bà, cho đến trọn đời, chỉ lấy chồng và theo chồng một lần mà thôi; họ coi sự tái giá là lỗi nghì biến tiết.

(152)- *Xử biến kinh quyền* : ý nói gặp việc xảy ra khác với lẽ thường, sẽ tùy ý Tuyến-nương, muốn xử theo phép thường (kinh), hay muốn cân nhắc rồi xử trái với phép thường (quyền), cũng mặc!

(153)- Về mấy câu 347-352 nầy, Đạm Trai phê: "Tào-phi chết trong sạch, thực đáng kính mà cũng đáng thương. Tuy nhiên Phi không chết thì sau nầy Tuyến-nương không có chỗ vin vào để chờ mối duyên lành và để cho Quân-Trung-Đối có thể thành truyện được. Vậy đây chính là chỗ "văn chương thắt nút", người đọc chớ sơ ý bỏ qua."

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B,C

– *gh)* Hai câu 329, 330 nầy, bản C chép là:

Cho hay những thủa binh tranh,
Tóm thâu bẫy mạnh đã sanh một người.

– *gi)* A,B: đã ứng.– *gk)* C: đặng.– *gl)* A, B: trỏ cờ đào.– *gm)* B: trỏ.– *gn)* B: bên; C: cửa.– *go)* Sáu câu 337-342 nầy, bản C chép là:

Hạ quân khi đến thế sa,
Dẫu là tài mạnh, dẫu là trí cao.
Tiếc cho một đấng anh hào,
Hạm xa cũng dễ nhốt vào như chơi.
Nghe tin Tào hậu rụng rời,
Đòi nàng dặn lại mọi lời đinh ninh.

–*gp)* C: đánh trận phá thành.– *gq)* C: ai đương.– gr) Hai câu 345-346 nầy, bản C chép là:

Số trời dấy, mất là thường,
Anh hùng ắt cũng liệu đường sớm (?) mai.

– *gs)* C: ta.– *gt)* C: là.– *gu)* A, B: tòng.– *gv)* B, C: sửa.– *gv')* A, B: êm.

Hồi thứ Sáu

Đậu Tuyến-nương một mình vào lạy trước sân rồng

(Đậu Tuyến-nương đơn thân khấu Phượng-khuyết)

Một cơn tang sự vội vàng (154)
Chợt tin đã thấy [gx] quân Đường tiến sang.

Năm trăm thị nữ sắp hàng,
Then lầu [gx'] sịch [gy] mở, lịnh nàng truyền ra. (154')
Rằng: "Năm thu dưới cờ ta,
Đông tây rong ruổi những là chúng ngươi.
Nay dầu thua được bởi [gz] trời,

Bó tay cũng chửa chịu người uổng danh.
Thất cơ phải khuất vì tình,
Còn toan một trận bội thành (155) sao nên.
Nầy đây ngân lạng năm nghìn,
Cấp cho ai nấy về yên nghiệp nhà.

Rồi đây lui tới mặc ta,
Cơ trời tan hợp hoặc là mai sau".
Vâng lời sùi sụt trông [ha] nhau,
Dưới sân răm rắp [hb] khấu đầu giở ra. (156)
Ghé [hc] bên mới dạy nàng Hoa:

Rằng: " Trong tình nghĩa một ta với nàng.
Đánh *hd* liều nay đến quân Đường,
Thân ta đã vậy, ý nàng ngại chăng?"
Lạy rồi Lan mới thưa rằng:
" Nghĩa trong thầy tớ, tình bằng chị em.

Dẫu là *hđ* sống thác cũng cam *hđ*.
Dám đâu gặp *he* bước gian nan *hg* ngại lòng."
Trước sau bàn bạc vừa *hh* xong,
Áo xanh đổi lốt *hi* đều cùng ra *hk* đi.
Dần dà mới đến *hl* Đế kỳ, (157)

Song song vóc liễu cùng quỳ sân đan. (158)
Dưới trời đánh tiếng tỏ oan:
" Con hèn Kiến-Đức, thân tàn Tuyến-nương.
Nhà Tùy khi lỗi mối giường,
Cha tôi mong cứu một phương lửa nồng.

Ngôi trời đã tỏ *hm* tượng rồng,
Chậm chân hiệu thuận (159) ra lòng bất cung. (160)
Gẫm rằng lời "hậu phu hung" *hn*, (161)
Lọt *ho* ngoài thanh giáo (162), cam trong điển hình. (163)
Xót vì phụ tử thâm *hp* tình, (164)

Báo ân *hq* cả dám lấy mình thay cha.
Muôn ngàn nhờ đức thiên gia *hr*, (165)
Đổi cho nhất tử cũng *hs* là tái sinh."
Ngự nghe tấu đối phân minh,
Khen rằng: "Hiếu tử Đề Oanh (166) khác nào.

Lượng dung há có quản bao [ht],
Ban [hu] tha Kiến-Đức cho vào trước [hv] sân.
Rằng: " Ta đất Tấn dấy quân,
Trên vâng mệnh cả, dưới nhân lòng người.
Kình nghê đâu dám nép hơi,

Bốn phương đâu chẳng làm tôi một nhà.
Ngươi còn chống mệnh cõi xa,
Việt vàng, búa sắt (167), tội đà chẳng oan.
Nỗi niềm nghĩ lại nên thương [hx],
Nhiêu sinh (168) ta cũng tòng khoan (169) phép thường [hy].

Bấy lâu cờ, tán dọc ngang,
Nay làm phên dậu [hz] một phương thế nào?"
Tâu rằng: "Che chở lượng cao,
Hiếu sinh đức ấy biết bao là ngần!
Sự đời nghĩ lại phù vân,

Thôi còn dám tưởng có thân phận nào.
Ơn trên mưa móc đã dào,
Xin ra nhân thế mà vào thiền môn. (170)
Dưới trời đâu cũng tôi con,
Cỏ cây đâu cũng nước non một nhà." (171)

Ban rằng: " Cõi thế như [hz'] hoa,
Đua tranh Vương, Bá cũng là chiêm bao [ia].
Ngôi trời ai chẳng rằng cao,
Ta xem chẳng biết chừng nào gian nan [ia'].
Phúc chi [ib] bằng chữ thanh nhàn,

Lòng người đã vậy, nhà quan (172) hẹp gì."
Truyền ban một cảnh trú trì, (173)
Sai quan hộ tống (174) cho đi bạn cùng [ic].
Một phen úy lạo (175) thung dung [id],
Áo sa (176) ban trước, điệp rồng [id] (177) ban sau. (178)

Tin trong [ie] chợt xuống dưới [ig] lầu,
Ban đòi hiếu nữ vào chầu Hậu-phi [ih], (179)
Vâng lời chẳng dám trù trì, (180)
Theo chân Thái-giám (181) cùng đi bấy giờ.
Cung lầu [ii] lặng [ik] ngắt như tờ,

Gió êm trướng hạc, hương đưa canh gà [il].
Tiếng vàng sang sảng lầu hoa [im],
Hỏi rằng: " Đôi ấy ai là Tuyến-nương?"
Tâu rằng: "Bèo bọt phận thường,
Muôn trong đoái đến dủ thương một lời".

Ban rằng: " Một nữa là ai?
Họ hàng hay kẻ tôi đòi đó ru?"
Tâu rằng: " Người ấy viễn chu, (182)
Mấy tôi từng trải ba [in] thu kết nguyền.
Họ Hoa, Lan ấy là tên,

Tình cùng xương thịt [io], nghĩa nên tôi đòi."
Khen rằng: "Đôi ấy đáng [ip] đôi,
Nữ trung (183) chưa dễ có người là ba.
Tuyến-nương họ Đậu, họ ta,
Nhận làm con cháu một nhà trong [iq] thân. (184)

Ở đây khuya sớm cho gần,
Rồi ra [ir] sẽ liệu nhắc cân hảo cầu." (185)
Tiểu thư ren rén quỳ tâu:
" Ơn dày muôn đội trên đầu xanh xanh.
Thiên binh thủa nọ tiến [is] thành,

Gì [it] tôi quá sợ, liều mình trước tôi [iu].
Phận hèn may thấy mặt trời,
Lấy gì [iv] đền lại cho người thiệt đi.
Rộng dung xin được trở về,
Lều tranh [iw] hương khói giữ lề ba năm."

Thương tình trên chẳng nhẽ cầm,
Cấp cho [ix] hành lý hơn [iy] trăm lạng vàng.
Tạ ân ra cửa [iz] vội vàng,
Đậu công còn đợi tin nàng chưa đi. (186)
Chiến bào đổi dạng tăng y,

Hãy còn mặt sắt đen sì như xưa. (187)
Cảm cơn [ka] bể gió rừng mưa,
Ngập ngừng đòi trận, vò tơ ruột tằm.
Dạy rằng: " Trong [kb] chữ tình thâm,
Ví mà giở nỗi [kc] thương tâm xiết gì !

Đành con nương bóng cung vi, (188)
Rừng thiền nấn ná qua thì mặc cha [kd].
Nỗi tình còn chút việc nhà,
Gì con [kd] thoắt đã vì ta thiệt mình.
Sao cho sinh tử kiến tình, (189)

470.– Cậy con *ke* lo đấy cho đành lòng cha."
Nghe lời tầm tã châu sa,
Lạy rồi còn chửa nói ra nên lời.

Chú thích

(154)- Từ câu 352 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Sáu: " Đậu Tuyến-nương đơn thân khấu Phượng-khuyết" = *Đậu Tuyến-nương một mình vào lạy trước sân rồng.*
(154')- Về hai câu 355, 356 nầy, Đạm Trai phê: " Đọc đến đây ta không khỏi giật mình, tưởng phen nầy Hạ quân cùng Đường quân ắt cùng nhau giao chiến.
(155)- *Bội thành* : Bản C chép chữ "*thành*" với bộ "thổ" nghĩa là "thành trì", e sai, có lẽ phải viết chữ "*thành*" với bộ "ngôn" nghĩa là "thành thực; "bội thành" ở đây có nghĩa cũng như "bội tín", trái lời thành thực ước hẹn với người ta. Đậu Kiến-Đức đã hàng Đường, Tuyến-nương không thể trái với lòng thành thực, bỏ điều tín nghĩa mà trở mặt đánh lại quân nhà Đường được nữa. (Vả lại, chữ "bội" vốn có nghĩa là phản lại, trái lại; trong Kinh, Truyện, ta cũng thấy dùng thông với chữ "bội" là "thường").
(156)- *Về hai câu 367, 368 nầy*, Đạm Trai phê : " Trong một cái ấp mười nhà, tất có người trung tín" (Luận-ngữ, Công-dã Tràng); nay trong số năm trăm thị *dắng* (*dắng* là nàng hầu, lẽ; vốn là em gái, cháu gái, đi theo con gái chư hầu đời xưa, khi xuất giá) há lại thiếu người đẹp; đọc đến đây, ta nên tiếc dùm cho công tử họ La".
(157)- *Đế kỳ* : là chỗ Thiên-tử đóng đô. Đế kỳ là kinh đô của nhà vua.
(158)- *Sân đan* : dịch chữ "đan trì" = thềm, trên mặt dùng son láng; thềm màu đỏ; thềm cung vua. Theo Thư-ngôn cố sự thì đan trì là sân của nhà vua, dùng cát đỏ mà trát.
(159)- *Hiệu thuận* : bắt chước mọi người, hết lòng hết sức hàng phục, theo về.
(160)- *Bất cung* : không kính trọng (uy quyền nhà vua). Về mấy câu 383-386 nầy, Đạm Trai phê: " Ngay thẳng mà uyển chuyển, chất phác

mà đau thương, lời nói thực diệu kỳ; tác giả tỏ ra thấu hiểu chỗ tinh hoa trong thơ nàng Đề Oanh và trong bài trần tình biểu. Văn hay tuyệt!"

(161)- *Hậu phu hung* : hậu phu là kẻ đến sau; đến sau thì dữ, không được tốt lành. Trong Kinh Dịch, quẻ Tỵ, có câu: "...Bất ninh phương lai, hậu phu hung". Lời "truyện" của Trình Di: "...Trong lúc không yên, chỉ nên kíp đi tìm người (hiền đức, ông vua sáng) để gần liền. Nếu đứng một mình, tự cậy mình, chí cầu thân không nồng nhiệt, mà chậm lại sau, thì tuy là đấng trượng phu cũng còn xấu, dữ, huống chi kẻ nhu nhược, dung phàm."

Trong câu 387 nầy, ý Tuyến-nương muốn nói rằng: "Vua Đường là chân mạng đế vương, thế mà Đậu Kiến-Đức lại chậm chân, đến sau, trong việc qui hàng, cho nên xảy ra tai họa."

(162)- *Thanh giáo* : do mấy chữ "thanh uy" và "giáo hóa" thu gọn lại. Trong *Kinh Thư*, thiên *Vũ Cống* có câu: "Thanh giáo ngật vu tứ hải" = uy thế, tiếng tăm và việc dạy dỗ cảm hóa lòng người (của nhà Vua) đã tới khắp hết bốn bể.

(163)- *Điển hình* : hình phạt thi hành theo phép thường. *Điển hình* còn có nghĩa là khuôn sẵn (exemple), đạo thường.

(164)- *Phụ tử thâm tình* : tình sâu xa giữa cha con.

(165)- *Thiên gia*: trỏ Hoàng Đế. Ví Thiên-tử lấy thiên hạ làm nhà của mình.

(166)- *Đề Oanh* : con gái nhỏ quan Lệnh Thái-thương đời Hán là Thuần Vu-Ý, không có con trai, chỉ sinh 5 gái. Đời Văn-đế, Ý phạm tội, có chiếu chỉ bắt về Tràng-an. Thủa ấy vẫn còn hình phạt cắt, xẻo da thịt hoặc bộ phận trong thân thể. Ý mắng con gái rằng: "Sinh con chẳng sinh trai, gặp khi có việc khó khăn, thực là vô ích". Đề Oanh khóc lóc thê thảm, theo cha tới Trường-an, dâng thư xin đem thân vào nhà quan làm tỳ nữ, để vì cha chuộc tội. Vua thương hạ chiếu miễn tội cắt xẻo thân hình. Vu-Ý được tha. (Xem Liệt-nữ truyện của Lưu Hướng).

(167)- *Việt vàng, búa sắt* : phủ= cái rìu, việt= cái búa lớn; vật tượng trưng cho uy quyền của Thiên-tử, dùng để trị kẻ có tội (Hình phạt nặng).

(168)- *Nhiêu sinh* : tha cho được sống.

(169)- *Tòng khoan* : theo lối rộng rãi; có độ lượng bao dung được nhiều.

(170)- Về mấy câu 403-412 nầy, Đạm Trai phê: " Cứ theo sử nhà Đường, Tần-vương Lý Thế-Dân hiến phù, tha Vương Thế-Sung, chém Đậu Kiến-Đúc, thì Kiến-Đức chết rồi vậy. Ở đây, Kiến-Đức lại sống, vì nếu nhà Đường giết Kiến-Đức, rồi sau nầy hai họ La, Đậu thành duyên đôi lứa, kết hợp nhờ có Nội-cung can thiệp, e đối với Tuyến-nương có điều không tiện, cho nên phải thay đổi ít nhiều. Xưa nay các nhà viết truyện diễn nghĩa, truyền kỳ, thay đổi sự thực, đã thành một thói quen, độc giả không nên bắt bẻ làm gì, mà cũng đừng nhận truyện đặt để ra, coi làm truyện thực."

(171)- Về hai câu 413, 414 nầy, Đạm Trai phê: " Anh hùng lỡ bước, bốn bể không nhà, đến hoàn cảnh nầy không nói thế cũng không xong, kể cũng đáng thương cho Kiến-Đức."

(172)- *Nhà quan* ; dịch chữ "quan gia"; trỏ Thiên-tử. Năm đời Đế lấy thiên hạ làm của công, việc công. Ba đời Vương lấy thiên hạ làm của nhà, việc nhà. Nói quan gia tức là nói Đế Vương vậy.

(173)- *Trú trì* : ở chùa giữ theo đạo Phật.

(174)- *Hộ tống* : giúp đỡ che chở đưa người ta đi đường.

(175)- *Ủy lạo* : lấy lời ôn tồn nói để vỗ về người ta trong lúc người ta lo buồn.

(176)- *Áo sa* : tức là áo cà-sa; áo thầy tu mặc, do những miếng vải nhiều sắc may thành.

(177)- *Điệp rồng* : văn thư về việc quan, của nhà Vua cấp cho. Ở đây tức là một thứ chứng minh thư, nhận cho Đậu Kiến-Đức được làm sãi, tu ở chùa.

(178)- Về mấy câu 421-424 nầy, Đạm Trai phê: " Trước đây Tuyến-nương tham thiền, ấy là muốn gột rửa cho sạch mọi điều phiền não trong vòng sắc giới. Bây giờ Kiến-Đức quy y, ấy là muốn tìm sự tịch diệt, cắt đứt lòng trần trong cảnh khổ, xa xa, trước sau chiếu ứng, văn viết có ý vị, cực hay!"

(179)- *Hậu-phi* : Vợ Thiên-tử (vợ vua) gọi là "hậu". Hợp thành lứa đôi là "phi". Cả hai chữ "hậu phi" có nghĩa là "vợ vua".

Về hai câu 425, 426 nầy, Đạm Trai phê : "Đưa ra chi tiết Đậu-hậu để sửa soạn trước việc sẽ xảy ra về sau."

(180)- *Trù-trì* : trù-trừ, dùng-dằng, do-dự. (Khác với *Trú trì* là tu ở chùa)
(181)- *Thái giám* : chức quan coi việc ở trong cung Vua; đời thường gọi là "hoạn quan".
(182)- *Viễn chu* : châu xa. a) Châu là một khu vực hành chánh địa phương. b) Phép nhà Chu định 2.500 nhà là một châu; vì vậy chữ "châu" cũng có nghĩa là "làng", như ở trong chữ kép "châu lý".
(183)- *Nữ trung* : trong hàng con gái, đàn bà. Câu 442 nầy có ý khen: chưa dễ có người con gái thứ ba sánh kịp hai nàng.
(184)- *Trong thân* : thân tức là thân tộc. Người trong thân tức là người cùng trong một họ.
(185)- *Hảo cầu* : chữ trong thơ *Quan-thư*, thiên *Chu-nam*, *Kinh Thi*: "Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu" = Thục nữ yểu điệu, quân tử kết duyên lành. Ý nói tốt đôi, đẹp đôi. "Cầu" nghĩa là "lứa đôi".

Về mấy câu 443-446 nầy, Đạm Trai phê: " Lời ngạn ngữ nói: Thấy người sang bắt quàng làm họ. Ở đây lại nhận giặc làm họ. Kỳ!"

Sao không đem viên nữ hàng tướng nầy cho xung vào dưới trướng đạo nương-tử quân? Thế là phò-mã họ Sài (tức là Sài Thiệu, con rể Cao-tổ) lỡ mất một đoạn nhân duyên. Đáng cười! đáng tiếc!
(186)- Về mấy câu 455-458 nầy, Đạm Trai phê: " Tiểu thư may nhờ Đậu hậu nhận họ, cho về, được thoát thân. Nếu không, buổi ấy trong cung vua Đường, đã có Bùi Tịch khéo léo về những chuyện riêng tây (Bùi làm Thượng-thư Tả Bộc-xạ, rất được lòng vua Đường), lại có Thái-tử Nguyên-Cát, dám làm những việc loạn, truyện dâm, e nàng khó lòng tránh khỏi điều tai họa. Mới biết lòng Trời cho Tào-phi giữ tiết được vẹn, ấy tức là lòng Trời cho Đậu-nương giữ mình được trọn, may thay mà cũng khéo thay!"
(187)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu "Trông lên mặt sắt đen sì" (câu 1409) và câu "Hãy còn hàm én mày ngài như xưa" (câu 2274). Đạm Trai phê: " Ngòi bút tả như người sống thực, tuyệt hay!"
(188)- *Cung vi* : nơi ở của bà Hậu-phi.
(189)- *Kiến tình* : tỏ rõ, thấy rõ tấm lòng (của người sống đối với người chết; của cha con Đậu-nương đối với Tào-phi).

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A,B,C

– *gx)* C: có.– *gx')* A,B: sau.– *gy)* C: chợt (?).– *gz)* B,C: là.– *ha)* B: bảo.– *hb)* C: lốp lốp.– *hc)* A: nghé.– *hd)* B: thác.– *hđ)* A,B: mà.– *hđ')* A,B: nên.– *he)* A,C: khi.– *hg)* (Luận-Đàm bộ I, số 8, tr. 55 in sót, không chỉ rõ bản nào): truân chiên.– *hh)* A: đã; B: yên.– *hi)* A: đổi trút; B: chải chuốt.– *hk)* A,B: bước.– *hl)* C: tới.– *hm)* A,B: giãi.– *hn)* C: để phiền đến việc binh nhung.– *ho)* A,B: luật.–*hp)* C: chí.– *hq)* C: một lời.– *hr)* A,B: muôn trông thế ý quốc gia.– *hs)* C: ấy.– *ht)* C: sá nào. (Cụ Tử Bình đề nghị sửa là: *Lượng sinh bể rộng, trời cao*).– *hu)* C: truyền.– *hv)* C: dưới.– *hx)* C: thương tình phụ tử chi gian.– *hy)* A,B: mọi đường.– *hz)* B: phiên trạo.– *hz')* C: hư.– *ia)* C: đua tranh một cuộc rồi ra cờ tàn.– *ia')* bản C không có hai câu 417, 418 nầy. Cuối câu 416 là chữ *tàn*, nên hiệp vận được ngay với chữ *nhàn* ở câu 418.– *ib)* A,C: gì.– *ic)* bản C, sau câu 420, đổi, chép như sau:

Có chùa ở viễn châu kia,
Một bầu trời quạnh, bốn bề non cao.
Trần ai chẳng bá (?) chút nào,
Cho ngươi cảnh ấy tiêu dao mặc lòng.

– *id)* A: vừa xong.– *iđ)* A: mũ (chắc sai).– *ie)* A,B: xuân.– *ig)* C: trước.– *ih)* A,B: đòi hai thiếu nữ vào hầu Hậu-phi.– *ii)* B: lâu; C: sâu.– *ik)* A,C: lạnh.– *il)* C: gió im cấm hạc, hương đưa trướng gà.– *im)* C: chái hoa.– *in)* A, B: năm (chắc sai).– *io)* C: tình bằng thân thuộc.– *ip)* C: nên.– *iq)* C: cho.– *ir)* A,B: ta.– *is)* A: đánh.– *it)* A,B: chị.– *iu)* C: lánh mình xa khơi.– *iv)* B,C: chi.– *iv')* A: cheo tranh (chắc là sai).– *ix)* A,B: thêm.– *iy)* A: ban; B: và (vài).– *iz)* A,B: trước.– *ka)* A,B: cảm ân (e sai).– *kb)* C: Rằng: " Trong hai.– *kc)* A,B: gỡ nổi.– *kd)* A,B: mặc đây nương bóng Từ-bi cũng là.– *kđ)* A,B: họ Tào.– *ke)* C: thời con.

Hồi thứ Bảy

Về nước cũ, con gái hiếu trả nghĩa bà Phi hiền

(Phản cố hương, hiền nữ báo hiền phi)

Sụt sùi quán khách đêm dài, (190)
Tiếng gà đâu đã giục người sinh ly, (191)

Người thời đến [kg] cảnh trú trì,
Người thời lại trở gót về cố kinh. (192)
Ngại ngùng một bước trăm tình, (193)
Mây xanh nửa đám [kh], cỏ xanh đòi chòm.
Trùng trùng kìa nước nọ non,

Càng khơi dặm liễu, càng chồn [ki] bước hoa.
Thành đâu chân ngất (194) nẻo xa,
Nầy là Lạc-thọ đất nhà phải chưa?
Giang sơn còn đó trơ trơ,
Nào nền Vương Bá bây giờ đâu đây?

Cầu sương in dấu chân giày. (195)
Xe loan ta những lối rày vào ra. (195')
Đìu hiu nội [ki'] cỏ ngàn hoa,
Nào là yến cũ, nào là oanh xưa.
Tưởng bây giờ với bao giờ [kk], (196)

Mơ màng giấc mộng, nửa ngờ nửa tin.
Chuông đâu văng vẳng mái chiền,

Ngỡ là [kl] doang lũy (197) còn truyền canh điêu [km], (198)
Địch đâu réo rắt bên đèo,
Ngỡ là [kn] tiếng giốc (199) ban [ko] chiều thu quân.

Những là nghĩ ngợi xa gần,
Cửa thành thoắt đã dần dần [kp] tới nơi.
Nhìn xem vật đổi sao dời, (200)
Xiết bao [kq] cảm nỗi sự đời tang thương.
Nàng đà an đốn hành trang, (201)

Định ngày sắm sửa để tang [kr] họ Tào.
Tháng ngày dâng lễ giản mao, (202)
Bên lăng [ks] dựng [kt] mấy gian lều khói hương.
Lần lần thỏ bạc, ác vàng, (203)
Thương tâm sắc cỏ, đoạn tràng [ku] tiếng quyên.

Đòi phen bát ngát giang thiên, (204)
Thôi sầu đường nọ, lại phiền nỗi kia.
Xót người (205) lần lữa xa quê,
Rừng thiền ai kẻ sớm khuya đấy cùng?
Bốn phương vốn chí [kv] anh hùng,

Biết là [kx] nguôi [ky] được tấm lòng ấy chưa? (206)
Nhớ lời nguyện ước ngày xưa,
Xa xôi ai kẻ đợi chờ chăng ai ! (207)
Ái-Liên như có nhận [kz] lời,
Nên ra [la] khi đã vịnh bài Đào yêu. (208)

Mạch sầu lai láng khôn tiêu,
Một mình vò võ, trăm chiều đăm đăm.

Chú thích

(190)- Từ câu 473 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Bảy: "Phản cố quốc, hiếu nữ báo hiền phi" = *Về nước cũ, con gái hiếu trả nghĩa bà Phi hiền.*

(191)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Quản huyền đâu đã giục người sinh ly (câu 780).

(192)- *Cố kinh* : kinh đô cũ, kinh đô xưa.

(193)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Ngại ngùng một bước một xa (câu 561).

(194)- *Chân ngất*: chất ngất; nổi lên cao lắm.

(195)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Tiếng gà điếm nguyệt, dấu giày cầu sương (câu 2030),

do câu thơ chữ Hán: " Nhân tích bản cầu sương" của Ôn Đình Quân.

(195')- Về mấy câu 481-486 nầy, Đạm Trai phê: " Núi sông như cũ, thành quách khác xưa, cảnh huống ấy từ ngàn xưa vốn vẫn não lòng người. Đoạn văn nầy mỗi chữ là một giọt lệ, tình thiết, văn hay, tâm trạng, tinh thần khác nào thoát ở thơ *Quốc-phong*, *Thử-ly*, (của quan Đại-phu hành dịch). Văn chương rất mực diệu kỳ".

(196)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Tưởng bây giờ là bao giờ (câu 3013).

(197)- *Doanh lũy* : chỗ quân lính ở, có thành đất cao bảo vệ.

(198)- *Canh điêu* : "Canh" là một phần năm của đêm chia ra. Mỗi canh dài bằng 2 giờ (120 phút). "Điêu" (ở trong danh từ kép "điêu đẩu") là một thứ đúc bằng loài kim, to bằng cái đấu, quân lính dùng ngày thì thổi cơm, đêm thì gõ cầm canh (theo Thiều Chửu). Canh điêu là tiếng điêu đẩu của quân lính gõ để canh gác ban đêm.

(199)- *Giốc* : cái tù và (thường bằng sừng). Chữ "giốc" có nghĩa đầu tiên là sừng.

(200)- *Vật đổi sao dời* : thành ngữ, dịch bốn chữ Hán: "Vật hoán tinh di", ý nói: cảnh vật biến đổi, thời tiết cũng khác. Trong bài *Đằng Vương Các*, Vương Bột có câu thơ: "Vật hoán tinh di kỉ độ thu" (Vật đổi sao dời bao nhiêu thu rồi).

(201)- *An đốn hành trang* : xếp đặt cho có nơi có chốn những đồ dùng trong khi đi đường.
(202)- *Giản mao* : rau trong khe (có thể dùng trong việc cúng tế). Ý nói lễ vật tầm thường; cốt ở lòng thành kính.
(203)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có câu:

Lần lần thỏ bạc ác vàng (câu1269).

(204)- *Bát ngát giang thiên* : ý nói cảnh trời rộng sông dài, hoặc "nước trời lẫn sắc" mênh mông không bờ bến.
(205)- *Xót người* : trỏ cha, Đậu Kiến Đức.
(206)- Về mấy câu 507-510 nầy, Đạm Trai phê: "Lời nói chí tình, thực không thể nào thiếu được.
(207)- *Đoạn-trường Tân-thanh* có hai câu:

Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có thấu tình chăng ai? (câu 1259-1260).

(208)- *Đào yêu* : tên một bài thơ trong thiên *Chu Nam, Kinh Thi*, có câu: "Kỳ tử vu quy, nghi kỳ thất gia" = Cô về nhà chồng hoà thuận cửa nhà; ý nói: người con gái kịp thì đi lấy chồng, nên nhà nên cửa.

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A,B,C

– *kg)* C: tối.– *kh)* A,B: tấm.– *ki)* A: dồn.– *ki')* A,B: núi (chắc sai).– *kk)* A,B: tưởng bao giờ mới bây giờ.– *kl)* A,B: hay là.– *km)* A: tiếng điêu; B: tiếng đeo.– *kn)* A,B: hay là.– *ko)* C: buổi.– *kp)* A,B: trông chừng (chắc sai, vì chữ "*chừng*" không vần với chữ "*gần*" ở câu trên).– *kq)* B: khôn; C: đâu.– *kr)* C: việc tang.– *ks)* A,B: rừng.– *kt)* A,B: lập.– *ku)* A: mơ màng.– *kv)* A,B: chí vốn.– *kx)* A,B: biết rằng.– *ky)* B: khỏi.– kz) A,B: chịu.– *la)* A,B: vu qui.

Về làng cũ, chị lớn trối trăng cùng em gái

(Quy cố hương, đại tỷ quyết tiểu muội)

Quê người đã ít tri âm, (209)
Tạ từ Lan lại về thăm quê nhà.
Ngại ngùng [a'] một bước một xa [b],

Chén quỳnh một chuốc [c] lệ hoa [d] đôi hàng [d]. (210)
Rằng; " Nay ở chốn tha hương,
Ra vào khuya sớm lấy nàng làm đôi,
Tuy rằng là phận chúa tôi,
Cũng tình máu mủ như người đồng sinh.

Bây giờ nàng lại quy ninh, (211)
Thiết tình (212) khôn [e] nhẽ ngăn tình cho đang.
Về thời kíp lại [e'] trở sang,
Chớ lâu nữa kẻ một phương ngóng chờ [g].
Một tên nầy, mây một tờ,

Gửi trao công tử, tiện [h] vào đường đi. (213)
Tiễn hành nào biết lấy chi,
Hoàng kim trăm lạng, thị tỳ hai tên [i]."
Thấy lời [i'] Lan cũng đeo phiền,
Tình nhà chưa nặng bằng bên tình nàng. (214)

Thưa rằng: " Từ trận Diêm-cương [lk],
Muôn nhờ Công-chúa lòng thương đã dầy.
Ân sâu [ll] há phải một ngày,
Tái sinh đức ấy xem tầy thân sinh. (215)
Nay dù trở gót [lm] quy ninh,

Kíp chầy ắt phải [ln] thượng trình tới nơi.
Vâng lời chẳng dám lỗi lời,
Còn thân chẳng dám phụ người tương tri."
Tạ rồi Lan trở ra về,
Hai tên thị nữ cùng đi theo nàng [lo].

Lần lần điếm nguyệt cầu sương, (217)
Hai tuần mới đến [lp] Sóc phương (218) quê nhà.
Hai thân dấu [lq] hạc đã xa, (219)
Còn con em gái tên là Hựu-Lan (220)
Trước giường [lr] (221) lăn khóc [ls] kêu than [lt],

Ngậm ngùi chín chữ [lu] (222) châu chan đôi hàng.
Một cơn tủi tủi [lv] thương thương,
Hựu-Lan thấy cũng đoạn trường đòi phen.
Cùng nhau mới [lx] kể hàn huyên,
Ba thu khơi [ly] cách nỗi niềm xiết đâu.

Ở nhà chưa đặng [lz] bao lâu,
Định ngày lại [ma] đến U-châu đưa tờ.
Sự đâu có sự chẳng ngờ,
Trách ai sao khéo xe [mb] tơ lỡ làng.
Nguyên ngày [mc] đánh trận Diêm-cương [md],

Một tên Man tướng (223) ơn nàng cứu cho,
Bấy lâu luống [md] những thăm [me] dò,
Rày nghe nàng ở viễn chu mới về.
Khiến người tin đến [mg] phòng [mh] khuê [mh'],
Lấy làm thị thiếp (224) định kỳ nhập doanh [mi]. (225)

Giục [mk] người thân thuộc [ml] dỗ dành,
Lấy điều uy thế ép tình một hai.
Nàng nghe ruột rối bời bời, (226)
Một mình luống những đứng ngồi thở than. (227)
Ngọn đèn chong bóng [mm] (228) canh tàn,

Các [mn] điều mới dặn [mo] Hựu-Lan ân cần:
" Về nhà vắng mặt hai thân,
Vốn đà chẳng biết [mp] có thân ấy rồi.
Trót cùng Công-chúa nặng lời,
Nên còn rốn lại báo người tương tri.

Bây giờ sự đến bất kỳ [mq],
Đường lui nỗi [mr] tới hai bề dở dang.
Chẳng nghe thời lụy họ hàng,
Nghe ra thời phụ lời nàng dặn [mr'] ta. (229)
Tuồng chi ép liễu nài hoa,

Tiểu tinh nhỏ [ms] mọn, phận là ra đâu [mt].
Thôi thời nát ngọc chìm châu,
Chẳng thời châu ngọc lẫn màu bụi nhơ.
Nầy vàng Công-chúa tiễn đưa,
Nầy hai thị nữ, nầy tờ, nầy tên,

Chị đều phó thác [mu] cho em, (230)
Nghĩ sao cho phải, cho yên suối vàng [mv],
Trăm nghìn gửi lạy Đậu-nương, (231)
Biết cho [mx] nông nỗi đoạn trường nầy không [mx']?"
Hựu-Lan nghe nói hãi hùng,

Ngõ nàng, (232) nàng hãy một lòng khăng khăng [my].
Canh khuya [mz] ra trước bóng trăng,
Trông vời cổ tỉnh (233) thẳm [na] chừng thốt [nb] gieo. (234)
Hóa công nở hẹp hòi sao [nc],
Sinh ra [nd] mệnh bạc thời theo má hồng.

Người sao hiếu nghĩa làm lòng, (235)
Thân sao nhẹ nhỡ [nđ] (236) lông hồng cho đang.
Hựu-Lan theo dấu [ne] vội vàng,
Thời đà chìm ngọc phai hương còn gì. (237)
Khóc kêu: "Lồng lộng trời kia,

Làm cho oan chị tội thì tại ai ?
Chị dù khuất mặt tuyền đài, (238)
Còn em chẳng dám phụ lời nấy trao [ng]. (240)
Hồn thơm nay ở nơi nào ?
Hay sang Lạc-thọ hay vào U-chu ?"

Trước sau mấy nỗi duyên do,
Một cơn gào [nh] gió tuôn mưa dầm dề.
Tỉnh ra mới gọi thị tỳ,
Một cho [ni] ở lại, một về báo tin.

Chú thích

(209)- Từ câu 517 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Tám: "Quy cố hương, đại tỉ quyết tiểu muội" = *Về làng cũ, chị lớn trối trăng cùng em gái.*

(210)- *Đoạn trường Tân thanh* có hai câu:

Ngại ngùng một bước một xa,
Một lời trân trọng, châu sa mấy hàng. (câu 561-562)

(211)- *Quy ninh*: nói con gái (và nhất là đàn bà đã có chồng) về thăm cha mẹ mình. Nhưng chữ "quy ninh" không nhất định hạn chế, dùng riêng cho phụ nữ.

(212)- *Thiết tình* : thực tình cần kíp lắm (theo Triều Chửu). Đạm Trai phê: "Câu 526 nầy là *Khách.*"

(213)- Đạm Trai phê: "Câu 530 nầy là *Chủ.*"

Về bốn câu 527-530, Đạm Trai phê:" Không phải Đậu-nương muốn gấp thấy mặt Mộc Lan, mà chính là nóng lòng được tin trả lời về bức thư tình, nàng gửi cho La công-tử. Lòng *quy ninh* của Mộc Lan biết đâu không phải do Đậu-nương ngấm ngầm khích động, nhưng không để lộ dấu vết, nàng quả thực khôn ngoan !"

(214)- Về hai câu 533-534, Đạm Trai phê: "Hay thay Mộc Lan! Giỏi thay Mộc Lan! đã sớm lĩnh hội được hết ý của chủ. Thông minh tuyệt!"

(215)- Câu 538 nầy ý nói: Ơn đức cứu cho "lại được sống" cũng ngang bằng ơn cha mẹ sinh ra mình.

(216)- Về hai câu 541-542, Đạm Trai phê: "Đọc đến đây, ta cũng nên mừng cho Đậu-nương, vì cho rằng Mộc Lan ắt đem thơ đến La Thành, có dè đâu xuống dưới, câu chuyện chợt lại biến đổi ra thế khác!"

(217)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Tiếng gà điếm nguyệt, dấu giày cầu sương. (câu 2030)

Lấy ý ở hai câu: "Kê thanh mao điếm nguyệt. Nhân tích bản kiều sương" = Tiếng gà gáy ở chòi canh lợp tranh, có bóng trăng soi. Vết chân người đi trên ván cầu, có sương phủ, trong bài *Thượng sơn tảo hành* của Ôn Đình-Quân, đời Đường. (Theo Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim).

(218)- *Sóc phương* : phương Bắc.
(219)- Câu 547 nầy ý nói: cha mẹ đều chết hết.
(220)- Đạm Trai phê: "Đưa Hựu Lan ra để mở đầu cho câu chuyện "*đem thư*" ở hồi dưới.
(221)- *Giường* : tức là giường thờ, dịch chữ Hán "linh sàng".
(222)- *Chín chữ* : sinh (đẻ), cúc (nâng niu), phủ (vỗ về), súc (cho bú), trưởng (mong cho lớn), dục (dạy dỗ), cố (trông nom), phục (săn sóc), phúc (bảo vệ). Còn gọi là "chín chữ cù lao (cù= công khó; lao= nhọc nhằn) Kinh Thi có câu: "Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao" (Thương xót thay cha mẹ, sinh ra ta khó nhọc).
(223)- *Man tướng* : tướng Man. Người Hán ngày xưa gọi người phương Nam, chưa khai hóa, là Man.
(224)- *Thị thiếp* : nàng hầu.
(225)- *Định kỳ nhập doanh*: hẹn ngày (đưa Mộc Lan) vào chỗ đóng quân của viên tướng người Man. Về hai câu 563-564 nầy, Đạm Trai phê: "Há lại có thể có truyện đem người đối với mình có ơn cứu sống, ép uổng hạ xuống, làm nàng hầu vợ lẽ được ư? Tên Man tướng thực chẳng còn mặt mũi nào! Hắn vô lễ đáng ghét, người đọc tới đây nổi giận bừng bừng, khiến tóc đều dựng ngược!"
(226)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Tai nghe ruột rối bời bời. (câu 547)

(227)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Một mình luống những đứng ngồi chưa xong. (câu2618)

(228)- *Chong bóng*: để đèn không tắt.
(229)- Về mấy câu 577-580 nầy, Đạm Trai phê: "Ai dè đâu ơn cứu sống cho người lại biến thành nghiệt chướng khiến mình phải chết oan. Máy trời, lòng người điên đảo đến thế là cùng; kẻ đọc đến đây có thể toát mồ hôi lưng, ướt áo".
(230)- Về mấy câu 583-586 nầy, Đạm Trai phê: "Độc giả nên giật mình hộ Đậu-nương, vì Hựu Lan khó có thể đưa tin đến La Thành; ngờ đâu xuống hồi sau, văn tình lại bỗng nhiên biến chuyển."
(231)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Trăm nghìn gửi lạy tình quân. (câu 751)

(232)- *Ngõ nàng* : hơi tối nghĩa. Theo cuốn tự điển của J.F.M. Génibrel (*Đại Việt quốc âm, Hán tự, Pháp thích tập thành*) thì chữ "Ngõ" có nghĩa là: 3... Montrer clairement, manifester. Faire connaitre... *Parler... Faire part de...* S'adresser à... Như vậy, chữ "ngõ" có lẽ là biến âm của chữ "ngỏ". "Ngõ nàng" là nói với nàng; trình bày (hơn thiệt) với nàng (để khuyên can nàng).

(333)- *Cổ tỉnh* : giếng cũ.

(334)- Về đoạn 591-596 nầy, Đạm Trai phê: "Mộc Lan chết oan khuất, thực đáng thương. Tuy nhiên chị không chết, em không nhận đấy được đẹp duyên *điểu cát* (điểu và cát là hai loại cây nhỏ leo và sống bám vào các cây lớn như cây tùng, cây bách, chỉ phận thứ phòng, vợ lẽ) – dẫn chữ *Kinh Thi*: thơ *Chu Nam, Kiều mộc* và *Tiểu nhã, Khuể bàn* – để làm bồi thấn cho Quân Trung Đối. Đây là phép làm văn "đổi cũ ra mới", khiến động tác tiến triển, đã cực kỳ thê thảm lại biến ảo bất ngờ".

(235)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Người sao hiếu nghĩa đủ đường. (câu 2653)

(236)- *Nhỡ* : như, giống như.

(237)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Thổ quan theo vớt vội vàng,
Thời đà đắm ngọc, chìm hương mất rồi. (câu 2637-2638)

(238)- *Tuyền đài* : phần mộ. Là chỗ hoàng tuyền (suối vàng), hay cửu tuyền (chín suối).

(239)- *Nấy* : phú cho, giao cho, ủy cho.

(240)- Về đoạn 601-610, Đạm Trai phê: "Hựu Lan đối với Đậu-nương chưa từng gặp mặt, lại không có ân tình, chỉ vì một lời của chị trối trăng mà quả quyết ra đi, không ngại nỗi khó khăn nguy hiểm dọc đường, không vì "cửa hầu sâu tựa biển" mà không dám vượt. Đành rằng nàng muốn báo chút nghĩa ở Diêm Cương buổi nọ, nhưng thực cũng bởi thương vay mối tình dang dở của ai kia ở thành Lạc-thọ, hiện đang uất ức khôn nguôi... Cho nên mới rắp đem hiệp khí tuôn mây hết sức cứu vớt kẻ khác cho thỏa tấm lòng từ, có dè đâu lại hiện ra con người trong chốn "hương phấn đài trang", thực là kỳ diệu!"

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A,B, C

– *la')* A, B: ngại ngần .– *lb) A. B)* nên xa.– *lc)* A, B: b chuốc.– *ld)* B: lệ sa.– *lđ)* C: mấy hàng.– *le)* A, B: có.– *le')* A, B: lại kíp. *lg)* A: mong chờ; B: đợi chờ.– *lh)* B: cũng.– *li)* C: từ câu 529 chép như sau

Tên cung nầy dấu năm xưa,
Với đây một bức phong thơ gửi nàng.
U-châu cũng giáp Bắc-phương,
Nàng về nẻo ấy ngang sang tiện đường.
Tiễn hành có mấy lạng vàng,
Con hầu ta cấp cho nàng hai tên.

– *li')* A: nghe lời.– *lk)* A, B: Viêm quan.– *ll)* C: Ân thâm.– *lm*) B, C: trở lại.– *ln*) C: lại.– *lo*) A, B: hai câu 543,544 chép là:

Sự tình mấy nỗi nằn nì,
Tạ từ Lan mới ra về cố hương."

– *lp)* C: tới.– *lq)* A: xe.– *lr)* C: sàng.– *ls)* A: khóc lóc.– *lt)* A, B: thở than.– *lu)* A, B: suối.– *lv)* A,B: tiếc tiếc.– *lx)* A,B: lại.– *ly)* A: gián.– *lz)* A, B: chẳng được.– *ma)* A, B: nàng. *mb)* A, B: trao.– *mc)* A, B: xưa.– *md)* A, B: Viêm quan.– *mđ)* A, B: vốn.– *me)* C: hỏi.– *mg)* C: lại.– *mh)* C: buồng.– *mh')* A,B: quê (chắc sai).– *mi)* A: vào doanh; B: vào dinh.– *mk)* A, B: đòi.– *ml)* A, B: thích.– *mm)* B: giong bóng; C: chung bóng.– *mn)* A, B: lựa.– *mo)* A, B: nhủ.– *mp)* A, B: tiếc.– *mq)* A, B: đã thế thì.– *mr)* A: nhẽ.– *mr')* A, B: nhủ.– *ms)* B: bé.– *mt)* Cả câu 580 nầy, bản C chép là: "Lấy uy báo đức báo mà ra đâu". *mu)* A, B: lại.– *mv)* A, B: "Nghĩ sao cho chị mới yên suối vàng".– *mx)* A: còn.– *mx')* A, B: chăng.– *my)* Hai bản A, B không có hai câu 589, 590 nầy.– *mz)* A, B: thoắt rồi.– *na)* A, B: dà.– *nb)* A: chút (chắc sai); B: trót (chắc sai).– *nc)* A, B: dở dang chiều.– *nd)* C: cho hay.–*nđ)* A, B: nửa.– *ne)* A: vớt; B: ruổi.– *ng)* A, B: quên nhời phó trao.– *nh)* A, B: sóng.– *ni)* A, B: người.

Hồi thứ Chín

Đưa thư tình, gái đổi bận đồ trai

(Truyền tình thư, nữ phục hoán nam trang)

Định ngày hành táng (241) đã yên, (242)
Ghi lời nấy[nk] (243) thác hầu truyền phong thư.
Nghĩ mình chút[nl] phận đào thơ,
Trong khi đường sá còn chờ yến oanh. (244)
Chước chi[nm] cho được thông hành, (245)
Phải cùng thị nữ[nn] cải hình[nn'] nam trang.
Áo quần gọn ghẽ[no] lên đường, (246)
Quan sơn trải[np] mấy nắng sương dãi dầu.
Tuần dư[nq] vừa tới[nr] U-châu,
Cửa thành may gặp quân hầu một tên.
Dần dà dẫn kể[ns] căn nguyên,
Đường xa khách lạ[nt] tạm phiền gởi thưa[nu]:
" Nầy tôi người[nv] Đậu Tiểu-thư,
Nầy tên[nx] Công-tử ngày xưa trận tiền.
Đưa vào để nhận dấu tin[ny],
Ở đây còn bức vân tiên sẽ trình."
Lạ thay mối chỉ cho thành,
Khi nên dắt lại như dành sẵn cho.

La Thành từ thủa gửi thư,
Đăm đăm ngày tháng một chờ hai trông [nz].
E người trên giá [oa] (247) tiếc công,

Hai thu chưa thấy nửa giòng tờ mây. (248)
Lại nghe Ngưu-khẩu bị vây,
Nước [ob] kia đã thế [oc] người nầy làm sao?
Lơ thơ [od] chồi liễu, bông đào,
Lạc loài hay đã thuộc [od] tay ai [oe]?

Tấc niềm như nấu như mài,
Lạ sao tin thước vang tai cớ gì ?
Chợt [og] đâu nhác thấy thị tỳ [oh],
Trước hiên cầm chiếc tên về dâng lên.
Bâng khuâng nhận [oi] dấu trận tiền,

Bằng [ok] ai đem ngọc Lam-điền trao tay.
Chốc [ol] đà năm sáu thu chầy, (249)
Lòng nầy mong mỏi tên nầy biết bao.
Hành nhân còn ở nơi nào [om]?
Kíp sai ra rước đưa [on] vào nhà trong.

Mời ngồi chưa kịp [op] thung dung,
Vội [oq] tay mở bức thư phong xem tường.
Rằng: " Từ giao ước [or] chiến trường,
Mấy lời dặn [os] ngọc thề vàng chưa quên.
Nào hay đôi ngả [ot] một phen,

Cơ đồ vương bá phút nên đổi dời.
Cửa Hầu rờ rỡ phương trời,

Lứa đôi đâu đến những người bèo mây. (250)
Dấu tình nộp [ou] lại tên nầy,
Giải (250') lời trên ngựa riêng tây thề bồi.

Ngập ngừng cất bút châu rơi,
Trăm nghìn gửi tạ [ov] lòng người cố nhân."
Cầm tờ nghiền ngẫm đòi lần [ox],
Đôi hàng lã chã nhuốm khăn quến bào [oy], (251)
Cung trăng kia mấy trùng [oz] cao,

Tấc son (252) dường ấy nỡ nào chẳng soi.
Mấy thu non nước xa xôi,
Những chồn lòng kẻ bên trời trông mong.
Lòng nầy đã [pa] phụ chi lòng,
Mà sao toan bẻ chữ đồng làm đôi [pb]? (253)

Ruột loan [pc] chín khúc bồi hồi,
Phong phong mở mở [pd] sụt sùi đòi cơn. (254)
Đương khi [pd] sầu não (255) châu chan,
La công vừa buổi [pe] thừa nhàn (256) xuống [pg] chơi.
Thấy tình công-tử ngậm ngùi,

Lòng ngờ mới hỏi khúc nhôi cớ gì?
Đưa thư kể hết vân vi,
Cười rằng: " Việc ấy lệ gì chẳng xong.
Nàng là thân thích Hậu cung, (257)
Ta làm biểu tấu Cửu trùng (258) ắt nên." (259)

La công thong thả trở lên,
Một mình lại giở [ph] vân tiên (260) chẳng rời.

Thấy sau tên họ rạch ròi,
Gọi là nghĩa muội (261) ấy người đưa thư.
Nửa tin nhưng lại [pi] nửa ngờ [pk],
Ngắm người rồi [pl] lại nhìn tờ đòi khi. (262)
Áo quần ra dạng nam nhi,
Mà sao dung sắc (263) có bề thanh tân. (264)
Giá nầy cũng giá nghìn cân,
Bởi đâu dun dủi [pm] xoay vần lại [pn] đây.
Một nhà may được sum vầy,
Người kia đáng chị, người nầy đáng em.
Hay đâu là chẳng thiên duyên,
Đã xe tơ đỏ [po] lại chen chỉ vàng [pp]. (265)
Hằng Nga [pp'] đã tỏ bóng [pq] gương,
Còn đem đá thử tuổi vàng xem sao. (266)
Mượn điều bả lả han chào [pr]: (267)
" Hành nhân có họ làm sao với nàng?
Ngỏ lời buổi mới được tường, (268)
Kẻo khi tân chủ (269) lỡ làng thất ngơi (nghi)". (270)
Dứt lời Hựu đã [ps] ứng lời: (271)
" Tôi cùng Công-chúa cũng người trong thân,
Anh em nhà [pt] bác họ [pu] gần,
Vốn là cật ruột [pv] tay chân trong ngoài.
Việc nầy chẳng lẽ nấy [px] (272) ai,
Vậy nên lại phải cho tôi đưa tờ [py]."
Nghe lời giả cách bơ lơ [pz]: (273)

"Hèn nào mà cũng trông như khổ (274) nàng.
Đã là [qa] thân thích họ hàng,
Xin đừng [qb] e lệ [qc] qua sang cùng ngồi." (275)

Làm chiều [qd] dạn dĩ [qd] vâng lời, (276)
Kẻo ta e ấp nữa người sinh nghi.
Vừa ngồi chưa kịp chuyện chi [qe],
Một hai chàng lại mời về chái [qg] (277) trong. (278)
Khuyên mời một tiệc thong dong,

Anh em trò chuyện giã (giãi) lòng làm quen. (279)
Rõ ràng ngọn đuốc kim liên, (280)
Hạnh khoe sắc thắm, sen thêm màu [qh] hồng [qi].
Lòng say chẳng tại chén nồng,
Chiều ngoài lơi lả, tình trong mặn mà.

Hỏi rằng: " Non nước cách xa,
May sao xui khiến đôi ta tương phùng.
Biết nhau trọng biết tấm lòng,
Cùng anh xin tạc [qk] chữ đồng nên chăng?" (281)
Điều đâu thực [ql], cợt dở chừng, (282)

Nghĩ mình lông vuốt khó bưng mắt người.
Tình nầy hẳn [qm] biết tình rồi,
Khôn bài [qn] thoái thác, khó [qo] lời nói năng.
Tía tai đỏ mặt bừng bừng [qp],
Liễu chừng ngại [qq] gió, hoa chừng e sương [qr]. (283)

Chán chường trong cõ [qs] tất gang,
Xem chiều khép nép lại càng say sưa. (284)

Cầm tay rằng: "Sự tình cờ, (285)
Thôi đừng bưng bít toan mờ nhau chi.
Một đời dễ mấy tương tri, (286)
Đã may gặp gỡ lấy gì làm duyên."
Thưa rằng: " Dạy thế sao nên, (287)
Cẵng [qs] (288) ngồi thong thả thiếp xin một lời.
Quan san lận đận [qt] xa khơi [qu],
Vâng lời khuê các tới nơi cửa hầu.
Phải tuồng Sở quán, Tần lâu [qv], (288')
Phải tuồng Lam ngọc (289) gieo cầu (290) cho nên.
Vẻ cho bèo bọt [qx] phận hèn,
Mà cho Công tử lỗi nguyền kim lan. (291)
Nào người [qy] đợi phượng chờ loan, (292)
Nào lời gắn bó keo [qz] sơn (293) dưới thành?"
Thấy nàng một mực sắt đanh,
Nặng tình bên nể, nén [ra] tình bên yêu. (294)
Rằng : " Nay chịu lỗi đã nhiều,
Vâng lời chẳng dám ép [rb] điều riêng tây.
Trăm năm xin ước từ đây [rc], (295)
Mà chờ Công chúa rd mai ngày nên chăng?"
Dứt lời Hựu [rd] lại thưa rằng:
" Một ngày gặp gỡ sao bằng duyên xưa, (296)
Cẵng [re] xin vẹn việc tiểu thư,
Bây giờ đã biết gửi thưa thế nào?"
Nghe lời mừng dạ xiết bao [rg],

Dâng đầy chén lục [rg'] khêu cao đuốc hồng.
Nửa rèm [rh] gió mát trăng trong, (297)
Dặn [ri] lòng thôi lại rộn [rk] lòng đòi khi. (298)

Rằng: "Đà ngàn nể muôn vì,
Non vàng chẳng nhẽ trở về tay không. (299)
Đành hay [rl] tuyết trắng giá trong,
Dám đem tấc bụi bợn lồng [rm] (300) gương ngân [rn].
Chẳng thân chút gọi là thân [ro],

May sao [rp] chăn thúy được gần hơi hương." (301)
Thưa rằng: " Dạy mãi chi trường [rq]; (302)
Nầy là tình thực [rr] xin chàng lượng suy,
Với nàng tôi chẳng họ chi [rr'].
Vâng lời nàng dặn [rs] vốn là chị [rs'] tôi.

Cũng vì phận ép duyên nài [rt],
Bỏ mình mà phó tờ bồi cho em.
Ngậm ngùi chịu lấy đưa tin,
Hồn thơm [ru] tưởng hãy theo bên mơ màng.
Tiện nghi bỗng chiếm duyên nàng,

Mặt nào thấy kẻ suối vàng mai sau?
Mặt nào chưa [rv] ráo giọt sầu,
Đã lòng trên Bộc [rx] trong dâu (303) ra gì? (304)
Dù chàng thực có nể vì,
Trong khi vắng vẻ, ai [ry] suy thấu tình? (305)

Ở đời mang lấy [rz] ô danh,
Thà [sa] như kẻ trước sạch mình cho xong!" (306)

Lời đâu kinh sợ hãi hùng,
Thưa rằng: Chẳng dám nặng lòng nữa đâu;
Muôn ngàn giữ ngọc dìn châu,

Phận nầy [sb] hoặc có [sb'] mai sau thế nào." (307)
Dạy người thêm đặt tửu hào, (308)
Một màu tiếp [sc] đãi trăm chiều nể nang.
Mái [sd] tây riêng dọn phòng hương,
Để cho thị nữ hầu nàng một bên.

Chú thích

(241)- *Hành táng* : làm lễ chôn cất.
(242)- Từ câu 609 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Chín: " Truyền tình thư, nữ phục hoán nam trang" = *Đưa thư tình, gái đổi bận đồ trai.*
(243)- *Nấy* : xin xem lời chú số 239: phú cho, giao cho, ủy cho.
(244)- *Yến oanh* : tên hai loài chim, con trống con mái thường đi đôi với nhau. Câu 612 nầy ý nói: Người con gái ra đi đường xa, sẽ có nhiều chuyện những chàng trai theo dõi quyến rũ, trêu cợt mình, khó lòng tránh khỏi.
(245)- *Thông hành* : đi suốt, không bị cản trở, vướng mắc.
(246)- Về đoạn 615-620 nầy, Đạm Trai phê: " Mộc Lan giả trai để thay cha tòng quân, không ngờ làm ngòi dẫn chuyện Quân Trung Đối nầy; giờ đây lại đến Hựu Lan giả trai đưa thư, vốn để làm trọn vẹn cái chí của chị mình, không ngờ lại biến thành tình tiết bồi thấn cho Quân Trung Đối. Con gái nhà họ Hoa cải trang, đổi thực làm giả, trẻ Tạo lại dựa ngay vào đấy mà đổi giả ra thực, quả là huyền ảo vô cùng!"
(247)- *Người trên giá*: dịch chữ Hán "*băng nhân*". Trong Tấn-thư, truyện "Nghệ thuật" chép: "Sách Đam giỏi đoán mộng. Linh-hồ-Sách đậu Hiếu-liêm, nằm mộng thấy mình đứng trên băng, cùng một người ở dưới băng nói chuyện; kể lại cho Đam, nhờ đoán giúp; Đam rằng: Trên băng là

dương, dưới băng là âm, vậy là việc âm dương; kẻ sĩ cưới vợ, kịp lúc băng chưa tan, vậy là việc vợ chồng. Ông ở trên băng cùng với người dưới nói chuyện; dương nói với âm, vậy là việc mối manh; ông nên làm mối giúp người; băng chưa tan mà việc hôn nhân thành tựu". Ở đây, "người trên giá" chỉ "kẻ làm mai".

(248)- Về hai câu 629-630, Đạm Trai phê: "Chớ vội trách kẻ làm mai mà lầm. Đã có sự sai lạc trong thư nói việc cầu hôn rồi đấy!"

(249)- Về mấy câu 641-646, Đạm Trai phê: "Đường Nhị Lang (Tần Thúc Bảo) dùng cung tên yên định bốn phương, sáu năm công nghiệp mới thành; La Công-tử dùng cung tên định mối lương duyên, sau sáu năm cũng nên được lứa đôi; việc tuy khác nhưng cùng một số năm cùng vật, cùng thời, nên dẫn ra đây, thêm một dịp mua cười cho độc giả".

(250)- Về hai câu 651-652 nầy, Đạm Trai phê: " Trong thư, kín đáo đem "thói đời ấm lạnh" buộc vào cho Công-tử, thực đúng phép "khích tướng" của kẻ dùng binh. Hay!"

(250')- Cụ Tử Bình phê: "Không tới gần nhau mà cũng không chia lìa, chữ *Giải* dùng khéo tuyệt!" – (Ý cụ Tử Bình muốn nói: *Giải* nghĩa là *Cởi*. Chỉ cởi ra thì vẫn *còn thắt lại được*. *Cởi* có phải là *cắt đứt* hẳn đâu. N.T.)

(251)- *Quến bào* : chính là chữ "*quện*" đọc trại ra. Quện có thể đọc thành: quyển, quện, quyến, cuốn... "Quện bào" là dây vào áo bào, làm ướt, làm thấm áo bào. Truyện *Phan Trần* cũng có câu:

Hạt châu lai láng *quyển bào* chưa phai. (câu 246)

(252)- *Tấc son* : tấc lòng đỏ như son: do những chữ Hán "thốn tâm" và "đan tâm" mà ra.

(253)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan chia gánh chung tình làm hai? (câu 3089-3090)

Về mấy câu 659-664 nầy, Đạm Trai phê: " Tuy tả nỗi lòng qua lời nói của Công-tử, nhưng chính có thể và nên viết thành thư hồi đáp cho Đậu-nương đọc. Thư đem tới dùng thực bút; ở đoạn nầy toàn dùng hư bút, nhưng tình cảm, lời văn xung đối, cực hay! Mới biết văn pháp nầy chịu ảnh hưởng *Đoạn trường Tân thanh* nhiều lắm".

(254)- Về hai câu 665-666 nầy, Đạm Trai phê: "Biết Đậu-nương hãy còn mà không biết rõ hành vi, Công-tử chỉ còn thổn thức, "nước mắt chan hòa", tình thực đáng cho ta ái ngại".

(255)- *Sầu não*: buồn rầu, bực tức.

(256)- *Thừa nhàn*: thừa lúc thong thả, nhàn rỗi.

(257)- *Hậu cung*: Chỗ các bà vợ vua ở. Đây ý nói Đậu Tuyến Nương đã được Đậu Hoàng -hậu nhận họ. (xin xem lại các câu 443, 444).

(258)- *Cửu trùng*: chín từng cao xa. Ở đây, trỏ Vua.

(259)- Về mấy câu 671-674 nầy, Đạm Trai phê: " Đang lúc "năm trong" (ngũ nội, tức là ngũ tạng) bị đốt cháy vì lửa tình, bỗng nhiên được cha dạy một câu, ví như uống liều thuốc mát. Khoan khoái rất mực! Sung sướng rất mực! "Lấy vợ thế nào? Ắt phải bẩm cùng cha mẹ" (chữ trong *Nam Sơn, Tề phong*). Lời nói ấy đáng tin thay.

(260)- *Vân tiên*: tờ giấy viết thư có vẽ mây. *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Chiếc thoa với bức tờ mây" (câu 735).

(261)- *Nghĩa muội*: em gái nuôi; người mình nhận làm em gái sau khi đã thề nguyền với nhau.

(262)- Về mấy câu 677-680 nầy, Đạm Trai phê: "Lúc vừa được thư, bảy tình điên đảo; bây giờ mới tỉnh lại mà nhận xét kỹ lưỡng; tả Công tử thần tình như vẽ. Nhưng... chưa được Lũng, đã mong Thục, kỳ!

(263)- *Dung sắc*: dung mạo (dáng dấp và vẻ mặ) và nhan sắc (vẻ đẹp).

(264)- *Thanh tân*: thanh là trong sạch; tân là mới. Có bề thanh tân là có vẻ trong trắng của người trinh nữ.

(265)- Về đoạn mấy câu 683-688 nầy, Đạm Trai phê:"Lang quân tình si, đừng có quá khen. Em Hoa, khó mà kể được làm em. Không những sắc đẹp, lại có khí hiệp, có lòng từ, giữ vững đức trinh, hiểu biết hơn người, đặt bày mưu giỏi. Trừ một điều: "số phận không bằng họ Đậu", có chịu nhường Tuyến-nương chăng nữa, là nhường Tuyến-nương *đánh giỏi* – (dịch chữ thiện chiến, có thể hiểu theo nghĩa đùa nhả) – đã tỏ lộ mà thôi".

(266)- Về hai câu 689-690 nầy, Đạm Trai phê: "Không những đem đá thử vàng, còn như có vẻ dùng bướm thử hoa, buồn cười thực!".

(267)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Trước xe lơi lả han chào" (câu 925).

(268)- Cụ Tử Bình phê: "La Công-tử, lần thứ nhất, lấy lời nói khéo để thử".

(269)- *Tân chủ* : khách và chủ.

(270)- *Thất ngơi* (*thất nghi*): không thích hợp; hoặc nếu viết chữ "nghi" khác, thì lại có nghĩa là: sai mất lễ tiết; sai phép tắc tiếp khách.

(271)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ nhất, bày đặt lựa lời để chống chế".

(272)- *Nấy* : xin xem lời chú 239.

(273)- *Bơ lơ* : trỏ bộ lơ lửng, như không biết chuyện gì. Cũng có nghĩa là vớ vẩn. Tỉ dụ như trong Phan Trần có câu:

Vội vàng làm khách bơ lơ. (câu 393)

(274)- *Khổ*: cỡ, vóc người.

(275)- Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ nhì, lấy việc ngồi chung (cùng ngồi) để thử".

(276)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ nhì, sửa, lựa dáng vẻ, làm ra điệu bộ để chống chế".

(277)- *Chái trong* : chái nhà trong. Chái là gian xép ở hai đầu nhà.

(278)- Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ ba, lấy việc chèo kéo mời ăn mời uống để thử".

(279)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ ba, dùng lối nói năng hàm hồ, không rõ ràng để chống chế".

(280)- *Kim liên* : ngọn đuốc cắm trên đài, trên đế hình hoa sen (liên) bằng vàng (kim) (hoặc thếp vàng).

(281)- Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ tư, dùng lối phá, mở điều giấu kín ra, để thử".

(282)- Câu nầy ý nói: "Điều đâu ỡm ờ, nửa như nói cợt nói đùa, nửa như nói thật".

(283)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ tư, đối lại bằng thái độ thẹn thùng, xấu hổ".

(284)- Về mấy câu 723-726 nầy, Đạm Trai phê: "Đậu-nương đấu trận cùng họ La, ngựa trắng biến sắc hóa "đen vàng" (chữ lấy trong thơ *Quyển Nhĩ, Chu Nam, Kinh Thi*); nay Hoa muội cùng ở chung một phòng với họ La, má phấn chợt đổi sang màu tía xẫm? Đại khái Đậu-nương chiến đấu mạnh mẽ, mà em Hoa thì khiếp sợ chiến trận, một

cười". (Lời phê nầy theo kiểu khôi hài, chúng tôi cứ dẫn ra đây, để ghi lại một lối đùa nhả bằng văn tự của các cụ nhà Nho ngày xưa, xin độc giả vui lòng nguyên lượng. N. T.)

(275)- Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ năm, cầm lấy tay để thử".

(276)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Một đời được mấy anh hùng. (câu 2183)

(287)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ năm, đem việc Đậu-nương ra để chống đối lại".

(288)- *Cẳng* : cũng dùng như chữ "*hãy*", chữ "*hẵng*".

(288')- *Phụ chú* : *Sở quán, Tần lâu*: (quán nước Sở, lầu nước Tần) 1) Theo tích vua Hoài Vương nước Sở đi chơi ở quán Cao Đường, mộng thấy người đàn bà đẹp, đến hầu chăn gối; xưng là thần nữ núi Vu Sơn, sớm làm mây, chiều làm mưa. 2) Và theo tích vua Mục Công nước Tần dựng một lầu cho con là Lộng Ngọc để đánh đàn thổi sáo. Ở đây, *Sở quán, Tần lâu* chỉ sự phóng túng của người con gái trong việc ân ái, đàn ca xướng hát.). (V.T.T.)

(289)- *Lam ngọc* : do bốn chữ "Lam kiều ngọc chử" (cầu Lam, chày bằng ngọc) nói thu lại. Cầu Lam bắt trên khe Lam (cũng gọi là Lam Cốc) ở phía Đông-nam huyện Lam-điền, tỉnh Thiểm-tây. Tương truyền nơi đây có Thần Tiên ở. Đời Đường, Bùi Hàng qua cầu Lam, vào hàng uống nước, thấy nàng Vân Anh đẹp, muốn xin cưới làm vợ; bà mẹ Vân Anh buộc phải đem chày ngọc lại giã thuốc nguyên sương. Sau Bùi Hàng được Tiên cho chày, đem lại giả thuốc, trăm ngày xong, cưới được Vân Anh, rồi hai vợ chồng cùng thành Tiên. (Lược theo Thái-bình quảng ký).

Phụ chú thêm về tích Bùi Hàng : Nguyên Bùi Hàng muốn đi tìm thuốc tiên để sống đời, giữa đường gặp một tiên nữ bảo: " Biết ông muốn đi tìm thuốc trường sinh bất tử, nên tôi cho ông một toa, để ông coi theo đó mà làm thì được". Bùi Hàng dở ra xem thì thấy bảo phải "đi đến cầu Lam, giã thuốc xong thì gặp Vân Anh"... (Bùi Hàng làm theo như vậy, nhờ đó mà cưới được Vân Anh như đã kể trên đây). Nguyên mẹ của Vân Anh đã có một cái cối bằng ngọc, nhưng thiếu một cái chày bằng ngọc nữa thì mới giã được thuốc tiên. Sau nhờ chày ngọc của Bùi Hàng đem đến mới luyện được thuốc trường sinh bất tử. Bà và hai vợ chồng Bùi

Hằng, Vân Anh uống thuốc ấy, thành tiên. Từ "Lam kiều" nghĩa bóng thường dùng để chỉ "nơi gặp gỡ với người đẹp để rồi có thể tính chuyện kết duyên với nhau". *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Xăm xăm đè nẻo Lam kiều lần sang" (câu 266); "Rằng mua ngọc đến Lam kiều" (câu 643). *Hai câu 745, câu 746 ý nói*: Hựu Lan không phải thuộc hạng người phóng đãng như nữ thần núi Vu Sơn tìm đến chăn gối với vua nước Sở, hay say mê nhạc vũ lãng mạn như Lộng Ngọc, con gái của Tần Mục-công, và cũng không phải có thói hẹn hò gọi trai đến cầu hôn như Vân Anh hay gieo cầu kén chồng như công chúa con của Hán Vũ-đế. (V.T.T.)

(290)- *Gieo cầu* tích gieo cầu lấy trong *Tam Hợp bảo kiếm*, truyện vua Vũ-đế nhà Hán kén Phò-mã. Công-chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm con rể nhà Vua (theo lời chú trong truyện *Thúy Kiều* của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim).

(291)-*Kim lan* : vàng cứng rắn, bền vững; hoa lan có hương thơm. Kim lan là nói giao tình kết hợp bền như vàng, khí vị thơm như hoa lan.

(292)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Nào người phượng chạ loan chung. (câu 89).

(293)- *Keo sơn* : dịch chữ "giao tất", vật dùng để dính, gắn, trỏ tình gắn bó với nhau.

(294)- Câu 742 nầy ý nói: Vì lòng nể nang Hựu Lan, nên phải đè nén lòng yêu xuống, không dám suồng sã vật nài.

(295)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Rằng trăm năm cũng từ đây. (câu 355).

Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ sáu, đem chuyện đính ước ra để thử".

(296)- Cụ Tử Bình phê: " Hựu Lan, lần thứ sáu, dùng lời nói khéo để từ chối".

(297)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Sinh rằng: Gió mát trăng trong. (câu 455).

(298)- Về hai câu 753-754, Đạm Trai phê: "Gió mát trăng trong!" *cái đêm hôm ấy đêm gì?* phòng riêng gặp người đẹp như Tiên, ngoại trừ Liễu Hạ Huệ ra, không ai cầm nổi được lòng, chẳng cứ riêng gì một mình La Công-tử".

(299)- *Bích Câu kỳ ngộ* có câu:

Tới non ngọc dễ ai nào về a ! (câu 152).

(300)- *Lồng* : phủ lên, trùm lên.

(301)- Cụ Tử Bình phê: "La, lần thứ bảy, đem chuyện chung chăn, chung giường ra để thử".

Về mấy câu 757-760 nầy, Đạm Trai phê: "Há lại có chuyện người tình chung chăn, chung chiếu suốt một đêm trường, mà giữ được không có việc gì xảy ra! Lời nói ấy đến gạt kẻ ngu đần còn chả nổi, huống chi đối với một bậc khuynh thành. Như La công-tử quả là "tâm lao" mà "đêm vụng". Một cười!

(302)- *Trường* : chữ "trình" đọc trạnh ra. "Trình" là thưa gửi. Câu nầy ý nói: Công tử dạy mãi, bảo mãi, ép tôi đem sự thật ra mà trình, thưa làm chi vậy?"

(303)- *Trên Bộc trong dâu* : dịch chữ Hán "Tang gian Bộc thương": trong đám dâu (ruộng dâu) trên bãi sông Bộc. Theo *Địa lý chí*, sách *Hán thư*, "Tang gian" trên sông Bộc, thuộc đất nước Vệ, trai gái thường tụ hội ở đấy rồi sinh ra chuyện "âm nhạc và sắc đẹp", do vậy tục truyền có tiếng ca Trịnh Vệ. Sau muốn trỏ thói trai gái tà dâm người ta thường dùng từ ngữ: "*âm thanh Trịnh Vệ*" và "*trên Bộc trong dâu*".

(304)- Về đoạn 701-772 nầy, Đạm Trai phê: "Đoạn nầy so với đoạn tả Thúy Kiều ngăn cản Kim Trọng trong Đoạn trường Tân thanh, đều cùng một màu sắc; "Gieo thoi trước phải giữ dàng" thực là đôi ngọc bích hoàn toàn không vết. Tuy nhiên Thúy Kiều xa xa dẫn truyện Thôi Trương để khiến lòng Kim Trọng cảm động, lời tuy chởm nhọn nhưng vẫn dịu dàng uyển chuyển; trái lại đây Hựu Lan nói thẳng như tên bắn vào việc chị mình phẫn uất quyên sinh. Vả nàng ngầm đem thái độ độc ác của viên Man tướng ra để kín đáo chỉ trích La Thành, lời nghiêm nhặt mà chua chát xót xa, khiến kẻ đọc phải kính yêu nàng; văn tình khẳng khái lâm ly, càng làm cho người ta sinh lòng nể sợ".

(305)- Đạm Trai phê: Đừng sợ người ngoài không xét thấy một cách rõ ràng sáng suốt; chỉ lo người trong cuộc lại khó mà tự tin ngay chính lòng mình. Một cười!"

(306)- Cụ Tử Bình phê: "Hựu Lan, lần thứ bảy, đem lời thề "chết trong còn hơn sống đục" ra để cự tuyệt".

(307)- *V*ề mấy câu 777-780 nầy, Đạm Trai phê: "Trai gái ngồi gần nhau trong phòng, lại thêm bảy phen thử nhau, mà rốt cuộc không dám để cho có truyện đáng tiếc xảy ra, ta kính trọng Hựu Lan vì lòng trinh được vững bền, nhưng rồi ta lại cười chàng công-tử họ La vụng về chất phác. Tuy nhiên không phải La không có thủ đoạn và không muốn hết lòng cầu cho kỳ được. Vì gặp phải kẻ khác, tương kế tựu kế, ngoài mặt giả vờ không biết, làm ra bộ thân tình mà gần gủi, nhân cùng nàng chén rồi sau sẽ chung giường... thì chỉn e đêm khuya, "sóng tình nhường đã xiêu xiêu", Hựu Lan khó giữ vẹn được mình! Song bậc trượng phu gặp cảnh gái đẹp kề bên, như ở trong trường hợp nầy, *nên vụng dại còn hơn xảo quyệt.*

(308)- *Tửu hào* : Tửu là rượu. Hào cùng nghĩa với chữ Hán là đồ ăn. Cũng có nghĩa là thịt thái lẫn cả xương. (Theo Thiều Chửu: *Hán Việt tự điển*).

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *nk)* A: phó.– *nl)* A: là.– *nm)* A, B: gì.– *nn)* C: thị thiếp (chắc sai).– *nn')* A, B: giả hình.– *no)* B: độn kỹ (chắc sai).– *np)* A: kể.– *nq)* C: nửa tuần.– *nr)* A,B: đến.– *ns)* A: kể hết.– *nt)* A,B: mới tới.– *nu)* A, B: gửi cho.– *nv)* A, B: họ.– *nx)* A, B: chàng (chắc sai).– *ny)* A, B: tên.– *nz)* A: mong.– *oa)* A, B: Nhị Hiền, Thúc Bảo.– *ob)* A: thành.– *oc)* A, B: vậy.– *od)* B: tơ tơ (chắc sai).– *od)* A: bẻ.– oe) Hai câu 633, 634 nầy bản C chép là:

Mạnh chi là sức liễu đào,
Anh hùng còn chửa tài nào lọ ai !

– *og)* B: bởi; C: bỗng.– *oh)* C: tiểu hề.– *oi)* B: nhìn.– *ok)* A: như.– *ol)* C: kể.– *om)* C: nào.– *on)* A, B: đón.– *op)* A,B: được. *oq)* C: trong.– *or)* C: Thưa rằng: "Từ thủa.– *os)* A: nhủ.– *ot)* A: đôi bụng (chắc sai); C: thôi

bỗng (?).– *ou)* C: nạp.– *ov)* A, B: lạy.– *ox)* A: ngần ngại xa gần.– *oy)* A: thấm khăn quyển bào.– *oz)* A: từng.– *pa)* A: có.– *pb)* C: hai.– *pc)* A, B: oanh.– *pd)* A, B: phong thư mở xếp.– *pđ)* C: cơn.– *pe)* B: thủa.– *pg)* A: đến.– *ph)* B: nghĩ.– *pi)* B: thôi đã.– *pk)* Câu 679 nầy, bản C chép: "Sự đâu có sự chẳng ngờ".– *pl)* A: mà.– *pm)* B: dun dẩy.– *pn)* A, B: vào.– *po)* A: dây thắm; C: tơ thắm.– *pp)* A: ken; C: xen tơ vàng.– *pp')* C: Thường Nga.– *pq)* A: đã thấp thoáng; C: đã xế bóng.– *pr)* A, B: Làm điều bã lã hỏi chào.– *ps)* A: Hựu lại; B: lời lại.– *pt)* B: họ.– *pu)* A: cũng; B: còn.– *pv)* C: lấy làm cật dạ.– *px)* A, B: cậy.– *py)* A, B: Vậy nên tôi phải chịu sai độ tờ.– *pz)* A: thơ mơ; B: mờ lơ.– *qa)* A, B: hay.– *qb)* A: đành điều (?); B: rằng dừng.– *qc)* C: nể lệ.– *qd)* A: đều.– *qđ)* A: dạn dễ (?).– *qe)* A: chửa kịp chuyện gì.– *qg)* A: phòng; B: ốc.– *qh)* B: vẻ.– *qi)* Câu 712 nầy, bản C chép: "Đào thêm vẻ thắm, sen thêm nét hồng".– *qk)* A, B: giám.– *ql)* A: thật.– *qm)* A, B: đã.– *qn)* A: liệu điều; B: liệu lời.– qo) A, B: khôn lời.– *qp)* C: tưng bừng.– *qq)* B: dạn gió.– *qr)* C: Liễu bằng thẹn gió, hoa bằng e sương.– *qs)* A: quãng; B: cuộc.– *qs')* A, B: gượng.– *qt)* A: muôn dặm; B: trần trặn (? e sai).– *qu)* A, B: xa xôi.– *qv)* A: lầu.– *qx)* C: bèo lạc.– *qy)* C: lời.– *qz)* A: giao sơn.– *ra)* A, B: nhẹ.– *rb)* A: có; B: lại.– *rc)* A: từ đầy (?) e là hai chữ "từ rày" in sai.– *rd)* A: Công chủ.– *rđ)* B: lời lại.– *re)* A: hãy; B: gượng.– *rg)* A, B: Nghe nhường ý tứ mừng sao.– *rg')* A, B: chén ngọc.– *rh)* A: đêm.– *ri)* A, B: nhủ.– *rk)* A: giọn (?).– *rl)* B: thay.– *rm)* A: bận lồng.– *rn)* Câu 758 nầy, bản C chép: "Khóa then đã một tấm lòng làm ngăn".– *ro)* C: Chiều nhau ngoài giả làm thân.– *rp)* C: nào.– *rq)* Bản C chép là chữ "trình" nghĩa là "thưa". Trình có thể đọc là chiềng. Tỉ dụ: "Lạy rồi, nàng lại rén (thưa) chiềng" (*Đoạn trường Tân thanh*, câu 773). Trình có thể đọc là trường. (Theo *Việt Nam tự điển* của Khai trí tiến đức).– *rr)* A, B: thật.– *rr')* A: gì.– *rs)* A, B: nhủ.– *rs')* A, B: vì.– *rt)* A: Cũng vì liễu ép hoa nài.– *ru)* A, B: Hồn hương.– *rv)* A: chửa.– *rx)* C: bãi.– *ry)* A, B: hãy.– *rz)* A: tiếng.– *sa)* C: thời.– *sb)* C: ta.– *sb')* C: đến.– *sc)* A: thết.– *sd)* C: chái.

Hồi thứ Mười

Tới viếng tang, chàng rể buộc duyên xưa

(Nghiễn tang thứ tân lang đề cựu hảo)

Trị trang (309) rồi mới [sd] gác yên, (310)
Toan ra biểu tấu Trường-an tiện đường.
Đợi [se] ban ngự chỉ (311) rõ ràng [sg],
Sẽ về Lạc-thọ rước nàng nghi gia". (312)
Hựu rằng [sh]: " Suy [si] dạ đàn bà,

Như [sk] lời công-tử lại ra bất tình. (313)
Tiểu thư lòng vốn [sl] đinh ninh, (314)
Một lời chưa dễ đã khinh ngàn vàng.
Bấy nay đòng bác (315) ngổn ngang,
Thưa tin [sm] chẳng lẽ [sn] trách chàng xa xôi.

Chỉn vì cuộc [so] thế đổi dời,
Không lời tôn mệnh (316), thiếu người băng nhân. (317)
Kể đà nghĩ ngợi [sp] muôn phần,
Mới [sq] cho sứ nhạn [sr] ân cần báo tin.
Nước non chẳng quản [ss] dặm nghìn.

Đưa thư xem ý, trả tên thử lòng. (318)
Luận [st] trong hai chữ tình chung,
Thuyền quyên há [su] phụ anh hùng chút nao?

Năm thu được [sv] bức thư trao,
Lẽ thời pha gió ruổi sao [sx] thấy nàng.

Tiến kinh vội đã [sy] tiện đường,
Mặt ai chưa giáp, tình chàng ở [sy'] đâu?
Lòng kia vốn tạc xưa sau,
Ép lòng lọ phải biểu tâu làm gì ?" (319)
Nghe lời kể hết vân vi [sz],

Hỏi rằng: " Đã vậy nên [ta] thì làm sao?"
Thưa rằng: " Trong [tb] nghĩa cựu [tc] giao, (320)
Nên sang Lạc-thọ mà vào [td] điếu tang. (321)
Một là cho thấu tình [td] chàng [te],
Hai là tiện thể rước nàng vu quy.

Dầu [tg] nàng quyết hẳn một bề, (321')
Sẽ ra biểu tấu thế thì mới [tg'] nên".
Khen lời thông nhẽ kinh quyền, (322)
Đè chừng Lạc-thọ băng miền ruổi sang. (322')
Xiết đâu [th] chép [ti] cảnh đường trường,

Xót người mong mỏi một phương tin nhàn.
Phong thư [tk] từ gửi Mộc Lan,
Tấc lòng hoài viễn (323) bàn hoàn (324) đòi [tl] khi.
Nhác trông chợt thấy [tm] thị tỳ,
Sự Lan sau trước đã về báo tin.

Ngập ngừng kể hết [tn] căn nguyên,
Một cơn mây tủi [to] gió phiền [tp] bởi [tq] đâu.

Chị em tôi chúa bấy lâu,
Gian nan [tr] tân khổ [ts] cùng nhau đã nhiều.
Thương thay tài sắc đủ điều,

Nghìn vàng thân ấy nỡ liều bỏ đi. (325)
Những rằng nhiều hợp ít ly,
Ai hay vĩnh biệt từ khi tiễn hành. (326)
Thư từ còn dở [tt] mối [tu] tình,
Nỗi nàng đã thế việc [tv] mình làm sao?

Giang sơn [tx] cách trở [ty] âm hao [tz], (327)
Cửa hầu tựa bể lối nào [ua] thông tin [ub]?
Cùng ai [uc] dở dói nỗi niềm?
Đêm đêm vừng [ud] nguyệt hoa đèn làm đôi [uđ].
Áo xanh chợt thấy bóng người [ue],

Kìa tên [ug] thị nữ cùng ai mới về [uh]. (328)
Ngửng [ui] trông thác (329) bức mành the, (330)
Hỏi rằng: " Ở lại việc gì bấy lâu?"
Thưa rằng: " Hoa tỉ trầm châu, (331)
Theo Hoa muội (332) đến U-châu đưa tờ.

Vâng lời công-tử dạy chờ,
Lên đường một lũ nay [uk] vừa tới nơi.
Có Hoa muội ở bên ngoài,
Nhủ [ul] tôi vào trước có lời gửi thưa".
Dần dà mới [um] kể tóc tơ,

Xem tờ [un] ngắm [uo] dấu sau xưa các điều.
Nghe lời lặng chẳng rằng sao,

Giục ra rước Hựu Lan vào kẻo lâu.
Rõ [up] ràng cây ngọc cành châu,
Xa xem khổ dạng (333) đã màu phương phi [uq]. (334)

Gọn gàng [ur] trang phục (335) nam nhi,
Khác nào Hoa tỉ [us] gặp khi [us'] trận tiền.
Gót sen vừa tới [ut] bên thềm,
Mới hay thần nữ xuống miền nhân gian.
Lòng riêng thôi nghĩ lại [uu] bàn,

Gặp con người ấy [uv] ai làm trượng phu? (336)
Mời vào trong trướng lưu tô, (337)
Chủ tân một tiệc, chuyện trò gần xa.
Dang [ux] tay chuốc [uy] chén la đà [uz],
Rằng: " Xưa lệnh tỉ vốn là [va] chị em.

Với nàng hiềm chửa được quen,
Mà nay lận đận [vb] nặng phiền [vc] nể thay.
Đã dời [vd] gót ngọc đến đây,
Kết nguyền xin lại nối ngày xưa kia".
Hựu rằng: " Ơn lượng chở che,

Cứu cho tiên [vd] tỉ thủa khi [ve] lỡ chừng.
Thiếp tuy khơi cách [vg] chưa từng,
Dẫu [vh] em như chị há rằng khác nhau. (338)
Đương cơn gió thảm mưa sầu [vi],
Lại vâng phó thác trước sau ân cần.

Ghé vai chịu lấy gánh ân,
Xa xôi bao quản nhọc nhằn quan sơn [vk].

Cửa hầu từ bắn [vl] tin nhàn,
Tình công-tử cũng ra nhường khôn nguôi.
Lên đường vội ruổi tới nơi,

Châu quan (339) còn rước nghỉ ngơi bên thành".
Lặng nghe đã thấu mọi tình,
Khoan thai lại chuốc chén quỳnh mời khuyên. (340)
Những là thết đãi chưa yên,
Lầu điều (341) nghe đã tiếng truyền tan canh.

Thước (342) đâu réo rắt [vm] bên mành,
Chợt tin công-tử bên thành tới nơi [vn].
Dừng yên xuống ngựa mái ngoài,
Sau đem một lễ dâng nơi linh sàng [vo]. (343)
Khiến người đón trước tế đường, (344)

Rằng: " Đà ơn đội tình chàng xa xôi [vp].
Chỉn nay tang sự đã rồi [vq],
Dám xin miễn lễ tạm ngồi thong dong [vr]".
Chàng rằng: " Khơi cách mấy đông,
Đã cam phụ chữ tình chung tại mình [vs].

Song xin xét lại thứ [vt] tình,
Quan san bao nả [vu], lửa binh nhường nào.
Bấy chầy [vv] viễn vọng khát khao,
Trước vào hành lễ, sau vào thỉnh [vx] an. (345)
Phải là dung thứ cho nên,

Mà sai lời dạy có bên cả nề?" (346)
Lũ hầu [vy] vâng mệnh [vz] trở về,

Chàng đà sửa áo trước hè bước lên.
Trước sàng [vz'](347) vừa cuốn bức rèm,
Hạ phi Tào-thị nhác trên [xa] chữ bài. (348)

Đăm chiêu [xb](349) mấy kẻ tôi đòi,
Bên người chuốc rượu, bên người dâng hương [xc].
Tả môn vừa hé then sương,
Đôi hầu phù vực một nàng bước ra.
Vóc quỳnh [xd](350) vận áo [xd] thôi ma, (351)

Nguyệt lồng kim cúc, tuyết pha hải đường.
Giây gai [xe] ren rén [xg] dễ dàng [xh],
Hãy còn bước bước sen vàng nở theo.
Não nùng một lét [xi] trăm chiều, (352)
So ngày trên [xk] ngựa nét nào có sai.

Sụp ngồi [xl] đáp lễ bên ngoài, (353)
Dầu đầu như có ngậm ngùi vẻ hoa.
Ngập ngừng cảm nỗi gần xa,
Khiến công-tử cũng châu sa ngắn dài. (354)
Án tiền bốn lễ vừa rồi,

Tiểu thư thoắt đã giở hài [xm] mái trong.
Đặt bày một tiệc tảo phong, (355)
Hữu biên tân vị (356) mời công-tử ngồi. (357)
Chực bên sẵn có con đòi [xn],
Thong dong chàng [xn'] mới gửi [xo] lời vào thưa.

Rằng: " Từ gặp gỡ [xo'] dưới cờ,
Chăm chăm tháng đợi năm chờ đến đây [xp].

Xây vần lại có ngày nay [xq],
Một lời xin dạy việc nầy cho xong [xr]".
Gái hầu lĩnh mệnh vào trong,
Giở ra mới thấy thủy chung lời nàng [xs].
Rằng: " Từ một ước [xt] chiến tràng,
Bên tai tưởng hãy mơ màng hôm qua.
Cũng vì thời thế khác xa [xu],
Người sang sao dám đem ta sánh bày.
Ơn lòng tri kỉ đã dày,
Nước non còn giữ lời nầy trước sau.
Dấu bèo từ lọt cung châu,
Chủ trương muôn việc mặc dầu lượng trên.
Vâng lời cố vấn (358) cần quyền, (359)
Biết đâu thưa lại là nên lẽ nào?"

Chú thích

(309)- *Từ* câu 785 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Mười: " Nghiễn tang thứ tân lang đề cựu hảo = *Tới viếng tang, chàng rể buộc duyên xưa.*
Trị trang : sửa soạn đồ đi đường.

(310)- *Gác yên* : đặt yên lên lưng ngựa, rồi buộc qua bụng ngựa cho vững chắc.

(311)- *Ngự chỉ* : lời, lệnh của vua truyền ra.

(312)- *Nghi gia* : do bốn chữ "Nghi kỳ thất gia" trong thơ *Đào yêu, Chu nam, Kinh Thi :* Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia. Ý nói con gái về nhà chồng, vợ chồng thuận hòa, cửa nhà êm ấm.

(313)- *Bất tình* : không có tình nghĩa.

(314)- *Đinh ninh* : vốn có nghĩa là "dặn dò"; dặn đi dặn lại hai ba lần; nói để phó thác, một cách trịnh trọng. Nhưng ở đây lại có nghĩa là "khăng khăng mình tự hẹn với lòng mình".
(315)- *Đòng bác* : Đòng là giáo nhọn như đòng đòng. (Đòng đòng là bông lúa non chưa nứt màng). Bác là súng lớn. Tỉ như trong *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Bác đòng chật đất, tinh kỳ rợp sân" (câu 2314) (Theo *Tự điển Khai trí Tiến đức*). Hoặc nếu viết chữ "*chinh*" tức là súng bằng đồng, thì chữ ấy đọc là "pháo", nhưng ta quen đọc là "bác".

Câu 793 ý nói bấy lâu nay luôn luôn có những giao tranh, đánh giết lẫn nhau.
(316)- *Tôn mệnh* : lời truyền bảo của bậc bề trên, đáng kính trọng. Đây tức là lời truyền bảo của cha mẹ.
(317)- *Băng nhân* : xin xem lời chú số 247 (người làm mối).

Về hai câu 795, 796 nầy, Đạm Trai phê: " Xem lời nói của Hựu Lan, đủ thấy rõ ràng lòng nàng thương Đậu tiểu thư rất mực".
(318)- Đạm Trai phê: " Khám phá ẩn ý của tiểu thư như thấu suốt ruột gan nàng vậy, Hựu Lan có một sức hiểu biết tuyệt cao!"
(319)- Đạm Trai phê: " Trông thấy lẽ phải thật là xác đáng".
(320)- *Cựu giao* : bạn bè chơi với nhau đã từ lâu. Đây nói hai bên ước hẹn đã được năm năm trời (tức là người cũ).
(321)- *Điếu tang* : viếng người chết và hỏi thăm không may của những người thân thích của kẻ chết (Theo Thiều Chửu).
(321')- *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Nàng rằng: "Đã quyết một bề" (câu 1421).
(322)- *Kinh quyền* : Kinh là nói đạo thường. Kinh cũng có nghĩa là đường dọc, sợi thẳng. Quyền là quả cân. Cũng có nghĩa là cân lường. Gặp lúc biến, phải cân nhắc mà *làm cho phải lẽ, tuy việc ấy trái với đạo thường.* Chữ "quyền" đối với chữ "kinh".

Đạm Trai phê: "Em Hoa tính toán như luận việc binh mà công-tử yêu điều lành như yêu sắc đẹp".
(322')- *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang" (câu 1710).
(323)- *Hoài viễn* : nhớ người ở xa; ý nói Đậu-nương nhớ La công-tử.

(324)- *Bàn hoàn* : quanh co; ý nói Đậu-nương nghĩ ngợi quanh co.
Phụ chú. Phân biệt với chữ "*bàng hoàng*" (viết có g) có nghĩa là "bối rối, bực tức, không yên" (theo Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị, 1895)*, và cũng có nghĩa là "ý nghi ngại hoặc không chủ định" (theo Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển).* (V.T.T.).
(325)- *Đoạn trường tân thanh* có câu: " Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?" (câu 2804).
(326)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu: " Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!" (câu1680).
(327)- *Âm hao* : tin tức.
(328)- Về hai câu 839-840, Đạm Trai phê: "Đi đến một nơi nước thẳm non cùng, tưởng là hết lối thoát ra, ai ngờ bỗng lại có một con đường tươi sáng. Sung sướng thực!"
(329)- *Thác* : mở ra, vén lên.
(330)- *Mành the* : đồ dùng để che, làm bằng thứ hàng dệt tơ, không bóng (Theo *Tự điển Khai trí Tiến Đức*).
(331)- *Hoa tỉ trầm châu* : Hoa tỉ là cô chị, họ Hoa, trỏ Mộc Lan. Trầm châu là hạt châu chìm xuống nước. Ý nói Hoa Mộc Lan đã chết (Nàng gieo mình xuống giếng : câu 592).
(332)- *Hoa muội* : cô em gái họ Hoa, trỏ Hựu Lan.
(333)- *Khổ dạng* : cỡ người và hình thể, dáng vẻ.
(334)- *Phương phi* : đẫy đà đẹp đẽ (Theo *Tự điển Khai trí Tiến đức*).
(335)- *Trang phục* : bộ dạng, cách thức ăn mặc.
(336)- Đạm Trai phê: " Chính tự mình nghĩ đến "trượng phu" – (trượng phu còn có nghĩa là "chồng") – lại thay người nghĩ đến "trượng phu", suy bụng ta ra bụng người, có thể gọi là "thứ" vậy. (Chữ trong thiên *Vệ Linh-công*, sách *Luận-ngữ*). Một cười!"
(337)- *Lưu tô* : đời cổ lấy lông chim năm sắc, buông rủ xuống dùng để tô điểm; phàm xe ngựa, lâu đài; rèm trướng đều trang sức như vậy cho thêm đẹp, gọi là "lưu tô".
(338)- Về mấy câu 863-872 nầy, Đạm Trai phê: " Lời thề "*tên đạn*", năm xa, việc lạnh; Đậu tiểu-thư tuy còn, nhưng La công-tử hiện thời ra sao không biết, thiết tưởng sau khi Mộc Lan đã chết, trừ phi Hoa muội, hỏi

ai là kẻ làm mai? Huống chi Hoa muội lại khéo điều đình, trù liệu mọi việc rất khôn ngoan, ví dù: "Mặt người năm trước, hôm nay lại chiếu ánh hoa đào", ắt trong Quân Trung Đối, công của nàng là "*đệ nhất công*", mà ơn của nàng là "*ơn vô lượng*". Hèn chi Đậu Tuyến-nương không ghi lòng tạc dạ, không dám đem danh phận "sắn bìm" ra đối đãi; trong văn chương có phần bồi thấn (phụ giúp vào) như thế, càng như trên gấm thêm hoa".

(339)- *Châu quan* : vị quan cai trị ở châu.

(340)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu: "Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan" (câu 3190).

(341)- *Lầu điêu* : chòi canh; quân lính dùng "điêu đẩu", một thứ đúc bằng loài kim, to bằng cái đấu, ngày thì thổi cơm, đêm thì gõ cầm canh (Theo Thiều Chửu).

(342)- *Thước* : con chim bồ-các, tức là "chim khách".

(343)- *Linh sàn* : giường thờ người chết lúc chưa chôn. Ở đây chỉ có nghĩa là giường thờ.

(344)- *Tế đường* : nhà thờ, nơi để cúng lễ theo nghi tiết long trọng.

(345)- Về mấy câu 895-898, Đạm Trai phê: "Chẳng những công-tử biết Lễ và cũng thuộc Thi. "Chợt thấy áo trắng (áo tang) chừ, lòng ta xót thương chừ, cẵng cùng với nàng cùng về chừ (ý nói: cùng chia nỗi buồn rầu, đau đớn)" – (Dẫn thơ *Tố quan, Cối phong, Kinh Thi*: Thứ kiến tố y hề, ngã tâm thương bi hề, liêu dữ tử đồng quy hề),

(346)- *Cả nể* : nhiều e ngại, câu chấp (câu nệ).

(347)- *Sàng* : giường. Đây tức là linh sàng, giường thờ.

(348)- Về hai câu 903-904 nầy, Đạm Trai phê: " Con rể đến nhà vợ, chưa yết kiến ông Nhạc còn sống sờ sờ, đã vào lễ trước giường thờ bà Nhạc, kỳ!"

(349)- *Đăm chiêu* : bên phải, bên trái.

Phụ chú : Nguyễn Khuyến khóc vợ, có câu: "Nhà tớ thực nghèo thay! Chỉ nhờ bà hay lãm hay làm, thắt lưng bó que, sắn váy quai cồng, tất tưởi *chân đăm, chân chiêu*, vì tớ đỡ đần trong mọi việc". (chân bên phải, chân bên trái). Phân biệt với "*đăm chiêu*" nghĩa là "có ý lo nghĩ" do chữ Hán đọc là "đam", ta đọc thành "đăm", nguyên nghĩa là "sập mắt

nhìn xuống không chớp", như trong chữ "nhìn đăm đăm", " có vẻ đăm chiêu", (theo Vũ Văn Kính, *Tự điển chữ nôm).* (V.T.T.).

(350)- *Vóc quỳnh* : thân người như ngọc quỳnh.

(351)- *Thôi ma* : áo tang may bằng sợi gai.

(352)- *Về mấy câu 907-914 nầy*, Đạm Trai phê: "Khi cánh cửa tú phòng chuyển mở, cũng chính là lúc đồng tử tân lang chuyển hướng; đoạn nầy trước tả thị nữ, thứ tả y phục, thứ nữa tả dáng dấp, rồi tả bước đi, mắt liếc, có tầng lớp thứ tự; mọi chi tiết đều lọt vào con mắt công-tử nhận xét rất tinh vi. Người thiếu nữ sô gai, gầy gò, bỗng linh hoạt trở nên trang quốc sắc giai nhân, nét vẻ uyển chuyển thần tình, mà vẫn ăn khớp với dư hưởng "*kỳ cân như lư*", thật là khéo tuyệt !" (*kỳ cân* là khăn màu xanh lợt; *như lư* là loại rễ cây, loại cỏ dùng nhuộm đỏ được; đây là áo màu đỏ. Cả hai từ ngữ "kỳ cân, như lư" đều dùng trỏ y phục tầm thường của người đàn bà nghèo nàn, hủ lậu, nhưng được chồng quí trọng mến yêu, Đạm Trai lấy mấy chữ nầy trong thơ *Xuất kỳ đông môn*, ở *Kinh Thi*, phong nước Trịnh).

(353)- Đạm Trai phê: " Vợ đối với chồng, chưa làm lễ "giao bái", đã làm lễ "đáp bái", lại cũng kỳ!"

(354)- Đạm Trai phê: " Công tử lúc bấy giờ vốn có hai bộ nước mắt: một ngắn, một dài. Bộ ngắn để khóc bà Nhạc qui tiên; bộ dài để khóc vì cách biệt người bạn kinh bố quá lâu ngày; nhưng nói tóm lại một câu, khóc chính nên đổi ra cười, mà kẻ đọc cũng nên cười cái khóc của La công-tử".

(355)- *Tảo phong* : quét sạch, trừ hết những khí độc của gió, sương nhiễm vào mình trong khi đi đường. Cũng như chữ "tẩy trần".

(356)- *Tân vị* : chỗ ngồi dành cho khách.

(357)- Đạm Trai phê: " Khi trước, dùng tên đạn thề hẹn, do Quân lễ mà nên Gia lễ (lễ cưới); bây giờ đem rượu hương sang viếng, do Hung lễ dẫn vào Cát lễ; sau hết, trên thềm, chủ vị bỏ trống, công tử nghiễm nhiên một mình ngồi Tân vị, thế là Quân Trung Đối có đủ *ngũ lễ,* mà đều theo phép *xử biến,* há chẳng cũng rất kỳ!" (Theo lễ đời Chu, năm lễ là Cát (tốt lành), Hung (xấu dữ), Quân (lễ khi dùng binh), Tân (lễ tiếp khách) và Gia (lễ cưới).

(358)- *Cố vấn*: đoái (tưởng) đến mà hỏi.
(359)- *Cần quyền*: gắn bó một cách ân cần, khẩn thiết.

Hiệu đính chính bản Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *sđ)* C: định ngày cất gánh.– *se)* A, B: đãi.– *sg)* A,B: tỏ tường.– *sh)* B: Lan.– *si)* A: tuy.– *sk)* B: nghe.– *sl)* C: chẳng.– *sm)* A : rằng.– *sn)* A, B: dễ.– *so)* B: thời.– *sp)* B, C: nghị.– *sq)* A, B: phải.– *sr)* B: điệp.– *ss)* A, B: ngại.– *st)* A, B: chọn.– *su)* C: đã.– *sv)* C: đặng.– *sx)* B: bờ gió, lối sao.– *sy)* C: đã vội.– *sy')* A: để.– *sz)* C: ngẫm nghĩ một khi.– *ta)* A, : Nàng nghĩ thế.– *tb)* B: nhớ.– *tc)* C: cố.– *td)* C: viếng.– *tđ)* A, B: thấy mặt.– *te)* A: nàng.– *tg)* B: dù– *tg')* C: phải.– *th)* A, : bao.– *ti)* A, B: đáp (chắc sai!).– *tk)*.– B: thư phong.– *tl)* C: từng.– *tm)* C: thấy một.– *tn)* A: mới kể; B: hỏi hết.– *to)* A: mưa xót; B: mây xót.– *tp)* C: mưa phiền.– *tq)* C: ở.– tr) A: nếm cay; B: ngậm cay.– *ts)* A, B: ăn đắng.– *tt)* A, B: cùng giở.– *tu)* A, B: một.– *tv)* A, B: nỗi.– *tx)* C: Giang thiên.– *ty)* A: dán; C: diễn.– *tz)* A, B: tiêu hao.– *ua)* A, B: lối vào.– *ub)* A: khó; B: cho (e sai).– *uc)* A, B: cùng nhau (chắc sai).– *ud)* A, B: bóng.– *uđ)*: Sau câu 838 nầy, hai bản A và B có thêm hai câu: "Ba tuần luống những ngậm ngùi,Yến oanh trắc trở, tơi bời tưởng ai".– *ue)* A: thoáng bóng bên ngoài; B: thoảng bóng bên ngồi.– *ug)* A, B: kìa kia.– *uh)* A, B: với ai cùng về.– *ui)* A: ngóng.– *uk)* A: đã.– *ul)* A: dặn.– *um)* B: lại.– un) B: điều (e sai).– *uo)* A: nhầm (e sai).– *up)* B: rõ.– *uq)* Từ câu 841 trở xuống, đến câu 654, bản C chép như sau:

Trước doanh kể hết vân vi,
Từ khi thượng lộ đến khi tiến thành.
Vâng lời nghỉ lại công dinh,

Đợi chờ công tử trị hành cùng đi.
Nay công tử trú thành kia,
Nàng Hoa muội đã cùng về với tôi.
Dừng chân hãy ở bên ngoài,
Còn e đường đột phải lời thưa qua.
Nghe lời mừng một đặng ba,
Sửa giày thay áo vội ra rước vào.
Nhác xa cây ngọc cành dao,
Vẻ mai chẳng kém sắc đào một ly.

– *ur)* B, C: sẵn sàng.– *us)* C: người chị.– *us')* A, B: ngày đi.– *ut)* A, B: gót tiên gần đến.– *uu)* A, B: những nghĩ.– *uv)* A: thế.– *ux)* B, C: cong.– *uy)* A: rót.– *uz)* C: tảo phong. Hai câu 861, 862 ở liền trên, bản C chép là:

Vầng trăng vằng vặc đêm thu,
Khuyên mời một tiệc, chuyện trò thong dong.

– *va)* C: cùng.– *vb)* A, B: lặn suối (e sai).– *vc)* A: nguyền.– *vd)* A: dã giời (e sai); C: đã nhờ.– *vđ)* A: tiểu; B: tiện.– *ve)* C: thủa đi.– *vg)* A: gián; B: diễn.– *vh)* B: dấu (e sai).– *vi)* C: ai oán thảm sầu.– *vk)* C: quan san giám ngại nhọc nhằn xa xôi.– *vl)* A: bận (e sai).– *vm)* A: véo vót.– *vn)* Từ câu 876 trở xuống, trong đoạn 10 câu (877-886) nầy, bản C chép như sau:

1- Trướng hoa giao bái lễ rồi,
2 - Khoan thai lại chuốc chén mồi mời khuyên.
3 - Vui người vui chuyện suốt đêm,
4 - Nhỏ to kể hết nỗi niềm tóc tơ.
5 - Hựu rằng: " Buổi mới đưa thư,
6 - Nguyên vì chữ "muội" trong tờ hở đuôi.
7 - Tôi còn bưng bít dấu người,
8 - Chịu ngồi đối mặt, chịu mời làm anh.
9 - Dần dà ra ý thử thanh,
10- Cố cùng phải nói tận tình mới thôi".

11- Tiểu thư thấy nói mỉm cười,
12- Rằng: " Ai ai cũng lòng người yêu hoa.
13- Đôi ta cũng bạn đàn bà,
14- Ví làm công tử chẳng mà thế ru?"
15- Cùng nhau cợt diễu chuyện trò,
16- Phù tang đã gác vầng ô đầu cành.
17- Thước đâu một tiếng trước doanh,
18-- Chợt tin công tử bên thành mới sang".

Phụ lục – Về câu 1 và 2 , Đạm Trai phê: "Tiệc rượu đêm nay không phải vì người khách đến chơi Lạc-thọ nâng chén tẩy trần, mà còn vì Quân-Trung-Đối thưởng kẻ đầu công; rất nên uống cho say vùi! vui thực!"

Về mấy câu 5-10, Đạm Trai phê: " Hựu Lan nghỉ trong nhà riêng họ La, qua mấy đêm liền, hình tích đáng ngờ, khó nỗi tự biện minh; may có thị tỳ Đậu-nương theo hầu liền ở bên người, có thể thay làm ngọn đèn soi trong bóng tối. Cho nên khi giải bày mọi nỗi, Hựu Lan cười nói vui vẻ, nhẹ nhàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, văn tình bỗng trở nên trong trẻo, thư sướng vô cùng".

Về mấy câu 12-18, Đạm Trai phê: "Không tiến tới, không dứt lìa, cao tuyệt! Vì Đậu-nương lúc nầy khen La một câu, cố nhiên không được, mà ngay như khen Hoa một câu cũng không được nốt, bởi nếu khen Hoa, ấy tức là mạt sát La. Đây chính là kỹ thuật của một cây bút lành nghề, biết tránh chỗ "thực" đánh vào chỗ "hư", và chỉ ba câu 12-14 đã lược bớt được bao nhiêu giây bí giây bầu, mới biết kẻ ít nói còn hơn kẻ nhiều lời vô ích". (N.T.)

– *vo)* Bản C không có hai câu 887-888 nầy.– *vp)* Hai câu 889-890, bản A và B chép: Dạy người nghinh lễ vội-vàng, Tấm lòng muôn dội dặm tràng xa xôi.

– *vq)* A, B: đáp lễ thiếu người.–*vr)* A, B: thiểu thư.– *vs)* Hai câu 893-894, bản A và B chép là: Chàng rằng chốc mấy năm thừa, Đã xin (B: nên) cam chịu vi (B: bỏ) sơ tại mình.

– *vt)* A: đôi; B: trốn (chắc sai).– *vu)* C: lộ trình là thế.– *vv)* A: bây giờ.– *vx)* A: vấn.– *vy)* C: gái hầu.– *vz)* A: lĩnh mệnh; C: vâng dạy.– *vz')* B: giường.– *xa)* A: lên.– *xb)* A: đem deo (chắc sai).– *xc)* A, B: mời xuân (chắc sai, vì lạc vần).– *xd)* B: buộc quần (chắc sai).– *xđ)* C: vấn bức.– *xe)* B: sô gai.– *xg)* A: rén bước.– *xh)* A, B: dịu dàng.– *xi)* A, B: một bước.– *xk)* B: lên ngựa.– *xl)* A, B: rắp ra.– *xm)* C: trở giày.– *xn)* C: kẻ tôi đòi.– *xn')* A: nàng (chắc sai).– *xo)* C: trao.– *xo')* A, B: mật ước.– *xp*) B: nay.– *xq)* A, B: may có ngày rày.– *xr)* C: làm sao.– *xs)* C: Gái hầu vâng mệnh bước vào. Trở ra mới kể âm hao cùng chàng.– *xt)* A, B: một bước.– *xu)* A, B: một chữ cách xa.

Lạy thềm rồng, cung thẳm buộc giây tơ

(Bái long trì, thúy dịch khiên ty)

Nghe lời dám gạn lời sao, (360)
Việc nầy chẳng kẻo tâu vào nhà vương[xv]. (361)
Đinh ninh từ biệt với nàng[xx],
Vó câu thẳng ruổi[xy] dặm tràng vào kinh[xz].

Nắng sương kể mấy nhật trình,
Hai tuần vừa thấy tới[ya] thành Trường-an[yb].
Khách đình[yc] tạm trú chinh yên, (362)
Tìm nhà Thúc Bảo trao tin thiếp hồng.
Quân hầu chuyển báo[yd] doanh trung,

Tần công kíp khiến[yd] rước công tử vào.
Trước hiên[ye] mừng rỡ đón chào,
Hàn huyên cùng giãi khát khao bấy chầy.
Tửu hào một tiệc đặt bày,
Thong dong lại giở[yg] truyện ngày năm xưa. (363)

Tần rằng[yh]: " Trước thấy có thư,
Cậy tôi giúp sức[yi] tin đưa[yk] Nhị Hiền.
Song mà Đơn nữ[yl] Ái Liên,
Thất gia (364) vốn đã kết nguyền cháu đây.
Quan sơn[ym] binh lửa bấy nay,

Những là công vụ [yn] nên chầy phục thư ". (365)
Thấy lời, [yo] công tử ngẩn ngơ,
Giờ lâu nghĩ ngợi [yp] chửa [yq] thưa nên lời. (366)
Sự đâu ngán lẽ, nực cười,
Tề huynh há phải là người sai ngoa ?

Tần công truyền [yr] lấy tờ ra,
Phong còn [ys] dấu cũ, tờ [yt] đà chữ ai. (367)
Nhạc vàng sang sảng bên tai [yu],
Chợt vừa Quốc Viễn lại chơi [yv] buổi nhàn.
Mời ngồi tân chủ đã an,

Cầm tờ [yx] chàng mới hỏi han sự tình [yy].
Tề rằng: " Thủa ấy [yy'] hồi trình, (368)
Gặp quân Hạ đuổi Man binh bên đèo [yz].
Đương khi ngọc đá hỗn hào,
Hạ quân bắt lấy đem vào hỏi tra.

Ví không [za] có bức tờ hoa,
Thì ai [zb] biết rõ [zc] cho là hành nhân.
Kế cùng chẳng lẽ trần trần [zd], (369)
Phải đem tờ nạp trong quân [zd'] làm bằng. (370)
Tuyến nương đường có ý mừng [ze],

Thu tờ giữ lấy [zg] dùng dằng suốt đêm [zh].
Dầu xem, dầu chẳng [zi] mở xem,
Đến [zi'] khi phó trả còn [zk] niêm rành rành". (371)
Nghe lời chàng đã hay [zl] tình,
Vì người mà chẳng vì mình, mấy gan !

So cùng thư gửi Hựu Lan,
Hai tờ dấu chữ như in một người [zm].
Tần Tề [zn] gạn hỏi khúc nhôi,
Khen rằng: " Có tiếng trong đời chẳng nhưng". (372)
Thốt thôi [zo] cả mở tiệc mừng,

Dặt dìu chén chúc [zp], chưng lừng [zq] (373) khúc ca.
Đêm khua bước nguyệt ngồi hoa,
Lời đồng tâm nức một nhà chi lan.
Thẻ rồng khắc đã lụn [zr] tàn.
Chín lần cửa mở [zs], trăm quan vào chầu [zt].

U-châu bản quy dâng tâu,
Cậy quan Thái giám đón hầu Hậu phi [zu].
Dạy rằng: " Khói cách biên thùy,
Lão thần phải có việc gì đến ta?"
Truyền cho mở tấu [zv] xem qua,

Mới hay là việc hai [zx] nhà kết duyên.
Cười rằng: " Cửa tướng con hiền,
Nhắc cân tài sắc đã nên cân [zy] bằng.
Đôi nơi cũng một cung trăng,
Tay ta xe mối xích thằng này cho [zz] ".

Cắt người kíp ruổi đình phô [a'a], (374)
Ban bài (375) lấy Đậu tiểu thư vào hầu.
Nội quan [a'b] (376) vâng mệnh giong câu, (377)
Hai tuần gióng giả [a'c] mới hầu tới nơi.
Vâng lời nội chỉ (378) truyền đòi,

Tiểu thư sắm sửa mới dời chân ra [a'd].
Hựu Lan xin ở lại nhà,
Một hai nàng cũng ép ra một đoàn.
Gót hoa vừa tới [a'd] Tràng-an,
Cung môn đã có [a'e] nội quan đưa vào.

Thoát nhìn [a'g] Vương-hậu hỏi chào [a'h]:
" Tuyến nương đã những ngày nào mới ra.
Ngày rày có biểu [a'i] họ La,
Việc người mà lại [a'k] đến ta tâu bày.
Lứa đôi xem cũng xứng tày,

Lòng ta đã định chọn [a'l] ngày kết nhân." (379)
Tâu rằng: " Lạm dự trong thân,
Nhờ công gây dựng bằng ân sinh thành.
Xót [a'm] còn dở một mối tình,
Tấc niềm canh cánh [a'n] bên mình chưa an.

Thiếp xưa vốn với Mộc Lan,
Chị em trót đã đa mang chữ tình [a'o].
Từng phen cửa khuyết nộp [a'p] mình,
Từng phen chầu chực hậu đình (380) có nhau.
Chẳng may tảo phận [a'q] trầm châu, (381)

Em là Hựu lại nối sau kết nguyền.
Phận hèn dầu đội ơn trên,
Cũng trao duyên mới [a'r] cho tuyền nghĩa xưa." (382)
Nghe lời minh bạch tâu thưa,
Sai quan cho triệu Hoa-thư vào chầu.

Mảng (383) đòi nàng chẳng dám lâu,
Theo chân nội giám khấu đầu trướng loan.
Nhìn xem con trẻ khôn ngoan,
Khen rằng đọ với Mộc Lan một nhòng [a's]. (384)
Sự nầy thật sự lạ lùng,

Tay xe một sợi chỉ hồng được hai [a't].
Truyền quan trạch nhật [a'u] ngày mai,
Để cho ba họ kết đôi lấy ngày.
Tin xuân một xuống năm mây,
Hoa cười hạnh uyển [a'v],(385) hương bay tiêu phòng [a'x] (386).

Phấn vua rạng rỡ [a'y] má hồng,
Thềm ly (387) sáu nhạn [a'z] (388) sân rồng trăm xe. (389).
Cùng nhau bái tạ [b'a] đan trì, (390)
Một đoàn xe ngựa ra về thong dong. (391)
Tiện [b'b] đường trước đến Đậu công,

Khấu đầu chàng mới giãi lòng xưa sau.
Cảm tình cách biệt bấy lâu,
Tiểu thư đòi [b'c] trận giọt châu chan hòa.
Hựu Lan dập [b'd] lạy (391') trình qua:
" Mộc Lan tảo phận, tôi là con em",

Một cơn rộn rã [b'đ] dưới thềm,
Xui lòng thiền định [b'c] (392) bỗng nên bồi hồi [b'g].
Đường kia nỗi nọ tơi bời,
Phần mừng con đến [b'h] phần vui rể hiền.
Phần ngừng [b'i] (393) thân phận [b'k] già chiền [b'l], (394).

Phần thương Lan những truân chiên vì mình.
Hàn huyên đã hết mọi tình,
Thuyền quan (395) bái biệt trường đình gác yên.
Ngựa lên đường cũ như tên,
Giang sơn đòi chốn cảnh quen rước người [b'm].

Một làn bãi phẳng [b'n] dặm khơi,
Nầy đây [b'o] năm trước [b'p] là nơi chiến trường. (396)
Rõ ràng nghìn tía [b'q] muôn vàng,
Cỏ hoa nay đã tỏ tường chúa xuân.
Quản huyền (397) đòi chặp dậy rân [b'r],

Chẳng như trống trận trong quân [b's] ngày nào [b't].
Yến oanh tấp nập nhường bao [b'u],
Đôi xe một ngựa ruổi vào thành trung.
Dưới hiên yết kiến La công,
Lầu châu dọn sẵn, đuốc hồng khêu cao.

Giữa trời vặc vặc ba sao,
Khúc cưu đã ngợi (398) thơ đào lại khong. (399)
Trăm năm khăng khít giải đồng, (399')
Chăn loan đầm ấm, giấc hùng (400) say sưa. (401)
Cửa cao trăm phúc thừa lưa, (402)

Ba hòe năm quế (402') sởn sơ đòi ngành [b'v].

Chú thích

(360)- Từ câu 941 nầy trở xuống , bản C chép là Hồi thứ Mười một: "Bái long trì, thúy địch khiên ty" = *Lạy thềm rồng, cung thẳm buộc giây tơ.*

(361)- Đạm Trai phê: " Lý Tích (Từ Mậu công) dâng đất, có tờ khải đưa Lý Mật, không có biểu tâu Đường Chúa, thế mà Lý Đường (vua Đường họ Lý) coi Tích là một bậc thuần thần (bề tôi hiền hoàn toàn). La Thành cầu hôn, có biểu dâng vào Đậu hậu (trong cung), không có thư gửi cho Đậu Kiến-Đức (ở ngoài), tuy nhiên vẫn được làm rể quí của Đậu ông; hai truyện giống nhau, vả lại đồng thời, nên dẫn thêm ra đây, mua cười cùng độc giả".

(362)- *Khách đình tạm trú chinh yên*: yên ngựa tạm đóng lại, dừng lại nơi nhà làm cho khách qua lại ở trọ. Ý nói La Thành tạm nghỉ trọ nơi quán khách. Nên chú ý cả câu nầy dùng toàn chữ Hán.

(363)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Thong dong mới kể sự ngày hàn vi". (câu 2290)

(364)- *Thất gia* : cũng như "gia thất" nghĩa là vợ chồng.

(365)- Đạm Trai phê: " Lời ngạn nói: "Đánh chuông trúng mặt", thiết tưởng khi Tần Thúc Bảo nhận được thư ấy, rất khó hồi đáp, nên đành xếp bỏ; đến nay bắt buộc phải đem ra giải thích vì sao không kịp trả lời".

(366)- Đạm Trai phê: " Lúc nầy chủ khách cùng như sống trong mơ, rượu uống vào khó trôi qua thực quản".

(367)- Đạm Trai phê: " Đây là thư riêng nơi cửa Tướng, nên chỉ lạ lùng, mặt đối mặt nhìn nhau sửng sốt; giá ví dụ lại là công văn nơi Nha, Vệ, ắt coi như có sự lầm lạc mà nhiều kẻ chết đòn oan".

(368)- *Hồi trình* : đường về.

(369)- *Trần trần* : trơ ra, ỳ ra.

(370)- Đạm Trai phê: " Tướng thua trận hết kế phải dâng thư xin hàng, vốn là thường lệ; nhưng sứ giả bị bắt, hết kế phải đưa hôn thư ra thì quả thực mới lạ ! Đáng tức cười !"

(371)- Đạm Trai phê: " Một tấm tình si, bỗng bị Tiểu thư dối gạt, Hoa muội biết chuyện, chắc cũng bất giác mỉm cười.".

(372)- Đạm Trai phê: "Tề Quốc Viễn hai lượt đưa hôn thư, tán dương tốn phí bao nhiêu lời, rốt cuộc không thâu được một chút công "phạt kha" (làm mối) nào giúp cho hai họ Đậu, La; băng nhân mà như Tề, xưa nay chưa từng thấy một ai, ngốc thực! chán thực! đoảng thực!"
(373)- *Chưng lừng* : tưng bừng, rực rỡ. Thường người ta nói: sáng chưng, đỏ lừng.
(374)- *Đình phô* : nhà trạm. Ruổi đình phô tức là chạy ngựa trạm.
(375)- *Bài*: thẻ ở trong cung hoặc ở các nha môn dùng để sai, đòi.
(376)- *Nội quan* : hoạn quan, quan hầu ở trong cung cấm.
(377)- *Giong câu*: đi bằng ngựa câu. Ngựa câu là ngựa tốt mà non.
(378)- *Nội chỉ* : lời truyền bảo từ trong cung cấm ban ra. Đây là lệnh truyền của Đậu hoàng hậu.
(379)- *Kết nhân* : kết nhân duyên; thắt, buộc lứa đôi, vợ chồng.
(380)- *Hậu đình* : sân ở cung sau; trỏ chỗ cung Hoàng hậu.
(381)- *Tảo phận trầm châu* : số phận xui nên sớm "châu chìm"; ý nói chết sớm.
(382)- Đạm Trai phê: "Lúc nầy Đậu-Nương báo ơn Hựu Lan, cũng như Trần Bình đền đáp Ngụy Vô Tri thủa nào; có khác chăng, là thực trạng không nói rõ mà thôi. Vì nếu Tiểu thư tâu rằng: "Không có Hựu Lan, thần làm sao có thể có chồng?", ắt Hoàng hậu sẽ nói: "Như khanh, có thể nói là không quên gốc vậy!" (Đạm Trai nhái lời Trần Bình tâu với Cao tổ về Ngụy Vô Tri, người đã có công tiến cử Bình lên vua Hán. Xin xem lời chú số 6 ở bài Bình-dẫn của Đạm-Trai trên đây).
(383)- *Mảng* : nghe.
(384)- *Nhòng* : tiếng xưa, nghĩa là "giống" (race).
(385)- *Hạnh uyển* : vườn hạnh.
(386)- *Tiêu phòng* : buồng có vách tường trát hồ tiêu.
(387)- *Thềm ly* : con ly, ngày xưa nói nó giống con rồng, sắc vàng, không có sừng. Thềm ly cũng như thềm rồng.
(388)- *Sáu nhạn* : Theo sách Nghi lễ, Hôn lễ của bậc sĩ có sáu: 1– Nạp thái (chạm ngõ); 2– Vấn danh (ăn hỏi); 3– Nạp cát (báo tin được điềm lành khi lễ nhà thờ); 4– Nạp chưng (dẫn lễ); 5– Thỉnh kỳ (xin cưới); 6– Thân Nghênh (rước dâu). Trừ Nạp chưng, còn trong 5 lễ kia, đều dùng

chim nhạn (ngỗng trời). Vậy *thềm ly, sáu nhạn* là cử hành hôn lễ (sáu nhạn) ngay ở triều đình (thềm ly), có nhà vua (đây là Hoàng hậu) đứng chủ hôn.

(389)- *Trăm xe* : dịch hai chữ "bách lạng", lấy trong thơ *Thước sào*: "Chi tử vu qui, bách lạng nhạ chi" = Cô về nhà chồng, xe đón hàng trăm... "Chi tử vu qui, bách lạng tương chi" = Cô về nhà chồng, xe tiễn hàng trăm... "Chi tử vu qui, bách lạng thành chi" = Cô về nhà chồng, xe cưới hàng trăm.... Ngày xưa, con gái vua chư hầu, gả chồng sang nước chư hầu khác, tiễn đón đều 100 cái xe. ("Lạng" là cái xe. Chữ "lượng" nguyên nghĩa là hai; một cái xe có hai bánh, nên gọi là "lượng" hay là "lạng".– Lời dịch và lời chú trên nầy đều lấy theo bản dịch *Kinh Thi* của Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô).

(390)- *Đan trì* : thềm trên mặt dùng son láng; thềm màu đỏ, thềm cung vua.

(391)- Về mấy câu 1045-1048 nầy, Đạm Trai phê: " Quân Trung Đối từ được em Hoa một phen ra sức, việc đã thành tựu; đặc biệt Đậu nương vì đối với hậu cung có giây liên lạc (Đậu hậu trước đã cùng nàng nhận họ), nên mượn tay Hoàng hậu đứng ra tác chủ, cuộc hôn nhân thêm rạng rỡ vẻ vang.Đây là phép *"đổi khách ra làm chủ"* trong văn chương, độc giả chỉ nên coi đoạn nầy như lớp sóng dư, tô điểm phụ vào, chớ không nên coi là phần chủ não".

(391')- *Dập lạy* : lạy dập đầu, trán đụng xuống mặt đất; tỏ ý cung kính, thành khẩn rất mực.

(392)- *Thiền định* : yên lặng, chuyên chú tâm vào một cảnh.

(393)- *Ngừng* : thương xót (Theo lời chú hai chữ "Nhận ngừng" trong câu "Nhận ngừng, nuốt tuổi, đứng ra" (câu 1981 trong *Đoạn trường Tân thanh*) của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim (*Truyện Thúy Kiều* , nhà Tân Việt xuất bản 1950).

(394)- *Già chiền* : tức là *Thiền già*, cũng như Thiền môn, nghĩa là nhà Chùa, cửa Chùa. Thiền, tiếng nhà Phật, dịch theo âm chữ *dyana*, nghĩa là yên lặng và nghĩ ngợi. Đạo Thiền tức là một môn học, một phép tu trong đạo Phật. Già là do chữ Già Lam nói tắt. Tiếng Ấn-độ gọi Chùa là Già Lam. Vậy cả hai chữ "già", "chiền" ở đây đều dùng để chỉ "nhà Chùa".

(395)- *Thuyền quan (thiền quan)* : cửa chùa.
(396)- Đạm Trai phê: " Hà tất phải nghĩ đến chuyện *ngày xưa* làm gì? Vì có *ngày xưa* gieo nhân thì mới có *bây giờ* hái quả".
(397)- *Quản huyền* : ống sáo và đàn; nói chung là âm nhạc.
(398)- *Khúc cưu đã ngợi...*: Trong *Kinh Thi*, thơ *Quan thư* có câu: "Quan quan thư cưu, Tại hà chi châu, Yểu điệu thục nữ, Quân tử hữu cầu..." = Chim thư cưu hót vang, trên bãi sông. Thục nữ dịu dàng, quân tử kết duyên lành. (cầu: kết đôi; hảo: lành) và thơ *Thước sào* có câu: "Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi, Chi tử vu qui, bách lạng nhạ chi..." ("Con chim thước có tổ, con chim cưu ở trong, Cô về nhà chồng, xe đón hàng trăm...". Ý nói: Con chim thước có tài làm tổ, con chim cưu vụng về không làm được, nên chờ con chim thước làm xong tổ thì đến ở. Tỉ như người đàn ông gây được nhà cửa, điền sản rồi, thì người đàn bà đến sống ở đấy). (Hai khúc thơ Quan thư và Thước sào trong *Kinh Thi)* đều ca ngợi lứa đôi quân tử, thục nữ vui đẹp duyên lành, nên ở đây nhắc tới để khen cuộc hôn nhân La, Đậu, Hoa.
(399)- *Thơ đào lại khong* : thơ Đào là thơ *Đào yêu* trong *Kinh Thi*: "Đào chi yêu yêu, Chước chước kỳ hoa, Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia..." (Cành đào non non, hoa đẹp đẽ dễ thương. Cô về nhà chồng, cửa nhà hoà thuận); ở đây ý nói: khen người con gái hiền đức, sống yên vui hòa thuận ở nhà chồng. *Khong* là tiếng cổ, có nghĩa là khen. Trong *Chinh phụ ngâm*, câu 382: "Khúc nhạc réo rắt *khong-khen* ". (Khong= louer, exalter, theo J. F. M. Génibrel: *Dictionnaire Annamite - Français*, 1898).
(399')- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Bấy lâu khăng khít giải đồng. (câu 1841).

(400)- *Giấc hùng* : hùng là con gấu. Ngày xưa cho rằng nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.
(401)- Về đoạn mấy câu 1073-1078 nầy, Đạm Trai phê: " Vốn là "đuốc hoa động phòng" lại nhường như "nắng mãi nay mới gặp mưa"; chẳng những ngâm thơ *Đào yêu, Thước sào*, lại thêm sao nhỏ năm, ba... tề tề chỉnh chỉnh (thơ *Tiểu tinh*: ý nói có Hựu Lan làm trắc thất); kể về điều mừng thì được hai trong bốn, kể về thơ thì được ngâm ba bài thơ trong hai nước thuộc *Chính phong* : Chu, Thiệu; Quân Trung Đối thực dồi dào, thịnh mỹ, không truyện nào có thể sánh bằng!"

(402)- *Thừa lưa*: dồi dào, thong thả, nhàn dật.
(402')- ***Ba hòe, năm quế*** = "Tam hòe, ngũ quế" : 1) Theo tích Vương Hựu đời Tống có công to mà không được phong chức lớn, tức mình về trồng ba cây hòe ở sau sân nhà, để cầu cho con cháu sau nầy có người làm đến chức Tam công (Thời xưa ở phía trước sân chầu vua, chỗ ngồi của Tam công có trồng ba cây hòe, nên Vương Hựu mới trồng 3 cây hòe để cầu cho con cháu được như thế). Sau con là Vương Đàm đến chức Tể tướng. Tô Đông Pha có làm bài *Tam hòe đường ký* để ca tụng. 2) Và theo tích Đậu Võ Quân đời Ngũ Đại, tỉnh Yên Sơn, tính tình ngay thẳng, ba mươi tuổi mà chưa có con, nên đi chùa Diên-thọ cầu con. Giữa đường gặp vàng của người bỏ rơi, đi tìm chủ trả lại. Lòng không gian tham động đến Thượng-đế, nên được Thượng-đế cho sống thêm hai kỉ và cho có năm người con, sau đều làm quan hiển đạt, Vương Đạo có câu thơ khen: "Đan quế ngũ chi phương" (Quế đỏ năm cành thơm). (Theo *Tự điển Thành ngữ, Điển tích* của Diên Hương, nhà xuất bản tổng hợp Đồng Tháp, H.C.M., 1992). Ở đây, "*Ngũ quế tam hòe*" nghĩa bóng dùng để chỉ "con cái đông và hiển đạt". *Đoạn trường Tân thanh* có câu (3237, 3238): " Thừa gia đã có (chẳng hết) nàng Vân, Một cây cù mộc, một sân *quế hòe*". (V.T.T.)

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *xv)* Từ câu 934 đến câu 912, hai bản A, B chép là:

> Sang hèn, phải trái nghĩ đà (B: là) chẳng nên;
> Ơn lòng hạ cố cần quyền,
> Xét trong phận nhỏ (B: bé) còn trên trướng gà.
> Nghe lời thị nữ trình ra,
> Việc nầy ắt phải tâu qua nhà vàng.

– *xx)* C: Khởi thân từ biệt vội vàng.– *xy)* A: thẳng tới; C: giục giã.– *xz)* C: lên đường Trường-an.– *ya)* A: tới thấy.– *yb)* C: không có hai câu 945,

946.– *yc)* B: đành.– *yd)* A, B: truyền báo.– *yđ)* C: thân nhân lĩnh mệnh.– *ye)* C: Tần công.– *yg)* A, B: lại kể.– *yh)* B: ngần (chắc sai).– *yi)* B: trao lại; C: cậy đem tin giá.– *yk)* C: để đưa.– *yl)* A, B: tiện nữ.– *ym)* A, B: quan hà.– *yn)* A: công sự.– *yo)* A: nghe lời.– *yp)* B, C: nghĩ nghị.– *yq)* B: chưa.– *yr)* C: mới.– *ys)* B: còn phong.– *yt)* A: chữ.– *yu)* C: Lạc vàng sẵng tiếng bên ngoài.– *yv)* A: sang chơi.– *yx)* A: tay.– *yy)* C: mọi tình.– *yy')* A: trước.– *yz)* A, B: đường nào.– *za)* C: chăng.– *zb)* A, B: nào ai.– *zc)* A: tỏ.– *zd)* A, B: Kế cùng thật đã túng (B: vừa) vẫn.– *zđ)* A: quân trung.– *ze)* A,B: sao bỗng chợt ngừng.– *zg)* A, B: chẳng hỏi.– *zh)* C: trót đêm.– *zi)* A,B: hay chẳng.– *zi')* C: tới.– *zk)* C: vẫn.– *zl)* A, B: mới rõ.– *zm)* A,B: Đôi tờ dấu chữ bằng nhường không sai.– *zn)* A: Tề, Tần.– *zo)* A: thoát thôi; B: Thốt rồi.– *zp)* A, B: cúc.– *zq)* A, B: vang lừng.– *zr)* A: luận; B: trọn.– *zs)* A, C: mở cửa.– *zt)* B: đáp chầu; C: đầy triều.– *zu)* B: vương phi; C: hai câu 995, 996 chép là: " Bốn phương thư, sớ dập dìu; U-châu một biểu tâu vào Hậu phi".– *zv)* C: trấp (?).– *zx)* A, B: một.– *zy)* A, B: thăng.– *zz)* C: Tay ta xe được xích thằng phải ai?.– *a'a)* A: bô (chắc sai).– *a'b)* B: cung.– *a'c)* A: dật dã (e sai).– *a'd)* Sáu câu 1005-1010 nầy, bản C chép là:

Cấp sai thái giám truyền vời,
Tiểu thư vâng mạng vội dời chân ra.

– *a'đ)* A, B: đã.– *a'e)* A, B: cung trung đánh tiếng.– *a'g)* B: chợt trông; C: thốt nghe.– *a'h)* C: thốt chào.– *a'i)* B: một.– *a'k)* B: đã.– *a'l)* A: kén.– *a'l')* A: trộm.– *a'm)* B: chút.– *a'n)* A: thắc mắc.– *a'o)* Từ câu 1018 đến câu 1026, bản C chép là:

Vì người ta dựng cửa nhà cho an".
Tâu rằng: " Cỏ nội hoa hèn,
Gót đầu đều đội ơn trên tài bồi.
Lều tranh tang chế vừa rồi,
Rừng xuân khơi cách chưa lời trình qua.
Dám xin xét đến tình nhà,

Cho toàn chữ hiếu ấy là vẹn thương".
Dạy rằng: " Trung hiếu hai đường,
Hành quyền với lúc thủ thường khác xa.
Bằng nay muôn việc ở ta,
Mệnh trên so với tình nhà đâu hơn ?
Bôn tang, có thủa thành hôn,
Nghi gia rồi lạy thiền môn há chầy."
Tâu rằng: " Nhờ đức cao dày,
Vâng lời giáo huấn dường nầy dám sai.
Tình riêng chút bạn trúc mai,
Mộc Lan cùng thiếp nặng lời đồng minh...

Phụ chú: Về câu đầu Đạm Trai phê: "Đậu hậu chỉ biết U-châu dâng biểu thỉnh mà không biết có thư riêng gửi từ Lạc-thọ, chỉ tưởng mình ở trong cung vì ai xe tơ thắm, chứ không biết nơi mặt trận đã có cuộc gặp gỡ ước giao *tên, đạn*, lời nói trên băng "làm mối" đã đành là lời nói "trong mộng" mà người đứng trên băng "làm mối" quả thực cũng là người "trong mơ". (N.T.)

– *a'p)* C: nép (?).– *a'q)* A, B: phận đã.– *a'r)* C: tơ với.– *a's)* Từ câu 1033 đến câu 1038, hai bản A, B chép là:

Ngự nghe ban triệu Hoa-thư (B: Hoa-cơ),
Cho vào gần trước thư từ hỏi han.
Khen rằng con trẻ khôn ngoan,
So vào chị nó Mộc Lan cũng dòng.

– *a't)* C: tơ hồng hóa hai.– *a'u)* A: trách nhật (e sai).– *a'v)* A: lãng uyển.– *a'x)* Bốn câu 1041-1044 nầy, bản C chép là:

Lứa đôi đã xứng sắc tài,
Truyền quan trạch nhật nay mai chớ chầy.
Tư-thiên tâu đã được ngày,
Sính nghi chàng đã sắp bày an xong.

– *a'y)* A: sáng rõ.– *a'z)* A: thềm le (e sai) muôn ngựa.– *b'a)* A: lạy tạ.– *b'b)* C: thuận đường.– *b'c)* B, C: từng.– *b'd)* A, B: hầu.– *b'đ)* C: dòn dã (?).– *b'e)* A, B: tiền định (e sai).– *b'g)* A, B: đôi hồi (e sai).– *b'h)* A, B: con sớm.– *b'i)* A: yên; B: ngưng.– *b'k)* A,B: thân ở.– *b'l)* A, B: nhà

chiền.– *b'm)* Từ câu 1060 đến câu 1064, hai bản A, B chép là:

Phần thương Lan đã châu chìm ngọc tan.
Giờ lâu mới kể hàn huyên,
Một tuần nghỉ lại thiền quan dã đề.
Vâng lời tôn mệnh ra về,
Một đoàn cùng thỏa lòng quê mong chờ.
Lần lần gió đón sương đưa,
Cửa thành trông đã hầu vừa tới nơi."

– *b'n)* A: bạng (?).– *b'o)* B: nơi đây.– *b'p)* A, B: thủa trước.– *b'q)* A: rõ ràng nghìn tủ.– *b'r)* A: đòi lớp dậy sân; B: Việc chiến (?) đòi khắp dậy ran.– *b's)* A, B: trung quân.– *b't)* A: thủa nào.– *b'u)* C: nô nập xôn xao.– *b'v)* Từ câu 1074 đến câu 1080, hai bản A và B chép là:

Lễ rồi trở lại động phòng trao tay.
Một nhà ba bạn sum vầy,
Khúc kia hòa nhã, tiệc nầy say sưa.
Cửa cao khúc vịnh chung-tư,
Ba hòe năm quế (A: tam hòe, ngũ quế) sởn sơ đòi cành."

Ải lang tạnh khói, rót rượu tế bên mồ

(Tĩnh lang tái, giai thành lỗi tửu)

Chợt tin có chiếu tiến binh, (403)
Ban b'x chàng Tống-quản, đánh thành Sóc phương.
Dựng cờ gióng trống lên đường, (403')
Nghĩa binh cũng nhớ nghĩa nàng đua nhau b'y.

Thiên sơn b'z (404) nặng sức cung dâu,
Vén tay so lũ tỳ hưu (405) ai dài c'a. (406)
Ải lang (407) việc nước đã rồi c'b,
Cùng theo c'c nàng Hựu về chơi quê nhà.
Một vùng cỏ áy bóng tà c'd, (408)

Nầy c'd mồ Hoa tỉ đây đà phải chưa ? (408')
Thương thay ! cùng phận hạt mưa,
Người may người rủi, mặc ưa chữ thì.
Thân c'e nàng chẳng sớm thiệt đi,
Cưỡi rồng c'g phận ấy kém gì chị em. (409)

Một cơn công chúa châu chan,
Hựu Lan thấy lại càng thêm sụt sùi c'h.
Phong trần đã định cõi ngoài,
Chàng vâng chiếu chỉ c'i khải hồi (410) hưu binh. (411)
Sủng quang (412) ân đội triều đình,

Dồi dào [c'k] lộc nước hiển vinh phúc nhà.
Chiếu rồng rờ rỡ [c'l] cổn hoa, (413)
Chàng phong quận [c'm] tước, nàng là phu nhân.
Nhà chung đỉnh [c'n], cửa đai cân,
Nối dòng giáp trụ [c'o] nghìn xuân dõi truyền.

Dấu xưa [c'p] chép để một thiên [c'q],
Sự đời kim cổ đã nên họa hoàn. (414)
Cho hay [c'r] tài tử giai nhân,
Lứa đôi chẳng lệch [c's] đồng cân chút nào ?
Tơ duyên đã dễ cho sao !

Lâu lâu rồi mới [c't] xe vào một nơi,
Chẳng thời sao biết thọ trời,
Chẳng thời sao biết lòng người sắt đanh.
Chẳng thời sao chép sử xanh,
Chẳng thời sao có thơm danh muôn đời.

Nhân khi [c'u] thong thả ngày dài [c'v],
Lựa lời mà chép kể chơi đỡ buồn [c'x].

Chú thích

(403)- Từ câu 1081 nầy trở xuống, bản C chép là Hồi thứ Mười hai: "Tĩnh lang tái, giai thành lỗi tửu = *Ải lang tạnh khói, rót rượu tế bên mồ*".
(403')- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:
Dựng cờ nổi trống lên đàng. (câu 2267)

(404)- *Thiên sơn* : tên núi, thuộc địa phận Tân-cương, cao 7340 thước. Đời Đường Cao tông, Tiết Nhân Quý phong Bình dương quận-công, làm Tổng quản đạo Thiết-lặc. Có giặc hơn trăm ngàn đến khiêu chiến, Nhân Quý bắn ba mũi tên chết ba người, giặc khiếp sợ, xin hàng. Trong quân có câu ca: "Tướng quân tam tiễn định Thiên Sơn. Tráng sĩ trường ca nhập Hán quan" nghĩa là: Tướng quân bắn tên ba mũi, Tráng sĩ ca khúc khải hoàn, vào trong cửa ải.

(405)- *Tỳ hưu* : con gấu trắng (bạch hùng), một giống thú rất mạnh. Đời xưa gọi các dũng sĩ là "tỳ hưu".

(406)- Hai câu 1085, 1086 nầy ý nói: Đậu nương cùng đội nữ binh cũng dự vào việc đánh dẹp, vén tay trương cung, bắn tên, hàng giặc như Nhân Quý, để sánh cùng bọn nam nhi dũng sĩ, xem ai kém ai hơn ?

(407)- *Ải lang* : đời cổ, ngoài biên thùy, các cửa ải, khi có giặc thì dùng phân chó sói, đã phơi khô trộn với rơm, rạ, làm thành ụ lửa, đốt cho khói bốc lên trời, để báo động cầu viện binh.

(408)- *Đoạn trường Tân thanh* có câu:

Một vùng cỏ áy bóng tà (câu 97).

(408')- Về đoạn mấy câu 1083-1090 nầy, Đạm Trai phê: " Quân-trung-đối lấy mũi tên U-châu bắt đầu, lấy mũi tên Thiên-sơn kết thúc; lúc bắt đầu giống cái khéo "bắn trúng mắt sẻ", lúc kết thúc giống cái khỏe "tay vượn trương cung". Vì bắn khéo nên trúng Đậu nương lại kèm trúng Hựu-Lan; vì bắn khỏe nên nhân định phương Bắc xong rồi, bèn đi viếng mộ Mộc Lan để hương hồn nàng được an ủi một phần nào; ấy là phép Quân-trung-đối khởi lên và kết lại, đến đây trọn vẹn.

(409)- Đạm Trai phê: " Lời ngạn rằng: "*Sẩy vai xuống cánh tay*", đó là điều người đời thường lấy làm vui mừng, vậy em Hoa không nên buồn nữa! Một cười !"

(410)- *Khải hồi* : cũng như khải hoàn = thắng trận trở về. Riêng chữ "khải" nghĩa là: 1) đánh nhạc mừng thắng trận; 2) vui.

(411)- *Hưu binh* : nghỉ binh; thôi, nghỉ, không dùng binh.

(412)- *Sủng quang* : rạng rỡ vẻ vang vì được vua yêu quí. Cũng có khi dùng chữ "long quang", lấy trong thơ *Lục tiêu, Tiểu nhã.*

(413)- *Cổn hoa* : áo thêu rồng cuốn. Ý nói: sắc mệnh vua ban, vinh hiển như khoác áo thêu rồng vào mình.

(414)- *Họa hoàn* : vẽ nên, vẽ xong. Hoặc nếu chép là "họa hoằn" thì lại là tiếng nôm và có nghĩa là "*ít khi có, hiếm hoi*".

Hiệu đính chính văn Quân Trung Đối căn cứ vào các bản A, B, C

– *b'x)* C: sai.– *b'y)* C: Một chàng ngựa trước, hai nàng xe sau.– *b'z)* A, B: Thiên tiên.– *c'a)* A: cõi ngoài, C: xua lũ tỳ hưu như ruồi.– *c'b)* A: một nước yên rồi (e sai).– *c'c)* C: đưa.– *c'd)* C: ác tà.– *c'đ)* B: nơi.– *c'e)* B: ví.– *c'g)* C: Kỵ long.– *c'h)* Hai câu 1095, 1096 nầy, bản C chép là:

Chén vàng tay rưới tro tiền,
Khấn rằng: " Kẻ dưới hoàng tuyền thấu không?"
Đôi nàng châu lệ ròng ròng,
Thấy nàng chàng cũng động lòng tiếc ai.

Phụ chú : Đạm Trai phê: " Khi trước La điếu Tào phi, vì Đậu nương nhỏ lệ; giờ đây, viếng mộ Hoa tỉ, lại vì Hựu Lan xúc động, đủ thấy Tống quản nầy vốn thuộc nòi tình. Thơ *Manh, Vệ phong* có câu : 'Sĩ dã võng cực, nhị, tam kỳ đức" nghĩa là: Chẳng còn biết đến thế nào. Chàng trai ăn ở có bao nhiêu lòng ! (Cũng như ca dao Việt Nam ta có câu: "Đàn ông năm bảy lá gan. Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người", thói đời so ra thường thường như vậy cả. Thế mà sáu thu xa cách, họ La khăng khăng "ấp cột cầu" không đổi dạ, phi nòi tình chân chính, há chịu kiên quyết triền miên trì thủ ? tấm lòng sắt đá, thoát ra từ câu hẹn phong hoa một buổi, để rồi thành trăm năm sắt cầm, lứa đôi tốt đẹp ấy, thực cũng đáng quý, đáng khen". (N.T.)

– *c'i)* A,B: ngự chỉ.– *c'k)* A: mát dầm.– *c'l)* B: rõ vẻ.– *c'm)* C: chàng thời.– *c'n)* C: chuông vạc.– *c'o)* C: biền trụ.– *c'p)* B: dấu cầm.– *c'q)* C: dấu còn chép lại tàn biên.– *c'r)* A, B: mới hay.– *c's)* A: nhặt (?); B:

sút.– *c't)* A, B: lại.– *c'u)* C: nhà chiên.– *c'v)* B: dong dài.– *c'x)* C: tháp (thập? – thu thập–) lời nhẩm nhí nói chơi đỡ buồn.

Một vài nhận xét dùng làm

Kết luận tạm thời

của giáo-sư NGHIÊM TOẢN

I. Tác phẩm

1) Động tác

Quân-trung-đối là một cuốn tiểu-thuyết thuộc loại "thông-tục diễn-nghĩa" như Thuyết-Đường, La Thông tảo Bắc... có lẽ có *lam bản* (1) bằng chữ Hán, nhưng cho đến nay chưa thấy lưu-hành ở Việt-Nam. Đã là "diễn-nghĩa", tự nhiên cốt truyện thêu dệt rất nhiều; tuy có một vài nhân-vật lịch-sử nhưng hoạt-động khác với những điều ghi chép trong tín-sử rất xa, còn phần lớn đều do tác-giả đặt bày ra, ngay những vai chính chưa hẳn đã là người có thực (Tỉ dụ: La Thành, Đậu Tuyến-Nương, Phàn Lê-Hoa, Tiết Đinh-Sơn, La Côn, La Xán...).

Dầu sao, nếu ta căn cứ vào mấy điểm:

– Đậu Kiến-Đức, La Nghệ đánh nhau năm 620 (tháng Chín);

– Đậu Kiến-Đức, Đơn Hùng-Tín bị nhà Đường giết năm 621, và La Nghệ làm phản, bị giết năm 627,

Thì động-tác ắt phải diễn tiến vào đầu thế kỉ thứ VII, trong khoảng thời gian nhất định là năm, sáu năm.

2) Nhân vật

Có hai nhân-vật chính là Đậu Tuyến-Nương, La Thành và mười nhân-vật phụ là Đậu Kiến-Đức, Tào phi, chị em Hoa Mộc-Lan, Hựu-Lan, La Nghệ, Tần Thúc-Bảo (Tần Quỳnh), Đơn Hùng-Tín (Nhị-Hiền), Tề Quốc-Viễn, Đường hoàng, Đậu hậu.

1.– *La Thành và Đậu Tuyến-Nương* không có tên trong tín-sử. Trong Thuyết-Đường cũng không nói tới vị anh-thư họ Đậu; trái lại, ai đã đọc Thuyết-Đường đều cũng biết trang thiếu niên danh tướng La công-tử, đoạt Trạng-nguyên khôi trong cuộc khảo võ ở Giang-đô.

Đặc biệt họ La có ngón "hồi mã thương" gia truyền. Cũng vì dấu "ngón" ấy không dạy cho Tần Thúc-Bảo, nên phạm phải lời thề "chết dưới muôn tên"; sau nầy khi đánh Lưu Hắc-Thát, La Thành đã mắc kế độc của Kiến-Thành, Nguyên-Cát hại ngầm, lại bị Tô Định-Phương dụ tới Ứ-nê hà và phục binh ở hai bờ sông bắn tên ra như mưa, ngựa La Thành sa lầy, Thành bị trúng tên táng mạng.

Đặc biệt hơn nữa là cuộc xung đột vì ghét ghen giữa La Thành, Đơn Hùng-Tín, khi ngấm ngầm, khi bộc lộ; sau Tín vào dinh Đường hành-thích, bị bắt, không chịu quy thuận, thì chính Thành chém chết Tín, gây ra cuộc oan oan tương báo trong truyện Chinh-Đông Khóa-Hải: Cái Tô-Văn, tướng tinh rồng xanh là hậu thân Đơn Hùng-Tín, còn Tiết Nhân-Quý, tướng tinh cọp trắng là hậu thân La Thành.

La Thành! bậc anh-hùng thứ bảy (2) đời Tùy!

La Thành! con La Nghệ, cha La Thông, ông nội La Chương, ông tổ xa La Xán, La Côn, cho tới La Diên-Khánh trong truyện Thuyết-Nhạc sau nầy.

Song La Thành ở đây chỉ là một thiếu niên hổ tướng, mã thượng hào hoa, cũng như Đậu Tuyến-Nương chỉ là một trang anh-thư quốc-sắc.

Đôi lứa chung tình Đậu Tuyến-Nương, La Thành ấy chẳng khác gì những đôi Tiết Đinh-Sơn, Phàn Lê-Hoa đời Đường; Lưu Kim-Đính, Cao Quân-Bảo; Thiện Thoại-Ba, Địch Thanh đời Tống... nghĩa là những đôi thanh niên chung tình văn võ song toàn, tài mạo kiêm-bị điển-hình, chúng ta hằng gặp trong những pho tiểu-thuyết kiếm-hiệp hay thông-tục diễn-nghĩa Trung-hoa.

2.– *Đậu Kiến-Đức, Tào phi* trong lịch-sử có chép "truyện" rõ ràng; tuy nhiên, điểm đặc biệt là so với tiểu thuyết, Sử lại chép kỹ hơn; trong Thuyết Đường, Đậu Kiến-Đức trở nên cậu ruột Lý Thế-Dân, song chỉ đóng vai một trong những phản vương ở cuối đời Tùy; sau bị La Thành bắt sống ở Gia-tỏa sơn cùng với bọn Vương Thế-Sung; và khi giải về gần đến kinh-thành, Tần Thúc-Bảo, theo mật kế Từ Mậu-công, nổi lửa đốt chết để dứt hậu hoạn.

Theo Sử, Kiến-Đức bị chết chém; theo Thuyết-Đường, Kiến-Đức bị bắt và bị đốt chết; riêng trong *Quân-trung-đối*, Kiến-Đức bị bắt ở ải Hổ-lao (hợp với Sử) nhưng lại được vua Đường tha tội, cho xuất gia đầu Phật, khác hẳn với Sử và truyện Thuyết-Đường.

3.– *Hoa Mộc-Lan, Hựu-Lan* : Hựu-Lan là nhân-vật tưởng-tượng ra. Còn Mộc-Lan, đến ngay Sử cũng không quyết chắc nàng sinh ở thời Bắc-Ngụy hay Tùy-Đường. Dù sao, nàng tòng quân thay cha mười hai năm mới trở lại quê hương, ắt hẳn đã gần ba mươi tuổi rồi, không thể cùng cỡ với La Thành, Đậu Tuyến-Nương vả khi đã là bậc cân quắc anh hùng, có lẽ nào vì sợ một tên Man tướng mà nàng phải gieo mình xuống giếng !

4.– *La Nghệ, Tần Quỳnh, Đơn Hùng-Tín* : đều có "truyện" trong chính sử. Trong Thuyết-Đường, danh tiếng Nghệ, Quỳnh, Tín càng lừng lẫy, nhất là Tín! Có thể nói giới anh chị, hảo hán ở Saigon nầy không ai là không biết Tín và hâm mộ Tín. Tín trở nên một con người nghĩa-khí khuôn-mẫu, lý tưởng trong giới họ; thế nhưng trong *Quân-trung-đối*, cả ba đều chỉ đóng vai phụ mà thôi.

Tề Quốc-Viễn : Lại còn anh chàng hành nhân họ Tề ! Anh không được hân hạnh có tên trong Sử đã đành. Ngay trong Thuyết-Đường, khởi đầu anh cũng chỉ là một tướng cướp xoàng tại núi Thiếu-hoa (huyện Hoa-âm), đứng cạnh Vương Bá-Đương, rồi sau được dự vào hàng ba mươi chín vị anh hùng kết nghĩa ở nhà Tần Thúc-Bảo. Từ đấy theo đòi, rong ruổi cùng bọn họ, nào dấy lên ở Tế-nam làm phản, nào phá ải Kim-đề, tụ nghĩa nơi Ngõa-cang trại... Sau khi chúng anh hùng bỏ Lý Mật ở ải Kim-dung, chia tay phân tán, Từ Mậu-công, Ngụy-Trưng theo giúp Đường Cao-tổ và phần đông cũng noi theo gương ấy; ý hẳn Tề Quốc-Viễn có ở trong bọn, nhưng từ đây, trong Thuyết-Đường không thấy nhắc tới tên Tề.

Tóm lại, *Quân-trung-đối* chỉ là câu chuyện tình duyên giữa Đậu Tuyến-Nương, La Thành; Thành chưa phải, hay không phải viên thiếu niên phong lưu hổ tướng số một của Tần vương; đến như Tuyến-Nương, Hựu-Lan thì chỉ là do tác-giả tưởng tượng dùng ngòi bút tô điểm vẽ vời. Trừ ba vai quan hệ (La Thành, Tuyến-Nương, Hựu-Lan) ấy ra, các vai khác không đủ trọng khinh, đáng cho ta chú ý.

3) Lời văn

Cách hành-văn già-dặn, có khuôn-phép, song hoàn toàn thuộc lối kể chuyện, thiếu hẳn những câu phân-tích tâm-lý sâu sắc hay những đoạn tả cảnh xứng với lời phê: "trong thơ có vẽ", cho nên mặc dầu Đạm-Trai đã đặt tác-giả bên cạnh ông anh mà quá khen với hai chữ "nan đệ", ta cũng phải giữ thái độ khách-quan hơn mà nói: *Quân-trung-đối* chỉ xấp xỉ với cỡ Nhị-độ-mai !

II. Tác-giả và bình-giả

1) Tác-giả

Về Nguyễn Chu-Kiều, tôi chỉ mới biết ông là em ruột cụ Nguyễn Tiên-Điền (Nguyễn Du) gặp thời loạn ở ẩn, chuyên về Đông Y, nhưng có con là Nguyễn Toản đậu Tam giáp, thứ năm, khoa Nhâm Thìn (Minh-mạng thứ mười ba) và làm Viên-ngoại lang bộ Lại, rồi miễn.

2) Bình giả

Trái lại, về tác giả bình-dẫn, Nguyên-Lập hiệu là Đạm-Trai, tôi đã tìm được tiểu sử. Trong *Đại-Nam Nhất thống chí,* tỉnh Thanh-hóa, ở phần nói về những nhân-vật thuộc triều Nguyễn, tôi thấy có chép truyện ông Nhữ Bá-Sỹ, hiệu Đạm-Trai, xin lược thuật như sau:

Ông quê ở Cát-xuyên, huyện Hoằng-hóa (tỉnh Thanh), sinh năm 1787 (Lê Chiêu-Thống năm đầu); ba mươi tuổi đậu cử nhân, khoa Tân-Tỵ (1821: Minh-mạng thứ Hai); ông làm quan tới chức Lang-trung, nhưng khi vào Quảng-ngãi coi thuế đường, ông mắc tội bị giáng chức, rồi vâng lệnh đi công cán sang Lữ-tống (Phi-luật-tân) và Quảng-đông cùng bọn với ông Lý-văn Phức (1833).

Khi về, ông được khai phục, bổ chức Huấn-đạo huyện An-lạc (ta nên nhớ ông viết bài bình-dẫn truyện *Quân-trung-đối* vào tháng mười năm Giáp Ngọ: 1934), rồi ông quyền giữ Học-chính Sơn-tây, sau thăng Giáo-thụ huyện Hoài-đức. Ít lâu, ông xin nghỉ về quê. Khoảng đầu niên hiệu Tự-đức, Triều đình ba lần gọi ông ra làm quan, song ông đều chối từ. Năm Tự-đức thứ sáu (1854) tiến ông lên hàm Hàn-lâm Trước-tác và bổ ông làm Đốc-học tỉnh Thanh; được ít lâu ông lại dâng sớ xin về và ở nhà dạy học.

Ông tự đặt hiệu là Nghi-am và có hiệu nữa là Đạm-Trai (Nguyên-Lập có lẽ là tên tự). Học-trò ông rất nhiều người thành đạt; tài đức ông trong châu quận không ai là không hâm mộ. Ông thọ tám mươi tuổi, mất năm Tự-đức thứ hai mươi.

Em ông, tên Nhữ Đình-Án, đậu cử nhân trước ông, khoa Kỹ Mão, năm Gia-long thứ mười tám, và làm Giáo-thụ.

Hai con ông: Nhữ Dĩ-Huyến đậu cử nhân khoa Ất Mão, năm Tự-đức thứ tám và Nhữ Tri-Thuật đậu cử nhân, khoa Canh Ngọ, năm Tự-đức thứ hai mươi ba.

Ông trứ thuật có: Dịch Hệ giải thuyết, Đại Học đồ thuyết, Việt-Nam tam bách vịnh, Thanh-hóa tỉnh chí, Việt-hành tạp thảo,

Nghi-am học-thức, Nghi-am biệt lục, Đạm-Trai thi văn tập và Đạm-Trai quan nghi.

... Ông bạn cho tôi mượn sách có ý kiến rằng: Nguyễn Chu-Kiều viết *Quân-trung-đối* dụng ý trái ngược với ông anh viết Đoạn-trường Tân-thanh. Nếu Nguyễn Du muốn gửi gắm nỗi lòng "bất đắc dĩ phải làm một tôi đôi chủ", thì ở đây Nguyễn Chu-Kiều muốn mượn chuyện La Thành, Đậu Tuyến-Nương để gửi gắm tấc lòng "trung-trinh, trước sau như một". Ý kiến ông bạn, xin nhường để độc giả xét lại xem.

Viết xong ngày Móc-trắng, năm Nhâm Dần
NGHIÊM TOẢN
(Luận Đàm, bộ II, số 9, Saigon 1962, tr.79-81)

(1)- *Lam bản* : sách dùng làm căn cứ cho một hay nhiều sách khác.
(2)- Thực ra, La Thành là đệ nhất anh hùng nếu ta coi sáu tên kia: Lý Nguyên-Bá, Võ-văn Thành-Đô, Bùi Nguyên-Khánh, Hùng Khóa-Hải, Ngũ Vân-Thiệu, Ngũ Thiện-Tích, là những nhân-vật bán-thần (demi-dieu, như Hercule chẳng hạn), những tướng nhà Trời giáng sinh.

Phụ lục

Các bản chữ Hán và phiên âm của:

1. Bài Tựa Thanh-bối Cúc-khê phu

2. Bài Bình dẫn Quân-trung-đối của Đạm-Trai

Phiên âm bài Tựa
của Thanh-bối Cúc-khê phu

Tự

Dư dữ Chu-Kiều Nguyễn huynh, môn phiệt tài điệu, tưởng diệc bất luân hỹ. Quá mông thanh cố, toại nhĩ đinh du. Tự Tiêu-sơn đối ngộ, ngật kim du nhị thập niên chi cửu. Ốc lương lạc nguyệt (1) năng bất y y ?

Tạc hữu nhân tự Thăng-long hồi, tê huynh ngụ thư, tịnh Quân-trung-đối diễn âm nhất sách, chúc dư phủ nhi biền chi. Dư nhất phủng duyệt, như kiến chi mi (2); nhân tri huynh kim diệc phiếm lạm bách gia, thả cập ư chi ngôn bại thuyết (3) chi chiêm chiếm (4) dả hỹ.

Phù ngôn dả tâm chi thanh, nhi văn dả sở dĩ túc ngôn. Cổ nhân văn tự, vãng vãng thác ư nam nữ, phu phụ chi gian, trực giai ký nhĩ. Hà dả? Quân thần, bằng hữu, phu phụ chi luân, giai dĩ nghĩa hợp. Hữu tình ư thử nhi bất đắc ư ngôn, tắc cô tá bỉ dĩ ngụ tình, thứ cơ tố tâm khả lượng dã. Quân-trung-đối chi diễn, kỳ diệc ký ư cổ nhân chi sở ký dả phù dư !

Quan chư La Thành, cao hoàn trung nhân, Đậu Tuyến-Nương, phấn đại gian vật, trận tiền giải cấu, cự đính nhân minh, tư diệc nam nữ gian thanh dương (5) thích nguyện chi hằng tình nhĩ.

Kiêm dĩ Tùy thành phong hỏa (6), phùng thử loạn ly, lục tải Sâm Thương, tình ti dị đoạn, nhất vinh nhất tụy, vân cẩu dị sinh; nhiên bỉ thử các tự kiên trì, chung thành giai đối, phi tình chi nhi nghĩa đốc hồ ? Nãi hữu xa lạp chi đính (7) hủ hủ ư bình cư, nhi án

kiếm (8) hạ thạch (9) chi vưu, dĩ phân ư chuyển thuấn dả, thị độc hà tâm. Bần giao thượng như thử, kỳ tha khả tri hỹ. Nhiên tắc Quân-trung đối chi tình chi nghĩa, ninh khả thiểu tai? Huống hồ Tào phi chi tử ư tòng, phiên tướng chi sinh ư võng, Hoa muội chi đại tỉ ư nghĩa, Hạ vương chi kiến tế ư thiền, cận cận thập nhị hồi trung, khước đa hữu như thử khả khâm, khả ngạc, khả hỉ, khả bi chi sự; thế cố nhân tình, dai lịch duyệt khả tưởng dã, khởi trực sở vị ký yên dĩ da !

Nhược phù bài bố chi cố chí, bộ xậu chi viên chỉnh, cầm túng chi hữu pháp, kỳ chính chi tương sinh, nhi âm tiết bị cổ súy chi hòa, thị hựu Quân-trung-đối văn trung chi Trung-quốc trường kỹ dã. Thảng dĩ liệt chi quốc âm chi văn trận, đãi nhất chi hùng quân hồ. Thị vi tự.

Thanh-hối Cúc-khê-phu thư

(1)- Trong bài thơ *Mộng Lý Bạch* của Đỗ Phủ có câu:

Lạc nguyệt mãn ốc lương,
Do nghi kiến nhan sắc.

Nhượng Tống dịch:

Xa nhà trăng lặn dọi soi,
Còn như nhác thấy mặt người năm xưa.

(2)- *Chi mi* : mày đẹp có văn sức, có dáng như cỏ chi. Chi là một loại cỏ thần, đủ màu xanh, đỏ, vàng, trắng, tía, đen, mọc bám vào cây khô, người đời xưa cho rằng ăn vào thành tiên. *Đế vương thế kỷ* có câu: "Lã Vọng chi mi" = mày chi của Lã Vọng; ý khen vẻ người thanh quý.

(3)- *Bại thuyết* : bại là một thứ cỏ giống lúa. Bại cũng có nghĩa là "nhỏ". *Bại thuyết* tức là tiểu thuyết, là truyện nhỏ, đối với chính-sử.

(4)- *Chiêm chiêm* : trong *Trang-tử Nam-hoa-kinh*, thiên *Tề-vật-luận*, có câu: "Tiểu ngôn chiêm chiêm" = lời nhỏ nói lâm râm. *Chiêm chiêm* là nói: lời rì rầm, tầm thường, nhỏ bé không đáng kể.

(5)- *Thanh dương* : chữ trong thơ *Dã hữu mạn thảo*, Trịnh Phong, *Kinh Thi*, ý khen : "mắt sáng mày thanh" hay "mắt trong mày đẹp", có vẻ yêu kiều, mềm mại, dịu dàng.
(6)- *Phong hỏa* : lửa đốt để báo động khi có giặc.
(7)- *Xa lạp chi đính* : chữ lấy trong lời ca dao xưa của nước Việt , ý nói bè bạn chơi với nhau thề hẹn: về sau kẻ ngồi xe (đã sang trọng), kẻ đội nón (chưa hiển đạt), gặp nhau, phải xuống xe chào.
(8)- *Án kiếm* : trong bài thơ *Chước tửu dữ Bùi Địch* của Vương Duy, có câu:

Bạch thủ tương tri do án kiếm,
Chu môn tiến đạt tiếu đàn quan.

Trần Trọng Kim dịch:

Tuốt gươm nhắm bạn bạc đầu,
Hợm mình sớm đạt, khinh nhau muộn thành.

(9)- *Hạ thạch* : do thành ngữ: "lạc tỉnh hạ thạch" = người ta đã ngã xuống hố (cạm), lại còn lấy đá ném theo. Ý nói thừa lúc người ta gặp cơn nguy mà làm hại. Mấy chữ nầy thấy trong bài *Mộ chí Liễu Tôn-Nguyên* của Hàn Dũ đề.

Phiên âm bài Bình-dẫn

của Nhữ Đạm-Trai

Quân-trung-đối bình dẫn

Giáp Ngọ dư đáo An-lạc huyện đạc quán chi hạ, đắc dữ Lạc-am Nguyễn tiên-sinh tương kiến ư trị chi lân, xỉ đức câu tôn, túy nhiên tại ấp.

Tiên-sinh Nghệ-an, Tiên-điền nhân, nãi Gia-long sơ Lễ-bộ Hữu Tham-tri Nguyễn hầu chi đệ, kim Nhâm Thìn khoa Tiến-sĩ, Lại bộ Viên-ngoại-lang chi nghiêm đường dã.

Gia thế quan trâm, tranh vanh y tích, thiếu trị Tây loạn nhi ẩn ư y, toại bất phục can tiến. An bần, thủ chí, đoan giáo nghĩa phương, di nhiên hữu hòe đình tất tố chi ý; triết tự tốt năng thành chi; dã hạc thê nhàn, An-lạc kỳ lạc thổ nhĩ.

Đông sơ, tiên-sinh dữ dư đối tửu luận văn, đàm tiếu chi gian, ngẫu cập Hàn luật (1), nhân xuất bình nhật sở diễn Quân-trung-đối tương thị, chúc dĩ bình điểm.

Phù ngã quốc chi hữu diễn âm, kỳ lai dã cửu, tác giả như lâm hỹ. Cận truyền dai tác, nhược Phan Trần, Ni-cô nhi ngoại, diệc bất đa kiến. Tự Đoạn-trường Tân-thanh xuất, độc bộ thiên cổ, khoái trá nhất thời, Phạm Lập-Trai tiên-sinh vị chi đề thi, dĩ chí kỳ thịnh.

Tân-thanh tiên-sinh chi huynh chi nhất trận cổ súy dả dã. Tư nhi Quân-trung-đối hựu kế hưởng yên. Ngữ kỳ tiểu cảnh phú lệ, tự tốn ngọc côn, nhi uyển nhã hồn hậu chi phong cốt, tự túc dĩ hùng thị kình địch, cái diệc nan đệ hỹ.

Dư kỳ duyệt chi, khúc vị mậu gia bình điểm. Gian nhân thiên trung sở tự nam nữ chi tình, chiếp dĩ bài hước điểm nhiễm, cách ngoa chi tao, tuy bất túc dĩ tận văn tình chi khẳng khinh, nhiên nhi nhất kịch dăng trường, thiên nhân đồng sán, diệc dĩ bác lãm dả chi nhất tiếu vân nhĩ.

Thả kỳ vưu hữu khả tiếu dả, vũ biền gia nam phụ tác hợp, nhất tầm thường tiểu sự nhĩ; nhi tư bình lạp tạp, chí sức dĩ Dịch chi quải, Lễ chi mục, Thi chi phong; do vị chi thử dã, hựu nghĩ chi Đường Thần-Nghiêu (2), Lý Thần-Tông chi sự, tỉ chi Trần Bình (3), Ngụy Vô-Tri (4), Tư-mã Tương-Như (5), Lý Mật (6) chi lưu; do bất chỉ thử dã, hựu cập ư Từ Thế-Tích (7) chi vi thuần thần, Đường Nhị-lang (8) chi định tứ phương; tiểu trung kiến đại, văn cố hữu chi. Nhiên phu ngôn vỉ vỉ, sách tiếu vu khẩu giáp chi gian, đương hoặc linh nhân phún phan, kỳ hoặc vị chi hí hước chi thiện dả hồ.

Tuy nhiên, tiên-sinh trị Kỳ Hoàng (9) tiểu đạo, nhi học thức uẩn tạ, dư tằng kiến kỳ sở vi thi văn, nghi nhiên đại gia, cánh bất khẳng dữ nhân tương tri trục. Thị tắc tiên-sinh hoài địch lung chi sâm truật, nhi cam lão ư y lưu, án từ đàn chi kỳ cổ, nhi kỳ phong nhuệ lộ chi ư truyền kỳ chi ẩn quát.

Thời hoặc nguyệt bạch ủy ky, hoàng hoa đăng chước, tưởng tiên-sinh đương diệc đối Quân-trung-đối nhi tự tiếu dã. Phù khởi duy dư chi tiếu kỳ bình dĩ tai.

Giáp Ngọ, Tiểu xuân, Thanh-hoa *Nguyên Lập*
thị thư vu nhiệm chi đạc quán.

(1)- *Hàn luật* : luật thơ Nôm do Hàn Thuyên theo luật thơ Đường đặt ra.
(2)- Từ (2) đến (8): Xem các chú thích từ (4) đến (10) ở bài Bình-dẫn Quân-trung-đối của Đạm-Trai, (bản dịch nghĩa), ở phần trên.
(7)- *Kỳ Hoàng* : Hoàng-đế, vua Trung-hoa thời thái cổ, sai Kỳ-Bá làm sách *Nội-kinh*, dùng thuốc trị bệnh, được coi như ông Tổ nghề Đông Y.

Tiểu sử cụ Tử Bình, người chép tay bản C

Ở phần "Giới thiệu tác phẩm " trên đây, g. s. Nghiêm Toản có báo sẽ quay lại nói kỹ về tác giả, người viết tựa, người chấm và phê bình và bậc tiên nho đã chép tay. Giáo sư đã trình bày về lai lịch cụ Đạm Trai, người chấm và phê bình và tôi có đưa ra giả thiết tác giả Chu Kiều tiên sinh có thể là Nguyễn Ức, em một cha, một mẹ với Nguyễn Du. Tiếp theo đây, tôi xin trình bày về tiểu sử, thân thế của "bậc tiên nho đã chép tay" là cụ Tử Bình, thân sinh tôi, để thực hiện cho trọn vẹn dự định của giáo sư Nghiêm Toản.

Thân sinh tôi húy là Võ Hoành (Hành), tự là Tử Bình, nguyên sinh năm Canh Thìn (1880), nhưng trong khai sanh ghi là Nhâm Ngọ (1882), quán làng Long Phước, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Nhà nghèo, ông nội tôi làm nghề gánh dầu phụng từ Long Phước đem lên nguồn bán. Gia đình không có nhà, phải ở trọ chái sau của nhà ông bác ruột. Nhờ có một người bạn tên là Nguyễn Quang giúp đỡ, khuyến khích, thân sinh tôi mới có thể tiếp tục đi học. Ông đến xin thụ giáo cụ Tú Sáu, tức là cụ Trần Thế Thận, ở Phi Phú, phủ Điện Bàn. Cụ thương hoàn cảnh và tính hiếu học của ông, nên cho ở lại nhà cụ để ăn học. Khi cụ Tú Sáu mất, ông thụ tang thầy chí hiếu. Theo lời cháu nội của Cụ Tú Sáu, thì năm 1928, khi thân sinh tôi đã ra làm quan, nhân lễ phần huỳnh (1) có đến nhà cụ Tú Sáu để cúng tạ ơn thầy, đi đường có võng lọng chiêng trống theo hầu. Nhưng khi đến đầu làng, thì ông không cho đánh chiêng trống nữa, xuống võng, đi bộ đến nhà cụ Tú. Cúng lễ xong, người nhà dọn cơm ở phản giữa, ông bảo chỗ ấy phải dành cho thầy, học trò thì chỉ được ngồi ăn ở phản hai bên mà thôi.

Theo bài đăng trong một Nội san Văn hóa tỉnh Quảng Nam ngày 14 tháng 11 năm 1992 (2) thì sau khi cụ Tú Sáu qua đời, thân sinh tôi theo học cụ Trần Quí Cáp, tại làng Nhị Giáp, phủ Điện Bàn. Đến khoa thi hương 1903, thầy và trò cùng về kinh dự thí. Thân sinh tôi đậu thủ khoa, mà cụ Trần Quí Cáp lại bị hỏng. Cụ Trần ung dung bảo:

- Khoa nầy ta không đậu... Ta để học trò ta lấy thủ khoa đấy.

Đậu thủ khoa, nhưng thân sinh tôi không biểu lộ một cử chỉ nhỏ hay một câu nói nào tỏ vẻ vui mừng, tự đắc, mà vẫn tiếp tục hầu hạ cung kính thầy như trước.

Thi xong, ông về quê, nhưng không đến tỉnh đường xin cấp giấy đem về trình làng xã biết, mà lại đi bộ thẳng về nhà vào lúc canh khuya. Trong nhà hỏi, ông đáp đã đậu thủ khoa. Mọi người đều cười, không ai tin cả. Mấy hôm sau, có giấy ở tỉnh gửi về, bà con trong họ mừng quá, xúm nhau cấp tốc dựng ngay cho gia đình chúng tôi một ngôi nhà nhỏ để có chỗ đón tiếp, đãi đằng các đại diện tỉnh, huyện, quan khách, xóm làng.

Cũng theo tài liệu trên, đến khoa thi hội Giáp Thìn (1904), cụ Trần Quí Cáp đỗ Tiến sĩ (3) được bổ làm Giáo thụ phủ Thăng Bình, Quảng Nam, rồi sau đổi vào phủ Diên Khánh, Khánh Hòa.

Còn thân sinh tôi, mấy khoa thi sau đó, "đi thi mướn" để kiếm tiền giúp cho gia đình. Đến khoa Canh Tuất, niên hiệu Duy Tân thứ 4 (1910), thân sinh tôi thi hội và thi đình, đậu phó bảng. (4)

Trước khi về quê, các người thi đậu được mời đến tòa Khâm sứ Pháp tại Huế nhận vé tàu hỏa miễn phí để hồi hương. Nhân viên phụ trách tòa Khâm tỏ vẻ hách dịch đối với các vị tân khoa. Thân sinh tôi bảo với nhân viên ấy rằng chúng tôi đã đi bộ từ quê đến kinh để ứng thí được, thì chúng tôi cũng có thể đi bộ trở về quê nhà được. Nói xong, mặc dầu có người can gián, ông vẫn rút lui, không chịu nhận vé tàu hỏa ấy.

(Năm 1959, tôi tòng học tại Đại học Văn khoa Saigon, cụ Nguyễn Sĩ Giác là giáo sư dạy Hán văn, khi hỏi thăm lý lịch của mỗi sinh viên, được biết thân sinh tôi là Võ Hoành, cùng đậu một khoa với cụ, cụ liền thuật lại câu chuyện ấy cho cả lớp nghe).

Vào khoảng thời gian thân sinh tôi thi đậu, tình hình tỉnh Quảng Nam nói riêng, toàn quốc nói chung, rất là sôi nổi.

Từ năm 1885, hưởng ứng hịch Cần Vương Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dự, Phan Bá Phiến thành lập Nghĩa hội Quảng Nam, chiêu mộ và huấn luyện nghĩa quân, tiến đánh chiếm được các đồn giặc từ Điện Bàn, Hòa Vang cho đến Duy Xuyên. Nhưng cuối cùng bị thất bại: Trần Văn Dự và Nguyễn Duy Hiệu bị bắt và bị giết; Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự tử để bảo toàn tổ chức.

Về sau, các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Quí Cáp, Châu Thượng Văn khởi xướng phong trào Duy Tân, ảnh hưởng mạnh mẽ tại Quảng Nam và nhiều tỉnh khác, chủ trương bất bạo động, mở mang dân trí, đề cao dân quyền.

Năm 1905, cụ Trần Quí Cáp cùng các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và ông tú Hoàng Thường Trung (người Phú Yên, học trò của cụ Trần) trên đường vào Nam để hoạt động cho cách mạng, tới Bình Định, vừa gặp lúc các quan Đốc tỉnh nầy đang sát hạch học trò toàn tỉnh, ra đầu đề bài thơ "Chí thành thông thánh", và bài phú "Danh sơn Lương ngọc".

Các cụ liền ghé vào thi, để mượn những đề tài nầy mà bày tỏ nỗi lòng trước thời sự, kích động lòng yêu nước của các sĩ phu, trí thức và đồng bào trong nước. Các cụ ký tên Đào Mộng Giác, cụ Phan làm bài "Chí thành thông thánh ", còn cụ Trần và cụ Huỳnh làm bài "Danh sơn Lương Ngọc phú", giao cho tú Trung chép lại, rồi do một người quen đem nạp lẫn vào với các quyển của các thí sinh khác.

Trong bài "Danh sơn Lương ngọc phú " của cụ Trần và cụ Huỳnh làm, có mấy câu, dịch nôm lại như sau:

" Mạnh thay dòng giống nước ta,
" Đâu có thua gì kẻ khác!
" Tiếc chỉ sai lầm một lúc,
" Mà gây họa để muôn đi!
" Tục còn ưa thích văn chương,
" Sĩ vẫn say mê khoa mục.
" Ngày đêm điển tích miệt mài,
" Năm tháng phú thơ cặm cụi.
" Sách hay dở, cúi đầu theo miệng trường quan,
" Lời lẽ nên chăng, nhắm mắt học thừa Trung quốc!
" Ồn ào tranh miếng lợi danh, toàn đồ kẻ cắp,
" Bô bô lên giọng hào kiệt, cả lũ lưng khom.
" Rõ ràng bọn túi cơm giá áo, lăn mình vào đợi chủ Tây sai,
" Thật đúng phường mặt ngựa đầu trâu, đành dạ để xô hầm con đỏ... "

Các quan tỉnh Bình Định khi chấm đến những bài nầy, ai nấy đều vừa xấu hổ, vừa tức giận, nhưng không cách nào tìm cho ra được thủ phạm. Cuối cùng các quan phải ém, ém đi cho thật kỹ, nhưng câu chuyện nầy, cũng như những bài thơ, phú nầy vẫn được truyền đi khắp miền Trung, rồi lan ra khắp cả nước, mặc dù bị chính quyền nghiêm cấm rất ngặt. (5)

Năm 1908, từ ngày 11/3 đến ngày 12/4, ở Quảng Nam, mươi ngàn người xuống đường biểu tình chống thuế, chống đi phu. Các cụ Phan Chu Trinh, Trần Cao Vân, Châu Thượng Văn, Lê Cơ... bị bắt và bị đày đi Lao Bão.

Còn riêng về cụ Trần Quí Cáp thì bị bắt ở Khánh Hòa, và bị xử chém ngang lưng.

Khi cụ Trần bị giết, cụ Huỳnh Thúc Kháng có làm bài thơ khóc bạn bằng chữ Hán, dịch nôm lại như sau:

" Gươm sách xăm xăm tách dặm miền,
" Làm quan vì mẹ há vì tiền ?
" Quyết đem học mới thay nô kiếp,
" Ai biết quyền dân nay họa nguyên.
" Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng,
" Nha Trang cỏ đã khóc hồn thiêng.
" Chia tay chén rượu còn đương nóng,
" Đà Nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền." (6)

Huỳnh Minh Viên tiên sinh đã thông cảm được với nỗi khổ tâm của cụ Trần khi ra làm quan, nhận chức giáo thụ các phủ Thăng Bình, Diên Khánh: "Làm quan vì mẹ há vì tiền? "

Thân sinh tôi, lúc ấy đang làm việc với Nam triều, không những cũng ở trong một hoàn cảnh gia đình như thế, mà còn bị lâm thêm vào thế kẹt: vì chính ông lại là đồ đệ của một kẻ bị tội phản loạn mới vừa bị trảm quyết. Thật là tiến thoái lưỡng nan!

Khi thân sinh tôi làm tri huyện ở Hương Thủy, Thừa Thiên, một hôm vua Duy Tân ngự giá đến, thấy thân sinh tôi bới tóc dài theo lối xưa, liền phán:

- Thời buổi nước nhà đổi mới, thầy còn giữ búi tóc làm gì!

Thân sinh tôi tuân lệnh, cắt tóc. Và cũng nhằm vào lúc mà phong trào cắt tóc được hưởng ứng nhiệt liệt trong dân gian khắp nơi...

Chính quyền Pháp tại Việt Nam liền chọn một số sĩ phu tân học và Hán học (trong đó có thân sinh tôi) gửi sang Pháp để cho thấy tận mắt trình độ văn minh, lực lượng kinh tế, quân sự, cũng như chủ trương dân chủ tiến bộ của nước họ...

Thân sinh tôi suốt đi có vẻ tư lự, ít nói năng, nhưng không cau có, khó tính. Đối với con cái, ông không hề kể lại việc ông theo học với cụ Trần Quí Cáp hay việc thi cử đậu đạt của mình như thế nào. Ngoài vấn đề tự hào dân tộc ra, ông thường nhắc nhở chúng tôi làm người ở đời, trước hết cần phải trung, tín và biết liêm sỉ.

Năm 1926, người chị thứ tư của tôi là Võ Thị Quảng, đang học trường Đồng Khánh, Huế, bãi khóa để tang cho cụ Phan Chu Trinh, bị đuổi. Và năm 1937, đang học Quốc học Huế, tôi bãi khóa đi đón thanh tra Lao động Godart để yêu cầu ân xá chính trị phạm... cũng bị đuổi (7). Lần nào, đối với chị tôi, cũng như đối với tôi, thân sinh tôi đều không hề tỏ ý bất bình, hay nói ra một câu nào để phàn nàn, quở mắng.

Sau khi thi đậu thủ khoa, thân sinh tôi làm việc ở các bộ tại Huế, rồi đi tri huyện ở Hương Thủy (Thừa thiên), Phù Cát (Bình Định), tri phủ Thạch Hà (Hà Tĩnh), Ninh Thuận (Phan Rang), Diễn Châu (Thanh Hóa), Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), Án Sát (Bình Định), Tham tá Nội các kiêm Giám đốc Cổ học viện (Huế). Đến năm 1933, sau khi cụ Ngô Đình Diệm từ chức, thân sinh tôi đang ở chức Thị Lang bộ Lại, cũng cáo bệnh, xin về hưu non.

Năm 1939, Thế Chiến thứ hai bùng nổ. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân Nhật tước khí giới quân đội Pháp và lật đổ chính quyền bảo hộ Pháp ở Đông dương. Mỹ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, Nhật đầu hàng. Quân Pháp cùng đồng minh trở lại Đông Dương. Toàn thể nhân dân Việt Nam vùng dậy kháng chiến chống lại. Ngày 6 tháng 3 năm 1946, Pháp ký hiệp ước nhìn nhận Việt Nam tự trị trong khuôn khổ Liên Bang Đông Dương. Nhân dân ta nhất định không chịu, tranh đấu đòi độc lập hoàn toàn. Đêm 19 tháng 12 năm 1946, quân đội Pháp và quân đội ta nổ súng. Cuộc toàn dân trường kỳ kháng chiến bắt đầu.

Gia đình chúng tôi di tản sang các vùng lân cận. Năm 1947, thân sinh tôi bị lâm bệnh. Tôi từ Liên Khu V về thăm. Trước khi qua đời, ông nói với tôi rằng:

- Sống chết là lẽ thường. Chỉ tiếc cơ hội ngàn năm đã đến, mà thầy không thấy được tận mắt ngày độc lập của nước nhà.

Tuy ông được liệt vào hàng tứ kiệt, bốn người đậu cao, học giỏi của tỉnh Quảng Nam (8), nhưng chúng tôi không thấy mấy khi ông làm thơ xướng họa với ai.

Hoặc là ông có làm mà chúng tôi không được biết chăng? Hoặc ông đã theo lời căn dặn của cụ Trần và cụ Huỳnh trong bài "Danh sơn Lương ngọc phú " mà không dám:

" Ngày đêm điển tích miệt mài,
" Năm tháng phú thơ cặm cụi. "

Nói thế, nhưng thật tình, chúng tôi cũng không thể biết được có phải là đúng như vậy không?

Tôi chỉ biết ông có một bài thơ mừng Nam Phong của Phạm Quỳnh tiên sinh, vào dịp báo nầy phát hành lần đầu tiên:

" Trời Nam nay mở hội Âu phong,
" Tổ quốc dân hồn cốt ở trong.
" Ước đặng Ngu thời (a) thêm mấy khúc,
" May ra Sở cạnh (b) thỏa muôn lòng.
" Trăm năm còn có người hưng khởi,
" Ngàn dặm đừng lo thói bất đồng!
" Cổ động hãy theo chiều gió thuận,
" Tây trào dần cũng nhảy sang đông. "

Chú giải - (a) Ngu thời = (thời nhà Ngu). Câu nầy ý nói: Mong ước cho nước ta được như ở thời nhà Ngu, (có vua Thuấn là một vị vua hiền đức, nên trong nước thái bình. thịnh trị); và như thế, để chúng ta có thể hát thêm mấy khúc ca làm cho "giải được nỗi uất hận của dân ta và làm cho dân ta được no ấm, giàu có hơn lên ", theo tích ngày xưa, vua Thuấn, sau khi lên ngôi được hai năm, có chế ra một thứ đàn 5 giây để hát bài ca Nam Phong (gió nam):

" Nam phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hề;
" Nam phong chi thì hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề!"

(Gió nam mát chừ, có thể khuây nỗi giận của dân ta; Gió nam phải thời chừ, có thể tăng tài sản của dân ta!).

(b)- Sở cạnh = (thịnh vượng của nước Sở). Câu nầy ý nói: Mong ước nếu may ra nước ta được thịnh vượng như nước Sở, (nguyên là một nước nhỏ, nhưng về sau hưng thịnh, hùng cường hơn cả triều đình nhà Chu), thì mọi người chúng ta mới được thỏa dạ. Trong Kinh Thi, phần Quốc phong, hai thơ Chu-nam và Thiệu nam có những câu ca dao kể lại phong tục và cách sinh hoạt phong phú của bình dân nước Sở nầy.

Hai câu thực (3 và 4) đã dùng một cách thích ứng những điển tích có liên hệ đến các từ "Nam " và "Phong ", để diễn tả thực chất của đầu đề.

Bài thơ nầy, thân sinh tôi đã họa vần lại một bài xướng của cụ Phước-môn quận công, Nguyễn Hữu Bài. Bài xướng ấy như sau:

" Tiện hồng ta nhắn với Nam Phong,
" Phong hóa êm ngoài bởi ấm trong.
" Mượn khí thanh hòa mong bổ sức,
" Giải cơn phiền não ngỏ an lòng.
" Thong dong no đủ nơi nơi thỏa,
" Vui vẻ đàn con chốn chốn đồng.
" Gió thổi từ nam mà đến bắc,
" Đưa lời nhắn nhủ thấu tây đông! (9)

Và thân sinh tôi có chuyển dịch sang thể lục bát bài "Trường hận ca" của Bạch Cư Dị và bài "Qui khứ lai từ" của Đào Tiềm. Nhưng vì hoàn cảnh đi tản trong cơn loạn lạc, chúng tôi không còn giữ lại được bản nào của hai bài chuyển dịch thơ Đường nầy.

Riêng về quyển *Quân-trung-đối* mà ông đã chép tay từ năm 1922, mười năm sau, lúc về hưu, trong giờ nhàn rỗi, ông thường đem ra xem lại, thỉnh thoảng nhuận sắc hay bình điểm một vài câu mua vui.

Ông bảo với tôi tác phẩm nầy lúc bấy giờ (khoảng 1922) bị coi như là một sách cấm, vì dư luận cho rằng Chu Kiều tiên sinh mượn chuyện *Quân-trung-đối* để chống lại Truyện Kiều, ngụ ý chê trách việc anh mình, Nguyễn Du, là cựu thần nhà Lê mà lại ra làm quan với nhà Nguyễn. Nhân sĩ vùng Tiên Điền tin cậy thân sinh tôi nên mới đưa cho xem. Ông thấy có điểm xa gần giống với tâm sự của mình, nên xin chép lại, nhưng ông phải thân hành chép lấy, không dám nhờ ai.

Theo ông, tác phẩm nầy không thể nào sánh với Truyện Kiều được, nhưng cũng là một tài liệu văn học đáng kể. Chỉ dẫn một ví dụ thôi, như ở đoạn La Thành bảy lần nài ép, thử thách Hựu Lan (hồi thứ 9) chẳng hạn, Chu Kiều tiên sinh tỏ ra đã có nhận xét thấu đáo về tâm lý các nhân vật và đã diễn tả lại một cách linh hoạt. Lối trình bày sát với thực tại như thế, tưởng ít khi gặp được trên văn đàn chữ Nôm nước ta.

CHÚ THÍCH

(1)- *Phần huỳnh*: Làm quan ngày xưa, đến tam phẩm trở lên, thì được vua phong phẩm hàm cho cha mẹ, và được về làng làm lễ *phần huỳnh* để cúng lễ tổ tiên, cảm ơn cha mẹ, thầy dạy của mình, và khoản đãi xóm làng.

(2)- *Đất Quảng - Con người* : "Thủ khoa Võ Hoành - Tam thập nhị cử nhân " , Quảng Nam 14-11-1992. Bài báo kết luận: "Cụ Võ Hoành trong trường hợp nầy, đã khiến cho mọi người ca ngợi, xem như tấm gương sáng, đáng biểu tượng cho tinh thần trọng thầy quí cô từ bao thế kỷ qua, rất cần cho giới học sinh suy gẫm, noi theo".

(3)- Cụ Trần không đậu cử nhân, tất nhiên đã được chính quyền địa phương tiến cử, thì mới có thể dự thi khoa thi hội được.

(4)- *Quốc triều hương khoa lục* - Cao Xuân Dục 1920. Khoa năm Quí Mão, Thành Thái thứ 15 (1903): Khoa nầy đậu 4 tiến sĩ: các cụ Vương Hữu Phu (Nghệ An), Nguyễn Hàm (Quảng Trị), Nguyễn Sĩ Giác (Hà Đông), Bùi Hữu Tụy (Nghệ An), và 19 phó bảng trong đó có các cụ Bùi Kỹ (Hà Nam), Hoàng Tăng Bí (Hà Đông), Nguyễn Xuân Đàm (Thanh Hóa)... và Võ Hoành (Quảng Nam).

(5)- *Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp*, Thái Bạch, Saigon 1959, "Danh sơn Lương ngọc phú ", trang 271 - 281.

(6)- *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, Saigon, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1992, Trần Quí Cáp, tr. 885-886.

(7)- Trường đuổi ba người: Trần Quỳnh học lớp trên, Nguyễn Kim Thành cùng lớp với tôi và tôi, Võ Thu Tịnh.

(8)- *Tứ kiệt*, hay *tứ hổ* : Phạm Liệu (thủ khoa 1894, tiến sĩ 1898); Huỳnh Thúc Kháng, còn gọi là Hanh (thủ khoa 1900, tiến sĩ 1904); Võ Hoành (thủ khoa 1903, phó bảng 1910); Nguyễn Đình Hiến (cử nhân 1900, phó bảng 1901). Dân gian Quảng Nam ngày xưa thường nói: "Nhất Liệu, Nhì Hanh, tam Hoành, tứ Hiến ".

(9)- *Nam Phong*, tập I, số 4, tháng 10 năm 1917, trang 255-256. Soạn giả xin cảm tạ nữ thi sĩ, tiến sĩ Phạm Thị Ngoạn, ái nữ của Phạm Thượng Chi tiên sinh, đã có nhã ý gửi cho các tài liệu nầy.

Achevé d'imprimer sur les presses Sudestasie
Dépôt légal 3è trimestre 1995
ISBN 285.881.085.0

Đính chính

- Trang 168, dòng 6, in sai : *« muôn đi »*. Xin đọc : *« muôn đời »*.
- Trang 170, dòng 1, in sai : *« suốt đi »*. Xin đọc : *« suốt đời »*.
- Trang 174, chú thích (4), ghi nhầm : *« Cao Xuân Dục 1920. Khoa năm Quí Mão, Thành Thái thứ 15 (1903) »*. Xin bỏ đi và sửa lại cho đúng : *« Quốc Triều Đăng Khoa Lục (1894, Thành Thái thứ 6). In lần thứ nhất 1962, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, trang 260 : Khoa Canh Tuất, Duy Tân thứ 4, (1910) »*.

From: MR. VO THU TINH
c/o MR TRUE HOANG
8682 Dia Ave,
Westminster, CA. 92683

BOOK

FIRST CL

MỘT ÁNG VĂN NÔM BỊ BỎ QUÊN :

Quân Trung Đối

Tác giả : *Nguyễn Chu-Kiều*
em ruột của Nguyễn Du

Vào đầu thế kỹ thứ XIX, Chu Kiều, em ruột của Nguyễn Du, viết một truyện Nôm, theo thể lục bát, nhan đề là Quân Trung Đối. Dư luận đương thời cho rằng nếu Nguyễn Du mượn Truyện Kiều, để gửi gắm tâm sự bất đắc dĩ làm "một tôi hai chủ", thì Chu Kiều mượn câu chuyện La Thành và Đậu Tuyến Nương trong *Quân Trung Đối,* để gửi gắm tấc lòng "kiên trung", dụng ý chê trách việc anh mình ra làm quan với nhà Nguyễn. Vì vậy, ở thời nhà Nguyễn, tác phẩm nầy không thể công khai phổ biến. Vào các năm 1879, 1910, 1911, có người đem xuất bản nhưng phải đổi tên lại là *Trung Quân Đối*, và không ghi tên tác giả. Từ đó đến nay, tuyệt nhiên không thấy ai nhắc đến tác phẩm nầy.

Về giá trị văn chương, giáo sư Nghiêm Toản cho rằng *Quân Trung Đối* xấp xỉ với Nhị Độ Mai. Theo cụ Tử Bình, tác phẩm nầy tuy không thể nào sánh với *Đoạn trường Tân thanh* được, nhưng cũng không phải là một tài liệu văn học không đáng kể.

Bản Quân Trung Đối nầy đã được giáo sư Nghiêm Toản hiệu đính, chú giải thấu đáo và cụ Đạm-Trai, cụ Tử-Bình bình điểm một cách dí dỏm, theo lối các nhà nho ngày xưa.



285.881.085.0